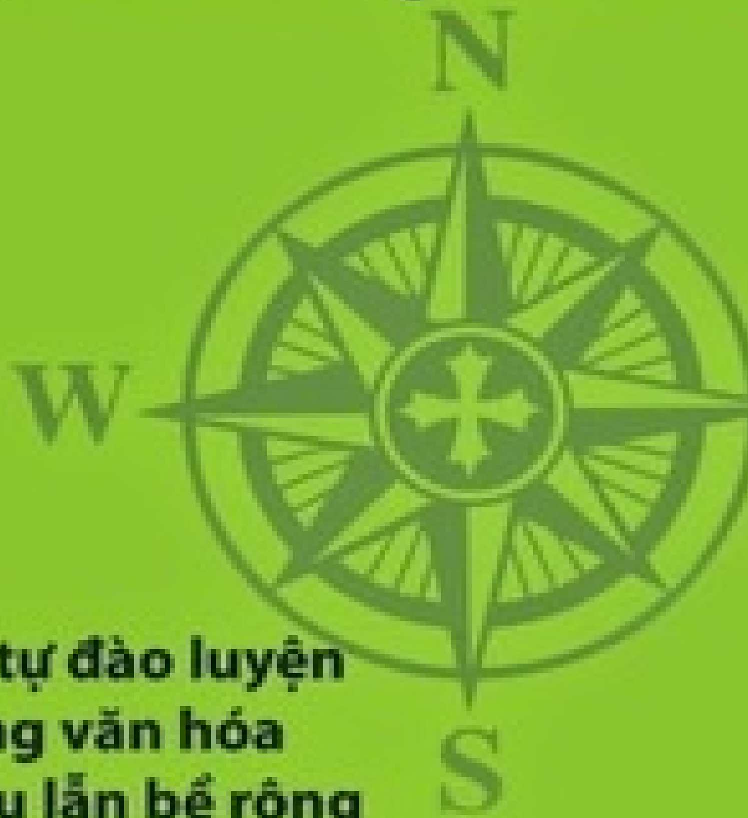
Tủ sách THU GIANG

Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN

TÔI TỰ HỌC



Phương pháp tự học, tự đào luyện cho mình một nền tảng văn hóa vững chắc cả về bề sâu lẫn bề rộng

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

TÔI TỰ HỌC

Tác giả: **Thu Giang Nguyễn Duy Cần**

Chuyển text, soát lỗi: **cailubietdi**

Ebook: **Cuibap**

Mục lục

TỰA

Tôi còn nhớ một câu chuyện ngụ ngôn Ả Rập rất ngộ nghĩnh sau đây do văn sĩ Anatole France thuật lại: Có một nhà vua gọi các bậc trí giả trong nước, bảo tìm tòi và mang lại cho ông sự khôn ngoan. Các nhà bác học ấy sưu tầm tất cả sách vở hay nhất trong nước để chở đến cho nhà vua. Nhà vua đang bận vui chơi trong một yến tiệc nên không có ngày giờ đọc: "Nhiều quá! Làm sao đọc hết được? Suốt đời ta cũng không đọc hết. Các người hãy tuyển lại trong đống sách ấy những quyển nào hay nhất và cần thiết nhất thôi".

Các nhà bác học ngày đêm tuyển chọn, còn được một số sách hay nhất, bèn đem chở đến nhà vua. Bấy giờ, nhà vua đang mơ màng buồn ngủ, bèn bảo: "Vẫn còn nhiều quá! Các khanh cố gắng thêm lên, đọc lại thật kỹ các sách này và tóm tắt lại tinh hoa của nó, viết lại thành một quyển sách thôi, rồi ta sẽ đọc quyển ấy để thu thập sự hiểu biết của những bậc thông minh nhất thế giới từ cổ chí kim, có phải tiện hơn không?".

Các nhà bác học uyên thâm nhất cặm cụi cả năm trường mới rút đặng tinh hoa vào một bộ sách duy nhất. Lòng mừng khấp khởi, vị cao niên nhất trong các nhà thông thái ôm bộ sách quí ấy vào đền. Nhà vua cũng vẫn chê là còn dài dòng lắm: "Khanh hãy cố gắng rút tất cả tinh hoa bộ sách này làm thành một câu thôi, như thế ta chỉ học lấy câu ấy để biết được tất cả cái biết của con người từ xưa đến nay, trong khắp thiên hạ".

Nhà thông thái trở về, và sau một tháng trở vào đền, cầm theo câu tư tưởng chứa đựng tinh hoa tất cả sự hiểu biết của con người, viết trên một tấm lụa ngà: "Con người sinh ra, yếu đuối, trần truồng. Càng ngày càng lớn hơn, về sức mạnh cũng như về dục vọng, nhưng lòng tham muốn lại không bao giờ thỏa mãn. Rồi tàn tạ, rồi tiêu vong".

Nhà vua đang bận sửa soạn ra quân, tỏ vẻ giận dữ nói: "Điều ấy có gì mà phải nói. Ta đã biết dư rồi! Các anh toàn là bọn láo cả!"

❋❋❋

Câu chuyện này muốn nói gì thế? Theo Charles Baudoin, trong những ý kiến các trí giả xưa nay, ý kiến này của Alain có lẽ là đúng nhất: "Văn hóa là

điều không thể truyền được mà cũng không thể tóm tắt lại được".

Tôi cũng nhìn nhận lối nhận xét trên đây của Alain là đúng. Như thế, sao lại còn viết ra quyển *Tôi tự học* để làm gì?

Tự học là một nghệ thuật. Là nghệ thuật thì không thể truyền được. Trang Tử cũng có câu chuyện ngụ ngôn sau đây, gẫm rất là ý vị: "Hoàn công đọc sách ở trên lầu. Có người thợ mộc đang đẽo bánh xe ở nhà dưới, nghe tiếng đọc, bỏ tràng, đục, chạy lên thưa với nhà vua:

- Cả dám hỏi nhà vua học những câu gì thế?

Hoàn công nói:

- Ta đọc những câu của Thánh nhân.

- Thánh nhân hiện còn sống không?

- Đã chết cả rồi?

- Thế thì những câu nhà vua đọc chỉ là những cặn bã của cổ nhân đấy thôi.

- À! Anh thợ! Ta đang đọc sách, sao dám được nghị luận. Hễ nói có lý thì ta tha, bằng không có lý ta bắt tội.

Người thợ mộc nói:

- Tôi xin cứ lấy việc tôi làm mà suy luận. Khi đẽo bánh xe, rộng, hẹp, vừa vặn, đúng mực thì thật là tự tâm tôi liệu mà nảy ra tay tôi làm, như đã có phép nhất định, chứ miệng tôi không thể nói ra được. Cái khéo ấy, tôi không thể dạy được cho con tôi, con tôi không thể học được của tôi. Bởi vậy, năm nay tôi đã bảy mươi tuổi rồi mà vẫn giữ nghề đẽo bánh xe. Người xưa đã chết thì cái hay của họ khó truyền lại được, tưởng cũng như đã chết cả rồi. Thế thì những câu nhà vua học, thực ra chỉ là những cặn bã của người xưa mà thôi".

Thật có đúng như lời của Alain đã nói:

"Văn hóa là một cái gì không thể truyền, cũng không thể tóm tắt lại được".

***

Văn hóa tuy không thể truyền được cái hay nhưng có thể khêu gợi và giúp cho người ta đi đến chỗ hay. Cũng như nguyên tắc dạy vẽ, tuy không truyền lại được cái thiên tài của họa sĩ, nhưng cũng giúp cho người người có thể có được những lề lối làm việc để thành một nhà họa sĩ chân tài.

❋❋❋

Tác giả là người đã vất vả rất nhiều trong con đường học vấn. Trước đây, tác giả là người rất kém về trí nhớ, lại cũng kém cả thông minh và sức khỏe, sau khi ra trường cảm thấy mình bơ vơ, ngơ ngác trước con đường học vấn mênh mông. Thú thật, ở trường tác giả không học được gì hơn là những ý thức thông thường, nhưng không "tiêu hóa" được bao nhiêu. Là vì chương trình quá nặng mà thời gian "tiêu hóa" rất ngắn. Cho nên ra trường được vài năm thì dường như đã quên gần hết những gì mình đã học. Sở dĩ sau này có được chút ít học vấn, dù nông cạn đến đâu, cũng đều nhờ công phu tự học cả. Tác giả nhận thấy câu nói này của Gibbon rất đúng: "Mỗi người đều nhận được hai thứ giáo dục: một thứ do người khác truyền cho; một thứ, quan trọng hơn nhiều, do mình tự tạo lấy". Đó là trường hợp của tác giả. Và, như bác sĩ Gustave Le Bon đã nói, tác giả cũng đã "dùng phần thứ hai của đời mình để đả phá những ảo vọng, những sai lầm và những nếp suy tưởng hẹp hòi lạc hậu mà mình đã hấp thụ được trong khoảng đời thứ nhất" của mình ở nhà trường.

❋❋❋

Trước đây, về vấn đề này, tác giả đã có cho xuất bản hai quyển *Óc sáng suốt* và *Thuật tư tưởng*. Quyển *Tôi tự học* này chỉ để bổ túc hai quyển trước mà thôi. Bởi vậy, nếu bạn đọc nhận thấy rằng đề cập đến vấn đề học hỏi mà bỏ qua vấn đề luyện trí nhớ, tập quan sát, luyện giác quan, cũng như phương pháp suy luận là một điều thiếu sót lớn, thì xin các bạn nên biết cho rằng những vấn đề ấy đã được bàn rất rộng trong hai quyển đã kể trên. Lắm khi cũng có một vài vấn đề đem ra bàn lại, dĩ nhiên là với nhiều tài liệu phong phú hơn, được bàn rộng về nhiều khía cạnh hơn.

Đây là một mớ nguyên tắc, không phải chỉ tự mình tìm ra, mà phần nhiều là của những bậc tiền bối cổ kim, đã giúp ích tác giả rất nhiều trong con đường học vấn. Những kinh nghiệm của tác giả trong thời gian tự học thường chỉ dùng để bàn rộng và bình phẩm những nguyên tắc do các bậc đàn anh chỉ dẫn. Dĩ nhiên là khi biên chép lại, tác giả nhìn nhận rằng nó đã giúp được rất nhiều cho mình, và như thế cũng có nghĩa là rất có thể nó sẽ không giúp ích gì cho những ai khác có những thiên tư cùng năng khiếu khác mình. Vì vậy mới có tên làm tựa sách là *Tôi tự học* mà không dám đề là *Tự học*

suông, như các sách cùng loại đã xuất bản. Như vậy, những thiếu sót, hoặc vụng về, hoặc sai lạc đều là do những kinh nghiệm còn nhiều bỡ ngỡ của tác giả. Seignobos, Désiré Roustan, Marcel Prévost, Jean Guitton, Jules Payot, Gustave Rudler, là những học giả mà tác giả đã chịu nhiều ảnh hưởng nhất, không phải về tư tưởng mà về phương pháp tự học.

❋❋❋

Học là để cho đầu óc và tâm hồn càng ngày càng cao hơn, rộng hơn. Có cao, có rộng thì mới tránh được cái nạn "thiên kiến", "chấp nhất" của những đầu óc hẹp hòi. "Óc hẹp hòi", theo Charles Baudoin, "là những đầu óc không thưởng thức nổi những gì mình không ưa thích". Ông lại nói: "Từ sự không có văn hóa đến lòng thiên chấp, chỉ có một bước mà thôi" (De l'inculture à l'intolérance, il n'y a qu'un pas). Thật có như vậy.

Người có văn hóa cao là người mà tâm hồn thật cao rộng, dung nạp được tất cả mọi ý kiến dị đồng, không có những thành kiến hay tư tưởng một chiều, bao giờ cũng nhìn thấy tất cả mọi bề mặt và bề trái của sự đời. Bởi vậy, muốn có được một tâm hồn cao rộng ít ra phải có một nền học thức rộng đủ mọi mặt, kiêm cả đông tây, kim cổ. Kẻ nào tin tưởng một cách quả quyết rằng chỉ có mình nắm được chân lý tuyệt đối là kẻ không thể có lòng khoan dung rộng rãi. Nhất là không thể là một nhà tâm lý sâu sắc được.

Học rộng sẽ giúp ta đi từ "tuyệt đối luận" qua "tương đối luận", biết vượt lên trên những lập trường eo hẹp hạn định của một hệ thống tư tưởng hợp với mình để thông cảm với những hệ thống tư tưởng khác không hợp với lòng ưa thích của mình. Người học thức rộng là người biết thưởng thức tất cả mọi hình thức văn hóa bất luận đông tây hay kim cổ.

Đầu óc hẹp hòi, hay suy nghĩ có một chiều, nên dễ sinh ra cuồng tín. Cuồng tín là tai họa ghê gớm nhất của thời đại, bất cứ là thời đại nào. Trừ bớt nó được chút nào, may ra chỉ có văn hóa. Như vậy, phải chăng văn hóa là phương tiện tranh đấu duy nhất để đem lại tình thương và hòa bình cho nhân loại? Đó là mục tiêu cao nhất của văn hóa: Làm cho con người hoàn thành sứ mạng của con người.

Thu Giang Nguyễn Duy Cần

Sài thành 22 tháng 5 năm 1960

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Thử Tìm Một Định Nghĩa

A. Thế nào là người học thức?

Lễ Ký có nói: "Ngọc bất trác, bất thành khí; nhân bất học, bất tri lý". Có người dịch như vầy: "Ngọc chẳng mài, chẳng ra chi. Người mà chẳng học, trí tri đâu tường...".

Nhưng thế nào là "người có học"?

Có kẻ đậu năm ba bằng, có người đậu cử nhân, tiến sĩ thế mà cũng còn bị người ta mắng cho là đồ "vô học". Như thế thì "người có học" là người như thế nào? Chắc chắn, nó phải có một định nghĩa rõ ràng, nhưng thường được hiểu ngầm hơn là nói trắng ra.

Tôi có quen nhiều bạn đậu kỹ sư điện, thế mà trong nhà có máy điện nào hư, phải đi tìm những anh thợ máy điện đến sửa. Nếu ta bảo họ giảng nghĩa về điện học, thì phải biết, họ sẽ làm cho ta điếc óc. Tôi có biết nhiều ông giáo sư ở trường sư phạm ra, thế mà trong khi dạy học, họ không biết áp dụng một nguyên tắc sư phạm nào cả; học trò vẫn than phiền là giờ dạy của họ buồn ngủ muốn chết, không hiểu được gì cả. Rồi họ còn bảo: "Học trò mà học dở, không phải lỗi tại thầy". Tôi cũng thấy vài ông đậu bằng tiến sĩ hay thạc sĩ triết học, thế mà cách ăn ở với đời vụng dại như một người ngu, không hiểu chút gì về tâm lý của con người cả.

Ai ai, nếu để ý quan sát, cũng sẽ nhận thấy như tôi. Sự tình ấy không phải lỗi gì nơi những người ấy, họ là nạn nhân của chế độ nhà trường ngày nay, mà tôi sẽ bàn đến ở một nơi khác. Tôi chỉ muốn nói, những người có những bằng cấp trên đây, họ có hơn gì kẻ vô học không? Nếu có hơn là họ hơn về lý thuyết nhưng về phần thực tế, họ đâu có hơn gì một con vẹt. Nói cho đúng hơn, họ chỉ có "học" mà không có *"hành"*. Học là để biết. Biết, mà không thực hành được, cũng chưa gọi là "biết". Tri và hành cần phải hợp nhất mới được gọi là người *"có học thức"*.

Người xưa có ví: "Con chiên ăn cỏ, đâu phải để mà nhả cỏ, mà là để biến thành những bộ lông mướt đẹp. Con tằm ăn dâu, đâu phải để mà nhả dâu, mà

là để nhả tơ". Học mà không "tiêu hóa", có khác nào con chim nhả cỏ, con tằm nhả dâu. Người ta rồi cũng chẳng khác nào cái máy thu thanh, chỉ lặp lại những gì kẻ khác đã nói. Học như thế, không có lợi ích gì cho mình mà còn hạ phẩm cách của con người ngang hàng với máy móc. Georges Duhamel có nói: "Đừng sợ máy móc của bên ngoài, hãy sợ máy móc của cõi lòng". Một xã hội mà con người chỉ còn là một bộ máy thì sứ mạng của văn hóa đã đến ngày cùng tận rồi, mà tinh thần loài người rồi cũng đến lúc diệt vong: có xác mà không hồn. Học mà đưa con người đến tình trạng ấy, tôi tưởng thà đừng học có hơn không? Cái hiểm trạng của xã hội ngày nay phải chăng một phần nào đều do những bộ óc "học thức nửa mùa" ấy gây nên?

Thế thì, *"học"* và *"học thức"* không thể lầm lẫn với nhau được. Ta cần phải để ý phân biệt hai lẽ ấy.

Thật vậy, có những sự hiểu biết chỉ "bám" ngoài da mà không thể "ăn sâu" vào tâm khảm của ta. Nó là một nước sơn bóng nhoáng và chỉ là một lớp sơn thôi. Cái học của ta không ảnh hưởng gì đến tâm hồn ta cả. Trái lại, cũng có nhiều thứ hiểu biết liên lạc với ký ức ta, với tư tưởng ta, với tình cảm dục vọng ta, nó hòa hợp với con người tinh thần của ta không khác nào khí huyết tinh tủy đối với thân thể của ta vậy. Giữa những sự hiểu biết ấy và ta, có một thứ tác động và phản động, xung đột nhau, hòa hợp nhau để thay đổi nhau và thay đổi luôn cả con người của ta nữa.

Tôi muốn nói: giữa ta và những điều ta học hỏi phải có một sự "tiêu hóa", hay nói theo Kinh Dịch, phải có một việc *thần hóa (thần nhi hóa chi)* mới được.

Vậy, ta phải dành chữ *"học thức"* cho những bộ óc thông minh biết đồng hóa với những điều mình đã học. Như thế thì, *học nhiều* và *học thức* không giống nhau.

Phần đông chúng ta thường nhận lầm việc ấy. Chúng ta thường đánh giá con người theo bằng cấp của họ, những bằng cấp ấy phần nhiều là những bằng cấp trí nhớ: kẻ nào nhớ giỏi thì thi đậu. Sự nhận xét sai lầm này gây không biết bao tai họa cho loài người hiện thời.

Tóm lại, người *học thức không phải cần biết thật nhiều, mà cần phải thật biết những gì mình đã biết.*

"Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã" - Biết, thì biết là mình biết,

không biết thì biết là mình không biết, ấy mới thật là biết. *Học thức là một vấn đề thuộc "phẩm", chứ không phải thuộc "lượng".*

Cái học mà đã được đồng hóa rồi thì không còn nói là cái học bên ngoài nữa. Cỏ mà bị chiên ăn rồi, không còn là cỏ nữa. Dâu mà bị tằm ăn, không còn gọi là dâu nữa.

Học cũng như ăn.

***

B. Học để làm gì?

Học để làm gì? Và tại sao ta phải học?

Ta phải quan sát chung quanh ta, ta sẽ thấy có hai hạng người: học vì tư lợi, và học không vì tư lợi gì cả, nghĩa là học để mà học, học theo sở thích của mình.

Hạng học vì tư lợi, chiếm một phần rất đông. Họ học một nghệ thuật nào, một khoa học nào, một nghề nghiệp nào là để tìm một kế sinh nhai. Cái ý muốn thiết thực này cũng là cái ý muốn chính của các bậc làm cha mẹ khi tìm thầy cho con, hay khi gởi chúng đến trường. Mà chính các học sinh, đa số cũng chỉ có một mục đích ấy: nắm lấy bằng cấp để tìm lấy một con đường sinh kế.

Thật ra, cũng có nhiều kẻ, đối với nghề nghiệp sau này của mình cảm thấy thích thú lắm. Cũng có thể rất sung sướng khi nghĩ đến sau này sẽ được làm kỹ sư, giáo sư, nghệ sĩ hay sĩ quan... Nhưng, cái ý nghĩ nhờ đó để kiếm địa vị, tiền bạc, danh vọng, quyền tước... cũng đủ làm cho tâm hồn mình mất cả cái sung sướng tinh khiết của cái học vô tư lợi. Cái mộng của tuổi trẻ qua rồi, tôi thường thấy có nhiều bậc phụ huynh không muốn cho con em mình sau này đeo đuổi theo nghề nghiệp của mình. Học để tìm một nghề nghiệp làm kế sinh nhai, có cái lợi ích của nó, không một ai có thể chối cãi được; nhưng dầu thích hay không thích, nó chỉ là một cái học để thành công, một cái học vị lợi, mà đối với những người có đầu óc thiết thực, ít lý tưởng, cho là thỏa mãn lắm rồi!

Bên những nhà "tập sự" vị lợi ấy, chúng ta cũng thấy có nhiều kẻ, ngay buổi còn thơ, nhất là lúc mà trí thức đương chừng nẩy nở, họ ham học mà không có một ý nghĩ gì vụ lợi cả: không phải để kiếm tiền, không phải để tìm địa vị, cũng không phải để tìm danh vọng. Chiều theo ý của cha mẹ,

hoặc vì hoàn cảnh bắt buộc mà phải chọn một nghề nào, kỳ thực họ không để chút tâm hồn nào nơi ấy cả. Họ là một công chức sở hối đoái mà họ mê say thi phú hay âm nhạc. Họ là một sĩ quan mà họ mê say lịch sử hay văn chương. Họ là một trạng sư mà họ mê say toán học. Có kẻ, ngoài giờ phải lo lắng dồi mài nghề nghiệp của mình để kiếm ăn, cũng ráng dành một vài giờ để thỏa mãn tính tò mò của mình, học những môn không lợi ích gì cho cái đời vật chất của mình cả, khi thì đọc triết học, khi thì đọc sách nghiên cứu về văn chương, lắm khi tập tễnh cầm bút viết văn hay hội họa.

Đấy cũng là một cách học, một cái học hoàn toàn không chút gì vị lợi. Những kẻ học như thế, họ học văn chương vì văn chương, học nghệ thuật vì nghệ thuật, học khoa học vì khoa học.

Hai hạng người trên đây, ai có lý? Ai vô lý? Thật cũng khó mà trả lời. Cái thích của người này chưa chắc cũng là cái thích của người kia.

Lại còn có người họ *thích không học gì cả*, thì sao? Họ sẽ nói: "Đời người ngắn ngủi, học cùng không học thì có khác nhau gì. Anh thích khoa học, tạo hóa ban cho anh nhiều năng khiếu, thì anh thành nhà bác học giúp đời, còn tôi, không có năng khiếu gì cả, cố mà nhồi vào sọ những cái học hỏi của kẻ khác, cố mà sản xuất những tác phẩm không hơn gì những bài làm của học sinh... thì phỏng có lợi ích gì! Ta hãy cứ tìm lấy những hạnh phúc rẻ tiền không cần dụng công nhọc sức chi cả có hơn không? Anh đọc *Truyện Kiều*, anh biết thích; tôi, tôi đọc *Lục Vân Tiên*, tôi cũng biết thích vậy. Anh, anh thích nhạc tân kỳ, anh thích nhạc Âu Mỹ. Tôi, tôi nghe vọng cổ, tôi xem hát bội, tôi cũng biết thích vậy. Anh đọc tiểu thuyết của Âu Mỹ, anh biết hay; còn tôi, tôi đọc tiểu thuyết kiếm hiệp của Phú Đức [1], tôi cũng biết mê say... Vậy, cũng chưa chắc cái sướng của anh hơn cái sướng của tôi".

Ta phải trả lời với họ cách nào?

Đã không thiếu gì những quyển luân lý tân cựu trả lời với họ rất hùng hồn. Nhưng theo tôi, mặc dầu có rất nhiều bài văn mà tài hùng biện của tác giả không thể chối cãi được, tôi thấy cũng chưa đủ sức cảm hóa hạng người trên đây.

Ta hãy can đảm nhìn ngay sự thật; có nhiều kẻ họ sống hết sức hạnh phúc trong sự ngu dốt và ở không của họ. Họ ghét đọc sách, họ ghét suy nghĩ, họ ghét làm việc bằng tinh thần cũng như họ ghét gông cùm tù tội vậy: một vấn

đề hoàn toàn thuộc về bản chất.

Goethe, lúc mà danh vọng của ông lên đến tột độ, ngày kia dạo trên bờ sông thành Naples gặp một tên ăn mày nằm ngủ phơi mình trong ánh nắng. Ông dừng chân, tự hỏi: "Ta và anh ăn mày này, ai hạnh phúc hơn ai?". Thật cũng khó mà trả lời cho dứt khoát. Tuy nhiên, tôi chắc chắn, các bạn cũng như tôi, chúng ta thích sống trong hạnh phúc của Goethe hơn. André Gide cũng nói: "Một cái hạnh phúc mà vô tâm, tôi không chịu sống trong hạnh phúc ấy".

Nếu bạn là người theo phái "ăn rồi nằm ngửa nằm nghiêng, có ai mướn tớ, thời khiêng tớ về..." nghĩa là theo phái thích "ăn không ngồi rồi", "tối thiểu nỗ lực" và cho đó là hạnh phúc nhất đời, xin mời bạn hãy để quyển sách này xuống. Nó không phải viết cho bạn.

Thú thật, tôi không đủ tài để thuyết phục bạn. Sách này viết ra cho những ai cùng một ý kiến với tôi, cho rằng hạnh phúc của Goethe hơn hạnh phúc của anh ăn mày, hay nói cho đúng hơn, Goethe cao trọng hơn anh ăn mày.

Theo tôi, hạnh phúc là được làm chủ hành động ta, tư tưởng ta, tình cảm ta... và mỗi ngày mỗi làm cho con người của ta thêm sáng suốt hơn, thêm tự do hơn, thêm to rộng hơn... nghĩa là thêm mới mẻ hơn. *"Cẩu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân"* - Mỗi ngày một mới, và ngày càng mới mãi. Đấy là lời khắc trên bồn tắm của vua Thành Thang ngày xưa. Và cũng chính là lý tưởng của Pasteur: "Cao lên, cao hơn lên, và cao lên mãi".

Như thế, ta thấy rõ mục đích của sự học là gì rồi. *Học, là để mưu hạnh phúc, nghĩa là để làm cho mình càng ngày càng mới, càng ngày càng cao, càng ngày càng rộng...* Học, là tăng gia sự hiểu biết của mình, là mở rộng tâm hồn của mình bằng cách thu nhận sự hiểu biết cùng những kinh nghiệm của kẻ khác làm của mình. Có khác nào một đứa trẻ mới sinh, cân không đầy hai ba ký. Thế mà nhờ đâu càng ngày càng lớn đến năm sáu chục ký trong khoảng vài mươi năm sau? Phải chăng nhờ rút lấy những vật liệu chung quanh: không khí, món ăn, món uống... mà tiến từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh, nghĩa là càng ngày càng mới, càng ngày càng cao, càng ngày càng lớn. Bởi vậy, trước đây tôi có nói: "Học cũng như ăn".

Ăn mà không tiêu thì có hại cho sức khỏe. Học mà không hóa thì có hại cho tinh thần. Cỏ của con chiên ăn mà được tiêu, không còn gọi là cỏ nữa,

mà là bộ lông mướt đẹp của nó. Dâu của con tằm ăn mà được tiêu, không còn là dâu nữa, mà là sợi tơ mịn màng tươi tốt của nó. *Người có học thức là người đã thần hóa những cái học của mình.* Bởi vậy, người có học thức là người dường như không biết gì cả, mà không có cái gì là không biết.

Học mà đến mực dường như quên hết cả sách vở của mình đã học thì cái học ấy mới thật là "nhập diệu". Herriot nói: *"Học thức là cái gì còn lại khi mình đã quên tất cả"*.

Một nhà tâm lý học có nói: "Quên là điều kiện cần thiết của cái nhớ". Thật là chí lý. Một điều gì học mà mình còn cố nhớ, là nó chưa được nhập vào tâm. Chỉ khi nào mình không cần nhớ mà nó vẫn tự nhiên hiển hiện trong tâm trí mình thì môn học ấy mới được gọi là đã được tiêu hóa. Người học đánh máy chữ mà còn để ý tìm từng nút chữ, cố nhớ vị trí của mỗi nút chữ là người đánh máy chưa tinh. Người học đi xe máy mà còn nhớ mình còn ngồi trên xe máy, còn để ý đến bàn đạp, cách đạp... là người đi xe máy chưa tinh. Tôi nhớ lúc còn học thi, gần đến ngày thi, tôi băn khoăn nói với cha tôi: "Sao con học nhiều quá mà nay dường như con không nhớ gì cả. Lòng con như quên hết, không biết có nhớ được gì không? Con sợ quá!" Cha tôi cười bảo: "Đấy là con đã học "mùi" rồi. Quên, tức là nhớ nhiều rồi đó. Con hãy yên tâm..." Thật đúng như lời. Ngày thi, giám khảo hỏi đâu tôi trả lời liền đó, một cách dễ dàng hết sức.

Trang Tử nói: "Người bắn cung mà còn để ý đến việc bắn cung của mình là người bắn chưa tinh. Kẻ lội mà còn để ý đến cái lội của mình là người lội chưa giỏi. Phải biết quên thị phi đi, thì cái tâm mình mới thông suốt được cái lẽ thị phi." (Tri vong thị phi, tâm chi thích dã). Hiểu được câu nói này của Trang Tử là hiểu được cái diệu pháp của phép học rồi vậy.

❋❋❋

C. Thế nào là bậc thiên tài?

Nói đến những bậc thiên tài, nhiều người đã tưởng tượng họ như những kẻ phi thường, cô phong độc tú, xa hẳn với loài người. Thực ra cũng không có gì lạ giữa họ và chúng ta cho lắm, có nhiều kẻ còn tệ hơn chúng ta nhiều về vấn đề thể chất lẫn tinh thần nữa. Họ chỉ khác ta có một điều thôi: *họ có một đức tin vững vàng về phương pháp làm việc của họ.* Họ tin rằng với sự cần cù nhẫn nại và cách làm việc có phương pháp, họ sẽ đạt được ý muốn

cao xa của họ. Theo họ, "thiên tài chỉ là một sự nhẫn nại bền bỉ lâu ngày" mà thôi.

Darwin, tác giả bộ "Vạn vật nguyên lai luận", người đã gây được một cuộc cách mạng to tát trong khoa học là một người có một trí nhớ rất tồi tệ, một sức khỏe rất bạc nhược.

Spinoza đau bệnh phổi, chết vào khoảng 45 tuổi.

Pascal thì đau mãi và mất sớm năm 39 tuổi.

Montaigne cứ than vãn mãi về trí nhớ thậm tệ của ông cũng như về trí não "chậm chạp và tăm tối" của ông, còn Herbert Spencer thì không thể nào làm việc trong một giờ mà không đau. Có ai dám bảo rằng những người nói trên đây không phải là những bậc vĩ nhân trong nhân loại? Sự nghiệp tinh thần của họ đều là những kỳ công bất hủ, những tinh hoa của nhân loại. Thế mà vấn đề thể chất họ còn thua ta xa, còn về vấn đề tinh thần có khi cũng không hơn gì chúng ta cho lắm. Nếu phải kể ra cho hết thì cả năm mươi trang cũng không sao kể đủ tên tuổi của các bậc vĩ nhân mà về phương diện thể chất và tinh thần không có gì là đặc sắc hơn những kẻ tầm thường.

Thế nhưng họ đã để lại cho đời những kỳ công vĩ đại là nhờ đâu? Vì họ biết cách làm việc có phương pháp, có nghệ thuật.

Trong giới trí thức, cũng như trong các hiện tượng khác của tự nhiên: những hành động hùng hổ mãnh liệt như địa chấn, thủy tai... chỉ là những hiện tượng bạo phát mà bạo tàn.

Những gì có tính cách vĩ đại khó thoát khỏi yếu tố thời gian. Muốn học cho thâm, muốn gây tạo những công trình to tát cũng phải cần đến thời giờ. Nhất là văn hóa, không thể chấp được thời gian. Một giọt nước con mà với thời gian đã điêu khắc dải Hoành Sơn, Tuyết Lãnh...

Nếu các bạn xem kỹ đời niên thiếu của các bậc vĩ nhân đã làm vẻ vang cho Tổ quốc họ và cho cả nhân loại, các bạn sẽ thấy, khi các ông ấy còn là học sinh đâu phải luôn luôn là những học sinh đứng vào hạng nhất trong lớp họ. Có khi họ lại là những anh học sinh "hạng bét" là khác. Có nhiều kẻ, chính các ông thầy của họ cũng không để ý đến họ nữa. Nhưng một ngày kia, một tình cờ run rủi, bỗng dưng cảm khích như Malebranche, sau khi đọc quyển *Traité de l'Homme* của Descartes, đem hết nghị lực lao đầu vào sự học, nhẫn nại, cố gắng cho tới ngày tài hoa xuất hiện.

Một việc làm âm thầm, lặng lẽ trong cô tịch nhưng đầy hăng hái, đầy kiên nhẫn sẽ là những công việc làm ra nhiều kết quả vẻ vang và sâu sắc nhất. Trong khoảng âm thầm lặng lẽ nghiên cứu học hỏi, các bạn đã tìm ra được lắm ý nghĩ hay ho, nhiều tư tưởng tân kỳ có thể là những nền tảng cho một đời sống tinh thần và phát minh sau này của bạn.

Trong lúc ấy, trong lúc mà các bạn khác của bạn, nhiều may mắn hơn, đi vào các trường cao đẳng để tản mát trí lực của họ trong những cuộc đua chọi bằng cấp và địa vị cao sang quyền quý, thì trong bóng tối, trong im lặng, tác phẩm của bạn như tiếng sấm đêm đông, làm cho mọi người kinh ngạc. Công trình sự nghiệp của bạn chẳng khác nào những hòn đảo kia, từ lượn cát đắp bồi, bỗng trồi lên mặt nước, một cách vững vàng như non núi.

Những bậc vĩ nhân đều hiện lên một cách từ từ và lặng lẽ như thế. Họ nhẫn nại mà đi từng bước một, nhưng một bước của họ là một bước chắc chắn.

Leo núi cao, các người từng trải đều quả quyết rằng những kẻ nào háo thắng, vội vàng sẽ không bao giờ đi tới mức được. Họ sẽ nhọc mệt, đuối sức và bị bỏ lại giữa đường. Các bậc vĩ nhân họ đi từ từ mà không nghỉ, một cách hết sức trật tự và qui củ.

Ông Newton nói: "Nếu tôi có phát minh được một đôi điều gì, cũng là nhờ nghĩ ngợi mãi một việc và đem việc ấy mà quan sát đủ mọi phương diện. Nếu những phát minh của tôi có được chút ích lợi cho đồng bào là do sự cần cù và đeo đuổi mãi theo một ý nghĩ không thôi vậy".

Giáo sư Duclaux, trong một bài diễn văn nói về Pasteur có nói: "Tôi không rõ những phát minh kỳ vĩ có phải là do thiên tài sản xuất, không cần đến sự cố công gắng sức không? Chứ ở trường hợp Pasteur đây, tôi thấy hẳn không phải vậy. Nếu ông là một nhà phát minh đã lập được rất nhiều kỳ công vĩ đại trong nhân loại, trước hết nhờ ông là một người làm việc rất nhẫn nại và lặng lẽ".

Nhất là họ không bao giờ hiếu danh, hối hả trong công việc học hỏi và nghiên cứu của họ.

Người ta bảo rằng, lúc Pasteur thi vào đại học chỉ đậu hạng ba hạng tư gì đó. Năm ấy, ông không chịu vào đại học. Học thêm một năm nữa, kỳ thi năm sau ông đứng đầu. Ông tự cho rằng sức ông còn yếu, nên cần học lại thêm

một năm nữa, đâu có muộn gì, bởi theo ông cần nhất là phải có thật tài hơn là hối hả trong công trình học vấn. Thật có khác với đầu óc tâm tưởng của phần đông chúng ta ngày nay, bao giờ cũng muốn cướp thời gian và thành công mau lẹ.

Tóm lại, thiên tài là một sự nhẫn nại bền bỉ và lâu dài. Muốn thành những bậc tài hoa, điều thứ nhất là phải có lý tưởng, có đủ tin tưởng và chí kiên nhẫn để thực hiện lý tưởng ấy; điều thứ hai là làm việc cho có trật tự, có phương pháp, nhẫn nại và lặng lẽ, không bồn chồn, không vội vã...

----

[1] Tên một nhà văn Việt Nam chuyên viết tiểu thuyết kiếm hiệp vào đầu thế kỷ 20.

CHƯƠNG THỨ HAI

Những Yếu Tố Chính

A. Học vấn và thời gian

Trang Tử nói: "Đời sống ta có hạn mà sự học hỏi thì vô hạn". Đời bấy giờ mà ông còn nói thế, thì sống vào đời nay phải nói như thế nào? Khoa học đã đi đến trình độ cực kỳ phức tạp và sâu rộng, dẫu là bậc thông minh đến đâu cũng không dám nói: "Óc tôi có thể chứa được tất cả cái học hiện thời". Người như Trang Tử mà Tư Mã Thiên bảo là có một cái học "thông kim bác cổ", còn phải nói thế. Ta cứ nhìn kỹ chung quanh từng ngành học, sẽ thấy sự gia tăng của nó trong mấy năm gần đây mà ngợp. Dù cho ta có thể đầu thai mấy ngàn kiếp cũng không sao chứa được hết cái học của con người, ngay trong mỗi một ngành học nào cũng vậy.

Sự học càng ngày càng tăng, mà thời giờ con người càng ngày càng thu hẹp. Đừng nói thì giờ rỗi rãi của ta ngày nay có nhiều. Lấy ngay một cái nghề giáo viên cũng đủ thấy ngày giờ của mình đã mất hết. Dù ta bỏ hết thời giờ của ta cũng không sao có đủ để nghiên cứu học hỏi cho tinh chuyên. Nghề bác sĩ, nghề kỹ sư và bất luận là nghề nào, muốn học đến chỗ tinh vi của nó, đều phải mất thì giờ không ít. Thế là sự học càng tăng thì thời giờ để thu thập nó lại càng hẹp.

***

Thật là một sự mâu thuẫn đau đớn cho những người ham học như chúng ta. Trước vấn đề khó giải này ta phải đối phó cách nào?

Chắc chắn là chúng ta không nên giải quyết một cách tiêu cực như hạng "dốt kim thời" này: họ viện lẽ "bể học mênh mông mà thời giờ không có đủ, vậy tốt hơn việc nhà mình mình biết, ghé mắt vào việc nhà kẻ khác để làm gì? Học làm gì, rút cuộc cũng không hiểu biết gì hơn người không học". Socrate há không có nói: "Điều mà ta biết rõ nhất là ta không biết gì cả!" [1] hay sao?

Hạng "dốt" này, may thay chỉ là một phần tử rất ít trong xã hội ngày nay.

Nói thế, đâu phải chỉ có đời nay mới có hạng người này mà thôi. Đời nào cũng có cả. Nhưng có điều là hạng "dốt kim thời" này dốt và biết biện hộ sự dốt nát của họ: họ viện đủ lý lẽ, nào là khoa học phá sản, nào là sức hiểu biết của trí não thì hữu hạn, còn sự hiểu biết của loài người thì vô biên v.v... Nói cho đúng, họ là hạng dốt có "triết lý". Họ lý sự lắm và tìm đủ cách để biện hộ sự khuất phục của họ trước vấn đề học hỏi.

***

Lại còn có một hạng người phản đối hạng trên. Họ nhất định không chịu khoanh tay chịu dốt. Nhưng, cẩn thận hơn, họ quyết định chọn một vài sự hiểu biết nào mà họ thích nhất, rồi bám lấy, ngăn tường đắp lũy, đem tất cả thời giờ và tâm trí họ để nghiên cứu một cách sâu xa triệt để hơn. Đấy là giải pháp của nhà *chuyên môn*. Hạng người này hiện thời rất đông. Bất cứ là đi vào giới nào, ta luôn đụng chạm với những nhà thông thái "trong tháp ngà" ấy. Một ông kỹ sư cầu cống không biết gì đến các phong trào văn nghệ trong nước, cũng không đủ sức hiểu biết một bài thơ hay. Một bác sĩ y khoa không bao giờ đọc sách triết học hay văn chương. Một kịch gia suốt đời không đọc một quyển sách về khoa học ứng dụng...

Ngoài ngành chuyên môn của họ, họ không buồn biết đến việc gì ngoài sở trường của họ. Họ cũng là hạng người công nhận sự bất lực của trí não con người trước vấn đề mênh mông của sự học hỏi. Nhưng, thay vì như anh "dốt kim thời" trên đây bó tay chịu đốt, thì họ lại quyết định chọn con đường cô lập và chuyên môn. Tuy vậy, hạng người này đáng mến hơn hạng người nói trên, nhất là họ dễ thương hơn hạng người "ngụy trí thức" sau đây.

Hạng người *"ngụy bác học"* hay *"ngụy trí thức"* lại cũng là nạn nhân của vấn đề nan giải trên: cái học thì vô cùng mà thời gian thì có hạn. Họ không chịu dốt, nhưng họ cũng không có đủ can đảm làm nhà chuyên môn. Họ là hạng người "dở dở ương ương": cái gì cũng biết, nhưng không có cái gì thực biết. Đấy cũng do lối học ở nhà trường đã đào tạo một hạng người "bác học nửa mùa". Sách gì họ cũng đọc nhưng mà họ chỉ đọc phớt qua như con bướm giỡn hoa. Họ bàn đến nguyên tử lực, họ nói chuyện Einstein và thuyết tương đối, họ bàn đến vô vi của Lão Tử, họ luận về Tam giáo, sành chính trị, kinh tế... không có câu chuyện gì là không thấy họ phê bình chỉ trích như một kẻ chuyên môn. Những nhà "bác học nửa mùa" này hiện thời đã chiếm

số khá đông trong nhân loại. Chế độ dân chủ cho phép họ nghênh ngang múa mép trong khắp các ngành hoạt động xã hội. Những báo chí, những sách phổ thông viết một cách hối hả của những "học giả nửa mùa" là những "tội nhân" đã đào tạo ra hạng người này, nhất là cái học "bách khoa" của chương trình giáo dục hiện thời.

Hạng "ngụy trí thức" này thật là cả một tai vạ cho xã hội hiện thời. Đối với hạng dốt và hạng chuyên môn trên đây, họ là hạng người bêu xấu sự học, hạng người đáng ghét nhất. Dân chúng thiếu học thường bị bọn người này lòe bịp, khiến kẻ nào múa môi lẻo mép nhất thường được quần chúng hoan nghênh. Và chính họ, đôi khi là kẻ dẫn dắt dân chúng vào những con đường phiêu lưu tăm tối của lịch sử.

B. Cái học về bề rộng và cái học về bề sâu

Có hai thứ học vấn: *học về bề sâu* và *học về bề rộng*.

Có một thứ hiểu biết do bên ngoài đưa đến, có một thứ hiểu biết do bên trong mà phát huy ra được.

Cái học bao quát mà người xưa ở Đông phương khuyên bảo: "Thượng tri thiên văn, hạ tri địa lý, trung tri nhân sự" là một cái học hết sức cần thiết để tìm biết được chân lý trong đời này. Thật vậy, mọi sự mọi vật trên đời liên quan rất mật thiết với nhau. Có biết được nguyên nhân mới hiểu rành lý sự. Nhưng cái nhân này sanh ra cái quả kia, rồi cái quả ấy lại là cái nhân cho cái quả khác, tiếp tục nhau mà đến. Sự việc vừa xảy ra trước mắt ta hôm nay, trước đây đã có một dọc nguyên nhân mà ta không biết và có biết được chăng, cũng chỉ biết được một vài nguyên nhân thiển cận nhãn tiền mà thôi, còn lại không biết bao nhiêu nguyên nhân khác nữa, hữu hình có, vô hình cũng có mà ta không làm sao biết hết được. Người *trí* sở dĩ khác được kẻ *ngu* chỉ ở điểm này: một đàng đã tìm thấy được nhiều nguyên nhân sâu xa và rộng rãi, còn một đàng thì không nhận thấy một nguyên nhân nào khác hơn là sự việc đã xảy ra mà thôi. Vì vậy, người trí thức cần phải có một cái học rộng để khỏi phải bị thiên kiến trong khi nhận xét và phê bình.

❋❋❋

Nhưng cần nhất là phải có một cái học chuyên môn, một cái học về bề sâu. Victor Duruy nói: *"Phải có một cái học tổng quát để phụng sự cho ngành chuyên môn của mình!"*.

***

Câu chuyện sau đây chứng tỏ rằng cái học chuyên môn mà được tận tâm huấn luyện bắt buộc ta phải đi đến cái học tổng quát.

Một tiến sĩ văn chương cổ điển, ngày kia đến viếng ông Kerschensteiner, bấy giờ đang làm hiệu trưởng các trường ở Munich, để xin một chân giáo học ở trường tiểu học của ông. Dĩ nhiên trong việc xin dạy đây, chắc chắn không phải vì vấn đề sinh nhai mà chính vì ông ta muốn tự mình nghiên cứu sự tổ chức và phương pháp dạy dỗ ở cấp đại học mà ông sẽ có phận sự đảm nhiệm.

Kerschensteiner, trước lòng tha thiết nhiệt thành ít có ấy, bằng lòng nhận cho ông ấy vào dạy học, nhưng cũng không quên nhắc ông rằng cái học chuyên khoa về ngôn ngữ học của ông e sẽ là một trở ngại to tát cho công việc dạy dỗ của ông đối với cấp sơ học. Ông này cho biết rằng sự chuyên học về tiếng La Tinh và Hy Lạp đầu tiên đã hướng ông vào công việc nghiên cứu về lịch sử thời cổ sơ. Và nghiên cứu về lịch sử cổ thời lại lôi kéo ông đi vào ngành nghiên cứu thời tiền sử, và vì thế bắt ông phải đeo đuổi theo khoa nhân loại học. Chính lúc ấy, ông cảm thấy ông cần phải có một sự hiểu biết vững vàng về vạn vật học và ông bắt đầu nghiên cứu về thực vật học và động vật học. Nhân đó, ông cảm thấy ông còn thiếu sót rất nhiều về vật lý học cũng như về hóa học, bởi vậy ba năm sau khi thi đậu bằng tiến sĩ văn khoa, ông theo thọ giáo những nhà khoa học trứ danh - Rontgen và Bayer.

Câu chuyện trên đây đâu phải là một câu chuyện đặc biệt riêng tư gì của một người: các nhà học thức chân chính nào cũng đi một con đường như ông tiến sĩ trên đây cả. Thật vậy, khi mình muốn đi thật sâu vào một vấn đề nào, thường thường lại phải cầu cứu đến các ngành học khác có liên lạc đến nó. Như cái học về vật lý bắt ta phải sành toán học, cái học về địa lý buộc ta phải có một cơ sở học vấn vững vàng về địa chất học.

Thành ra, chỉ đi sâu vào một ngành học nào, người ta rốt cuộc cũng tìm ra được cái học bao la tổng quát, vì sự vật trong đời chằng chịt dính líu nhau, không có một sự vật nào là cô đơn độc lập cả.

***

Rồi ra, cái học tổng quát có cái hại này, là cái gì cũng biết, nhưng không có cái gì chuyên môn thực hiện được cả cho sự tiến bộ chung của nhân loại.

Tuy vậy, nó có những cái lợi to tát là đào tạo cho ta có được một cái nhìn bao quát, không thiên kiến, trí óc và tâm hồn rộng rãi, hiểu được người chung quanh, không có tinh thần quá khích. Nhờ vậy, đời sống tinh thần ta dồi dào mà hưởng thụ sự sung sướng cũng rộng rãi. Thử tưởng tượng một người có óc thẩm mỹ, hiểu biết được cái hay của âm nhạc hay hội họa, bất kỳ là âm nhạc hay hội họa của nước nào. Người đó phải chăng là người có một nguồn hạnh phúc tinh thần vô tận? Trái lại, những kẻ chỉ biết cái hay của vọng cổ mà không biết thưởng thức cái đẹp của một bản nhạc Beethoven, biết cái hay của một tuồng hát bóng Âu Mỹ mà không thưởng thức nổi cái đẹp của một tuồng hát bội Á Đông... thì dĩ nhiên nguồn cảm hứng mỹ thuật phải kém nhiều, vì bị hạn định.

Cái học chuyên môn có lợi nhiều cho xã hội, khiến cho công việc làm ngày càng trở nên tinh tiến, mau lẹ, nhưng nó có cái hại là thường hay biến con người thành bộ óc hẹp hòi và bị sai ngoa vì nghề nghiệp. Có nhiều nhà chuyên môn họ làm thái quá đến như lố bịch. Như nhà bác sĩ kia bị ám ảnh vì vi trùng, rồi thì dưới con mắt ông, cái gì cũng cắt nghĩa bằng vi trùng. Cho đến tình yêu, họ cũng cắt nghĩa là bị vi trùng "yêu". Dưới mắt bác sĩ, điên là một chứng bệnh, nhưng thiên tài đối với các ông cũng là một chứng bệnh. Thậm chí có nhà bác học nọ cho đức Jésus cũng là một người điên, vì là một người "phi thường". Lại nữa, nhà chuyên môn cũng thường bị mang chứng bệnh "sai ngoa về nghề nghiệp". Đó là một tai hại đáng lo ngại, cần phải tránh xa vì nó có tính cách phản văn hóa.

***

C. Cố gắng: Điều kiện đầu tiên của sự tiến bộ tinh thần

Muốn có sự tiến bộ về văn hóa, tức là muốn cho sự học được bổ ích cho tinh thần, phải để ý đến yếu tố đầu tiên này, là sự *cố gắng*.

Một cố gắng dù nhỏ bậc nào cũng là điều kiện cần thiết để tinh thần trí não ta tiến bộ. Ngày nay, phần đông đã hiểu một cách sai lầm rằng: ông thầy dạy hay không phải ông thầy bắt ta làm việc, mà là ông thầy làm việc thế cho ta. Cũng như sách hay không phải là sách mà tác giả bắt ta suy nghĩ, trái lại, là sách mà tác giả đã suy nghĩ sẵn cho ta, có khi tác giả đã làm sẵn bài tóm tắt cùng dàn bài cho ta nữa, như những sách học trò lớp năm vậy.

Người ta lại còn rút ngắn và lược thuật các quyển sách, chỉ nói đại cương

như loại "Digest" của Mỹ, và loại sách ấy rất được đa số quần chúng ưa thích. Dường như càng cố tránh cho độc giả phải nhọc công tìm kiếm và suy nghĩ được chừng nào hay chừng nấy, đó là người ta đã đạt được mục đích mà họ gọi là "phổ thông". Kể ra những công việc làm ấy, về mặt văn hóa, không giúp ích gì cho tinh thần bao nhiêu. Độc giả chỉ đóng một vai tuồng thụ động trong khi đọc sách, thành ra, đọc sách thì thật nhiều, mà kết quả về văn hóa thì chả có là bao.

Đọc sách du lịch, viếng các viện bảo tàng, đi nghe âm nhạc, nghe diễn thuyết... không phải là đi tìm món ăn tinh thần, gây dựng cơ sở văn hóa cho mình sao? Làm mấy công việc đó đâu cần gì phải cố gắng?

Ta nên nhớ rằng, người ta có thể đọc sách rất nhiều, đi du lịch cùng khắp thế giới mà dốt nát vẫn hoàn dốt nát. Là tại sao? Đọc sách có nhiều cách. Nếu đọc sách chỉ để giết thời giờ, tìm vui thích hoặc để tìm quên lãng trong những lúc buồn chán ở trên toa xe hay đọc sách để tìm giấc ngủ thì đọc sách không lợi gì cho tinh thần cả. Đọc sách mà có lợi cho tinh thần là khi nào mình biết vận dụng tất cả năng lực và năng khiếu của mình, nhận thức được rõ ràng những ý kiến sâu thẳm của lòng mình đem ra so sánh với những ý kiến dị đồng của tác giả, biết sắp đặt lại những ký ức của mình, biết trầm ngâm suy nghĩ, biết làm việc có phương pháp, tóm lại, biết thảo luận và thông cảm với tác giả quyển sách mình đọc, đó là biết cách đọc sách đấy.

Du lịch cũng là một nguồn học hỏi, nhưng biết du lịch chỉ là thụ dụng, ví bằng chẳng biết quan sát, biết suy nghĩ thì dù có lê chân suốt đời khắp năm châu thế giới cũng chẳng ích gì. Sở dĩ du lịch đã giúp ích cho sự "đa văn quảng kiến" cho nhiều bậc văn hào trên thế giới như bằng chứng nơi những tập du ký của những đại văn hào H. de Keyserling, Aldous Huxley, R. Rolland, A. Gide v.v... là vì những nhân vật ấy đã khéo biết quan sát, không phải cái bề ngoài của sự vật và con người mà là vì họ đã biết nhìn xem cái động cơ vô hình đã nhào nặn những sự kiện hữu hình dưới mắt họ kia. Sự du lịch của họ không có tính cách thụ động mà hoàn toàn hoạt động, nhưng không phải hoạt động nhọc nhằn chán nản như một thí sinh dượt thi một cách đau khổ chán chường. Sự cố gắng trong vấn đề học hỏi rất có thể, trái ngược lại, là một cố gắng đầy hứng thú và hăng hái nhất đời - như sự cố gắng của nhà đánh vợt hay đá banh trong một cuộc tranh hùng nhiệt liệt, hào

hứng và sung sướng. Ta lại cũng có thể so sánh sự cố gắng ấy như sự cố gắng của nhà thi sĩ "nặn" được một vần thơ, tuy vô cùng nhọc mệt, nhưng cũng vô cùng hạnh phúc.

❉❉❉

D. Cố gắng mà được bền bỉ là nhờ có sự hứng thú làm hậu thuẫn

Giáo dục mà có hiệu quả, chỉ khi nào gây được nơi con người một sự cố gắng tinh thần. Nhưng đừng hiểu lầm rằng lối "giáo dục mới" - chủ trương sự giáo dục tự do, để cho học sinh thích gì học nấy, không bắt buộc học sinh học những gì nó không thích, mà biết cách gây hứng thú cho việc học - là lối giáo dục hủy bỏ sự cố gắng. Hiểu thế là sai lầm: lối giáo dục mới ngày nay không bao giờ chủ trương hủy bỏ sự cố gắng, mà thực ra là tìm cách gây hứng thú để cho sự cố gắng được bền bỉ. Lòng ham muốn mê say là một động cơ thúc đẩy và nuôi nấng sự cố gắng không ngừng đến cực độ. Bởi vậy, tìm được hứng thú cho sự học, bất cứ là cái học nào, đó là điều kiện đầu tiên và cần thiết để duy trì sự cố gắng được lâu bền và có đường lối.

❉❉❉

E. Biết tổ chức sự hiểu biết của mình

Người học thức không chỉ là người học nhiều mà thôi, mà là người đã "tiêu hóa" được cái học của mình, vì đã biết tổ chức những tài liệu mà mình đã thu thập thành một cái biết có cơ sở vững vàng và rộng rãi. Tổ chức sự hiểu biết của mình không phải là đem nó gò bó vào một hệ thống tư tưởng nào. Đừng học theo thói các nhà có óc câu nệ: bất cứ sự kiện nào cũng đều đem sắp vào một hệ thống tư tưởng mà mình đã tôn thờ.

Người có một trình độ văn hóa cao là người có một đầu óc rộng rãi, một tâm hồn khoáng đạt, không bao giờ chịu giam mình trong một học thuyết hay một chủ nghĩa nào.

Họ biết rằng trong đời còn biết bao là điều hay chuyện lạ khác ngoài cái triết học mà họ tôn sùng. Vòng chân trời to rộng của sự hiểu biết của họ cứu họ thoát khỏi cái nhìn thiển cận và nô lệ của tâm hồn. *Kẻ có trình độ văn hóa cao rộng là người có rất nhiều bậc thầy nhưng không nô lệ một ông thầy nào cả.*Nhờ đọc Épictète mà họ thoát khỏi ảnh hưởng của Montaigne, cũng như nhờ đọc Montaigne mà họ thoát khỏi Épictète. Nhờ đọc Lão Trang mà họ thoát khỏi Khổng Mạnh, nhờ đọc Vương Dương Minh mà họ thoát khỏi cái

học của Hán Nho.

Tóm lại, nhờ họ có rất nhiều "thầy" nên họ không lệ thuộc một ai cả. Họ nhờ đó mà biết quan sát một cách không thiên kiến, biết nhìn lại các vấn đề quan trọng bằng những nhãn quan khác nhau, biết kiểm lại tư tưởng và những thành kiến của mình với cặp mắt luôn luôn mới mẻ. Họ không bao giờ có những định kiến không thay đổi, nghĩa là họ có óc *"hoài nghi triết lý"* (doute philosophique), thỉnh thoảng biết đặt lại những vấn đề mà họ thiết tha tin tưởng nhất. Một bậc "thức giả" xứng đáng với cái danh từ tốt đẹp ấy sở dĩ khác kẻ tầm thường trong đời chỉ vì một đàng thì có những phản ứng cực kỳ uyển chuyển tùy nghi thích ứng, còn một đàng thì chỉ có những phản ứng hạn định một chiều mà bất cứ một ai để ý quan sát đều có thể tiên đoán trước được. Họ là kẻ biết rõ cái đạo "tiến thoái tồn vong", nghĩa là kẻ biết lúc nào nên tiến, lúc nào nên thối, lúc phải giữ cho còn, lúc phải làm cho mất.

❊❊❊

F. Óc phê bình

Đành rằng, người học thức không thể tránh được tất cả những ảnh hưởng ngoại giới nhưng họ là người biết phê phán, biết lựa chọn với một đầu óc sáng suốt, độc lập và tự do. Dĩ nhiên những danh từ này dùng với cái nghĩa tương đối của nó. Hay nói một cách khác, họ là người có óc phê bình sáng suốt và linh động.

Một cái học mà xứng đáng với danh từ chân chính của nó, ít ra cũng phải có đủ hai điều kiện sau đây:

- Trước hết, cái học ấy đừng phải là một cái học "quá chuyên môn". Một nhà khảo cứu về các loài bướm hay các loại tem bưu điện chưa phải là một nhà có học thức cao.

- Cái học ấy phải là một cái học do sự suy nghĩ nghiền ngẫm mà có, chứ không nên là cái học do kẻ khác mang lại cho mình sẵn sàng, tránh cho ta phải vận động đến óc phê bình, phán đoán hay suy nghĩ gì cả. Một sự hiểu biết không giúp ta suy nghĩ thêm, lại làm tắt hẳn óc tò mò và gây tạo một tinh thần thụ động, không ham thích tìm tòi gì nữa cả là một cái học "chết". Những kẻ tự hào có một cái học như một cái "đơn bá chứng" có thể dùng để giải quyết được tất cả mọi vấn đề trong đời mình là những kẻ đáng thương hại nhất.

Loài thú cũng giống như loài người đều có thiên tính. Thiên tính là một năng khiếu mà tạo hóa đã ban cho tất cả mọi sinh vật trên đời để phản ứng được với tất cả mọi biến cố trong đời mà không cần phải dùng đến lý trí, không cần phải đặt vấn đề. Trái lại, văn hóa làm nẩy sinh trong đầu óc con người vô số vấn đề, bắt họ phải luôn luôn suy nghĩ. Cặp mắt của người có một trình độ văn hóa cao luôn luôn nhìn đời với những khía cạnh và màu sắc mới lạ. Và phải chăng đó là tất cả danh dự của con người?

❋❋❋

G. "Biết mình" là cái học đầu tiên của người trí thức

Sự học hỏi của ta thường có thể đi vào hai chiều. Chiều "hướng ngoại", tức là óc tò mò của ta thiên về ngoại giới, thì đi theo những vật gì ngũ quan tiếp xúc được như mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, chân tay rờ mó được, mà sự nghiên cứu có lề lối phương pháp, người ta cho nó cái tên chung là khoa học. Hoặc chiều "hướng nội", thì đi vào đời sống tình cảm và ý tưởng của ta, tức là đi vào một cõi thế giới mà chỉ có tâm tư ta đạt đến được mà thôi, nghĩa là đi đến cái học về con người của ta - không phải về con người vật chất mà là về con người tinh thần, cái con người biết suy nghĩ, biết "tư tưởng" với cái nghĩa rộng của nó, tức là biết đau khổ, biết sung sướng, biết ham muốn, biết nhận thức, biết hiểu biết, biết phê bình, biết lý luận, biết sáng tác và biết tự mình định đoạt quy tắc cho hành động mình, biết chọn lựa sự tín ngưỡng của mình và biết trù liệu suy nghĩ đến số phận của mình. Sự hiểu biết về đời sống nội tâm của mình dường như đã bị nhà khoa học xem thường và cho đó là một cái học "xa xỉ phẩm" dành cho nhà luân lý, triết học, tâm lý và văn chương thi sĩ lo nghĩ mà thôi. Đối với thường nhân, đó cũng chỉ là một cái học sống trong tưởng tượng chứ không phải là cái học trong thực tế.

Thực sự, trong lịch sử tư tưởng loài người, bao giờ cũng khởi đầu bằng sự chú ý đến ngoại giới trước khi đi về cái học nội tâm. Phải có một trình độ văn hóa cao mới có thể dùng đến khẩu hiệu này: "Biết mình là đầu mối của sự khôn ngoan", và đi sâu vào con đường quan sát "nội giới".

❋❋❋

Cái học cần thiết cho con người là cái học về bản thân.

Tất cả những cái học khác đều là phụ thuộc, đều để mà phụng sự nó, không được quyền cướp phần ưu tiên. Một nhà hiền triết Đông phương nói:

“Tri nhân giả trí, tự tri giả minh” (Biết người là trí, biết mình là sáng). Hiền giả Hy Lạp, Socrate, cũng bảo: “Connais-toi toi-même” (Hãy tự tri). Cuối thế kỷ thứ 18, Goethe khuyên ta: “Cái học về con người là cái học hứng vị nhất đối với chúng ta, và có lẽ là mục đích quan trọng nhất mà ta nên chú trọng. Tất cả chung quanh ta chỉ là cái khung cảnh để chúng ta sinh hoạt, hoặc là để dùng làm dụng cụ cho ta mà thôi. Nếu chúng ta quá quan trọng và chú ý đến những hoàn cảnh bên ngoài ấy, đó là ta làm giảm mất nơi ta cái chân giá trị con người của ta và của xã hội nữa [2]. Và ông đã phải than: “Cái mà người ta biết thì không biết dùng để làm gì, trái lại, cái mà người ta không biết lại chính là điều mà ta cần dùng nhất” (Ce qu’on sait, on n’en a que faire; ce qu’on ignore, c’est précisément ce dont on aurait le plus besoin). Thật là một câu nói đáng cho ta chú ý, nhất là ở thời buổi này, thời buổi mà người ta đâu đâu cũng quá thiên về cái học “trục vật”.

❋❋❋

H. Học để thành công trong con đường xử thế

Có kẻ cho rằng học là để có một phương tiện đắc lực để thành công - thành công trong con đường xử thế. Nhà văn Vauvenargues nói: *“Người có một tinh thần sâu sắc cần phải tự đào tạo một cái học để khám phá những tế nhị của lòng người, tuy đối với nhà toán học, nó là một cái học mơ hồ nhưng chắc chắn nó giúp ta rất nhiều trong sự thành công trong đời”.*

Theo ông Vauvenargues thì sự hiểu biết một cách thâm sâu lòng người là để giúp ta gây ảnh hưởng và cái học xử thế phải chăng là cái học cơ sở mà chúng ta cần phải có, để được thành công trên đời? Nghĩa là không có cái học nào là cái học xứng đáng với danh từ của nó, nếu nó không giúp ta điều khiển được kẻ khác? Hay nói một cách khác, nói theo danh từ ngày nay, *học là để thành công*. Thực ra, cái quan niệm về sự học này có điều không ổn thỏa. Dù rằng, có văn hóa cao, tức là ta có thêm một yếu tố để khuất phục được kẻ khác, nhưng đâu phải nó là yếu tố chính, yếu tố duy nhất để gây được uy tín cho mình. Người ta sở dĩ có được uy tín là nhờ rất nhiều yếu tố khác nữa, như những yếu tố khách quan này: giọng nói chững chạc, tướng mạo điềm đạm, hoặc có những thiên tư quyết định lẹ làng, can đảm dám nhận lãnh trách nhiệm, v.v... Vả lại, văn hóa cao tuy giúp cho ta có được thêm nhiều phương tiện để phô trương ý chí của mình, thì mặt khác nó cũng

giúp cho ta nâng cao tâm hồn và đồng thời làm giảm bớt những dục vọng ích kỷ, không đem con người làm con vật hy sinh, nghĩa là sai sử họ và lợi dụng họ để làm nấc thang cho con đường danh lợi của mình. Nó giúp cho ta có lòng biết tôn trọng nhân phẩm kẻ khác, nâng cao tính công bình và lòng nhân đạo của mình. Sự học hỏi không phải là một khí cụ ngự trị và bóc lột đồng loại, một năng lực để ta thành công trên sự vụng về ngu dại của kẻ khác. Nhưng, hiểu ngược lại cũng là sai. Nếu bảo rằng sự học không giúp gì cho con người trên thực tế thì học để làm gì? Sống trong cộng đồng, chúng ta cần đến người khác, không có họ ta cũng không làm gì được cả. Ta cần phải làm cho họ nghe theo ta, phụ lực với ta. Vậy làm cách nào cho họ phục ta, đem người thù làm người bạn, đó là cách xử thế rất cần. Cái học dùng trong đạo xử thế không còn phải là cái học dùng để lợi dụng bóc lột người.

Dĩ nhiên, cái học xử thế không thể dùng đến toán học để giải quyết những vấn đề khúc mắc của lòng người, trái lại, phải dùng đến một năng khiếu khác hơn là óc khúc chiết: tôi muốn nói đến *óc tinh nhuệ*.

❋❋❋

I. Óc tinh nhuệ

Ngoài lý trí, tức là óc khúc chiết, ta cần phải lo đào luyện *óc tinh nhuệ*.

Chính *óc tinh nhuệ* giúp ta trên con đường nghiên cứu những gì mà giác quan của ta không còn nhận xét được nữa, tức là giúp ta hoạt động trên những vùng tinh thần rất tế nhị của tình cảm và tư tưởng: ở đây ta chỉ có thể cảm được chứ không còn suy tính ra được, ta có thể nhận thấy ngàn muôn sợi dây liên lạc vô cùng tế nhị và chằng chịt mà ta không sao thấy được dấu hiệu gì bộc lộ bên ngoài. Óc tinh nhuệ giúp ta thấy được chỗ không thể lìa ra của sự vật trên đời, trong khi phần đông người ta thấy toàn rời rạc.

Muốn đào luyện *óc tinh nhuệ*, điều kiện đầu tiên là phải biết tập trung tất cả sự chú ý của ta về cái con người sâu sắc, phức tạp mà duy nhất của mình đây. Trong tất cả cái học trên đời này, cái học về mình là quan trọng nhất. Cần suy nghĩ, nghiền ngẫm đến con người nói chung và của mình nói riêng, tìm hiểu một cách sâu sắc tinh tế những tình cảm của ta, những cách suy nghĩ và hành động của ta. Phải để ý quan sát và tìm hiểu ý nghĩa từng cử động của con người trong khi mình giao thiệp với họ, từ cái tiếng cười hay câu nói, trong cái lặng thinh hay liếc mắt đều có một cái gì biểu lộ được cái

sâu kín của cõi lòng. Đó là phương pháp hiệu quả nhất để mài giũa óc tinh nhuệ của ta. Muốn cho óc tinh nhuệ được thêm tế nhị, ta cũng cần rút kinh nghiệm nơi những bộ tiểu thuyết danh tiếng của các đại văn gia Âu Mỹ cùng những tuồng truyện có tiếng tăm quốc tế.

❋❋❋

J. Biết tuyển chọn

Học, cần phải biết tuyển chọn. Tuyển chọn, tức là phê phán, quyết định và lọc lại trong mớ sách ngổn ngang chồng chất trong các nhà sách những sách nào hợp với mình và cần thiết cho nhu cầu hiện thời của mình. Không lựa chọn, đụng đâu học đó, làm tản mát tinh thần mà cũng không hiệu quả vào đâu cả.

Tuyển chọn phải là công việc đầu tiên của người ham học. Chẳng những phải biết chọn riêng cho mình những sách mà mình thích nhất, lại cũng phải biết tuyển chọn trong một quyển sách những chương nào hay nhất để ta thỉnh thoảng đọc đi đọc lại. Tuyển chọn cũng có nghĩa là tuyển lại một trang, một đoạn hoặc một câu nào hay nhất có thể là tinh hoa của cả một chương, hay của một tiết để xem đi xem lại, hoặc để học thuộc lòng hay ghi nhớ trong tâm khảm. Phải có những tập trích tuyển các câu văn hay, những câu thơ đẹp hoặc những đoạn sách đặc sắc với những tư tưởng tân kỳ cho riêng mình. Nhưng cũng phải có một cuốn tập riêng để tóm tắt, và phê bình những sách hay mà mình đã đọc. Ở đây mỗi người đều có một phương pháp riêng không thể bắt ai phải theo ai được.

Tập trích lục các đoạn văn hay nên sắp theo thứ tự vấn đề và theo mẫu tự. Tôi thấy có nhiều người cho dán vào những quyển sổ to luôn cả bài báo nào hay nữa. Thói quen ấy cũng rất hay, nhưng cốt yếu phải sắp đặt cách nào để một khi ta muốn dùng đến là tìm được ngay lập tức. Có người chép lại hoặc tóm tắt lại những đoạn văn hay trên những tờ giấy rời, dĩ nhiên là chép trên một mặt thôi, và bỏ chung vào trong một bao thư lớn có đề tựa. Tóm lại, ta cần phải tuyển chọn những sách hay nhất trong những sách hay, những trang hay nhất trong những sách hay nhất. Phương pháp tuyển chọn ấy dĩ nhiên là có tính cách cá nhân, nhưng đó mới thật là phương pháp hay. Khi ta tìm ra được một trang sách hay là vì nó là tiếng dội của lòng ta và ta có thể nói: “Đây là ý tưởng và cảm xúc của tôi, và nếu tôi viết ra, tôi chỉ muốn viết

được như thế, chỉ tiếc vì tôi không đủ tài hoa để miêu tả được thôi”.

Ta nên dành riêng cho những sách ta đã tuyển chọn ấy một ngăn đặc biệt trong tủ sách của ta, có người lại khuyên ta nên đem nó mà đóng lại, giấu nó đi và đừng cho ai mượn cả, dù là bạn chí thân cũng vậy.

Sự tuyển chọn là một phương pháp hay để tự mình biết rõ cái chân tướng của mình. Cứ đọc những tập trích tuyển là đủ biết khuynh hướng và tâm hồn của người trích tuyển ấy: hễ “đồng thinh” mới “tương ứng”, “đồng khí” mới “tương cầu”.

Khi mình còn ít tuổi thì tính mình chưa định, chưa biết tuyển chọn nên sự kết giao rất là bừa bãi. Đến khi có tuổi, sự kết giao bắt đầu siết chặt lại vòng dây: ta bắt đầu tuyển chọn. Việc học cũng thế.

Lúc còn trẻ, mình thường có nhiều cao vọng, muốn *biết tất cả* và *nhớ tất cả*. Vì vậy mà tuổi ấy là tuổi khó học nhất, bởi chưa biết tuyển chọn.

Ngay khi viết sách cũng thế. Có nhiều nhà văn “trẻ tuổi” họ không biết tự giới hạn vấn đề, không biết tiết kiệm lời nói, họ thao thao bất tuyệt và giành hết quyền sáng tác của độc giả. Bởi vậy, có người đã bảo: “Thế nào là quyển sách hay? Là quyển sách mà tác giả đã biết hạn chế vấn đề, tiết kiệm lời nói. Trái lại, quyển sách dở là quyển sách mà trong đó tác giả đã không còn để thiếu sót cái gì cả, không để cho độc giả cùng bàn góp thêm được phần nào ý kiến của mình”. Cần nói nửa lời thôi, nhưng là những lời nói khêu gợi. Phải biết giúp cho người suy nghĩ, đừng suy nghĩ thế cho người. Sách hay, tức là sách bắt ta suy nghĩ, bắt ta thương xác, bắt ta hoài nghi và đặt lại vấn đề. Jean Guitton nói: “Nhà văn cần phải biết nín lặng, đừng nói hết ý nghĩ của mình và phải để cho độc giả có chỗ tỏ ra sự hiểu biết của họ”. Như vậy, những vở tuồng hoặc truyện hay là những vở tuồng, truyện như vở Rhasomon hay là Địa ngục môn (Les portes de l’enfer) của Nhật, những tiểu thuyết của André Gide, trong đó, tác giả chỉ trình bày và đặt vấn đề chứ không giải quyết. Lối dạy học của Socrate cũng một thế ấy: ông chỉ đặt câu hỏi. Đọc sách mà suy nghĩ thì nên đọc những quyển sách ấy, và sách như thế mới là những quyển sách hay.

Người ta bảo, Pascal chết sớm nên sự nghiệp văn chương của ông bị gián đoạn. Nhưng chính do ông chết sớm mà sách vở của ông có tính cách giáo dục nhiều hơn cả, bởi một lẽ rất giản dị là nó bị gián đoạn và Pascal không

kịp nói hết lời. Tiếng đàn hay là hay ở dư âm, lời nói hay là lời nói vắn tắt mà hậu ý thâm trầm và man mác.

"Kẻ nào chưa biết tự hạn chế là người không bao giờ biết viết văn". (Boileau)

❉❉❉

Có hai cách tuyển chọn:

Cách thứ nhất là lượm lặt tinh hoa của tất cả sách vở bất cứ thuộc về loại gì, bất cứ thuộc về thời nào.

Cách thứ nhì là chọn trước một đầu đề rồi sau lấy đó làm trung tâm nghiên cứu, tuyển chọn những gì liên quan mật thiết với nó và mỗi ngày mỗi đi sâu vào vấn đề, được chừng nào hay chừng nấy.

Trong hai cách tuyển chọn ấy, cách sau này là thụ dụng hơn hết, nhưng cách trước là lý thú hơn hết. Cũng cần tham bác cả hai.

❉❉❉

Về sự tuyển chọn, có người khuyên ta: "Đừng bao giờ đọc những bài văn bây giờ, nhất là vừa mới viết do những ngòi bút mới lạ. Đừng đọc sách mới xuất bản. *Phải để cho thời gian đào thải.* Ngày giờ ta rất ngắn ngủi: đừng nên đọc những sách chưa chịu nổi thử thách của thời gian. Đừng đọc sách của những nhà văn chưa có tên tuổi. Chỉ nên đọc những sách gì đã được tái bản hay xuất bản được trên ba năm là ít nhất. Rồi hãy lựa những sách nào đã xuất bản được trên ba mươi năm, trên ba trăm năm, trên ba ngàn năm... bấy giờ bạn sẽ lại gặp văn hào Homère" [3].

Lại cũng nên "tuyển chọn những sách nào làm cảm xúc được ta". Nhưng ta nên hiểu chữ "cảm xúc" đây không có nghĩa là cảm động ngoài da bằng một thứ cảm giác kích thích thần kinh của ta bởi những quyển tiểu thuyết diễm tình hạng rẻ tiền. Cảm xúc đây là sự cảm xúc sâu nặng như sự cảm xúc của Augustin Thierry khi đọc quyển *Les Martyrs* của Chateaubriand, của Malebranche khi đọc quyển *Traité de l'Homme* của Descartes: một người thì tìm ra được cái khiếu về sử học, một người thì tìm ra được cái khiếu về triết học của mình. Quyển sách đầu tiên đã làm cho tôi xúc cảm quá sâu nặng và đã ảnh hưởng tư tưởng của đời tôi không nhỏ là quyển *La Conquête de l'Illusion* của J. J. Van Der Leeuw. Đó là những sách có thể gọi là hay, dĩ nhiên là đối với riêng từng cá nhân vậy.

----

[1] Câu này ý nghĩa thâm trầm không phải có cái nghĩa thô thiển như trên. Đây chẳng qua là một viện lẽ ngụy biện và xuyên tạc của hạng người làm biếng mà thôi.

[2] Les Années d’Apprentissage, p.59 (Traduction Porchat)

[3] Jean Guitton - Nouvel Art de Penser (Aubier - 1946)

CHƯƠNG THỨ BA

Những Điều Kiện Thuận Tiện Cho Sự Tự Học

A. Thời giờ

Trong những điều kiện đầu tiên để có thể xây đắp cho mình một nền học vấn vững vàng, ta phải kể trước hết, điều kiện thời gian.

Phần đông muốn học rút thời gian, học mau, học tắt... Họ chấp thời gian. Dù là bậc thông minh đến đâu cũng không thể chấp thời gian mà thành công trên con đường học hỏi. Ta nên biết rằng những kẻ thật thông minh, nghe qua là hiểu suốt mọi lẽ là hạng người rất hiếm trên đời. Bậc tầm thường như chúng ta không làm gì chấp thời gian mà học hiểu sâu sắc được. Tưới cây, người ta cũng tưới từ từ, và phải có thời gian, nước mới có thể thấm nhuần gốc rễ. Có thời gian, trái mới chín, hoa mới trổ. Thiếu thời gian, cái học của con người chỉ được có bề rộng, kém bề sâu, hay cũng chỉ có được một nước sơn bóng loáng bên ngoài mà thôi. Chấp thời gian là phản văn hóa.

***

B. Tinh thần tản mát

Muốn có được một học vấn uyên thâm, cần phải tránh những cơ hội làm cho tinh thần tản mát trong một đời sống quá phiền phức.

Tản mát vì những xã giao tầm thường: Sáng này mình định nghiên cứu về một vấn đề mà mình ôm ấp từ lâu. Sau khi tắm rửa xong xuôi, mình định lại bàn viết đọc sách và làm việc. Nhưng thắc mắc, mình lật quyển sổ tay xem coi ngày hôm nay có hứa hẹn với ai không? Chết chửa! Suýt lại quên mất, mình đã hứa đi lễ cưới con của một người bạn ở Phú Nhuận. Mười giờ... thì bây giờ còn sớm chán. Ngồi lại bàn, lấy sách ra đọc, nhưng thỉnh thoảng áy náy, mình cứ nhìn đồng hồ. Kết quả công phu nghiên cứu của mình chả có gì cả vì mình không còn tin tưởng nơi kết quả nữa, mình đã bận nghĩ đến cái phút mà mình bắt buộc phải dừng lại, thay áo quần, lên xe đi cho thật nhanh đến nơi hẹn; rồi còn phải xã giao, miễn cưỡng, vui cười giả dối, chúc mừng,

tán tụng hão; còn nghĩ, mình trước khi ra đi hôm nay mặc bộ áo gì? Lại khổ nỗi, đây rồi còn bắt buộc phải gặp mấy thằng bạn "trời đánh", chuyên môn quấy rối và làm mất thời giờ người khác bằng những cái tán nhảm, những câu chuyện không đâu mà mình đã cố lẩn tránh từ lâu. Thật ra, buổi sáng này chắc chắn ta sẽ không làm nên trò gì được cả rồi!

Thôi thì ngày mai, có lẽ ta sẽ "yên thân" mà làm việc và học hỏi có kết quả hơn. Nhưng quyển sổ tay của ta đã ghi những gì? 8 giờ sáng đi dự đại hội nghiệp đoàn; 10 giờ đi dự lễ khai mạc phòng triển lãm hội họa; 11 giờ đi đưa đám tang ông phó chủ tịch hội khuyến học; 3 giờ chiều nghe diễn thuyết tại đại học đường văn khoa, 5 giờ đi xem chớp bóng...

Thưa bạn, nếu "thời dụng biểu" ấy giống từa tựa với cái "thời dụng biểu" hằng ngày của bạn, bạn đừng mong đi sâu vào con đường học vấn. Hoặc ít ra, bạn phải cương quyết tổ chức lại thời giờ của bạn bằng cách giản dị hóa nó lại. Đời sống thường phiền phức lắm. Nếu bạn có thời giờ, tôi xin điềm chỉ bạn quyển "Đời sống giản dị" [1] của Charles Wagner để mà nghiền ngẫm. Bấy lâu nay, chúng ta đã đi dự không biết bao nhiêu đám cưới, không biết bao nhiêu đám tang, không biết bao nhiêu phòng triển lãm và không biết bao tuồng hát tầm thường không giá trị... Đám tang thì chỉ nên dự vào những ai là người chí thân, những kẻ đến dự cho có, không nên đến nhiều làm rộn tang gia. Đám cưới mà dự cho đông, toàn là để có dịp khoe khoang tán hão, không gì thiết thực cho đôi tân nhân và cái chân hạnh phúc tình yêu của họ. Đi dự các phòng triển lãm "nhảm", hoặc đi xem những vở tuồng "xoàng" là một sự mất thời giờ đáng tiếc.

Phải biết bênh vực thời giờ quý báu của ta. *Biết từ chối, đó là một sức mạnh của tâm hồn.* Đừng sợ làm phật lòng kẻ khác bằng sự từ chối khéo léo: mình đã chẳng những làm lợi cho mình mà cũng không làm bận cho người. Những người thông minh rất hiểu tâm sự của các bậc học giả cũng như của các nhà ham học. Phải thật can đảm mới chống trả nổi những dụ dỗ của cuộc sống xa hoa phù phiếm chung quanh. Người quyết tâm đào tạo cho mình một đời sống tinh thần, ít ra phải có một đời sống đơn giản, một nếp sống xa hẳn cuộc sống xa hoa của xã hội náo nhiệt bên ngoài, nghĩa là, nếu có thể được, nên có nếp sống của một người ẩn dật.

C. Đời sống đơn giản

Điều kiện thuận tiện nhất cho một người cố tâm học hỏi là phải có được một *đời sống đơn giản* nhất. *Sống đơn giản*, đâu có nghĩa là sống nghèo khó trong cảnh muối dưa đạm bạc, sống thiếu tất cả tiện nghi và trở lại sống cái sống con người bán khai mộc mạc. Sự bận lòng vì quá thiếu thốn về vật chất không những sẽ làm cho đời ta bực bội, lại còn làm cho nó thêm phiền phức hơn nữa, chứ không giản dị hóa nó được như ta đã tưởng. Trái lại, có một sự nghiệp to lớn, tiền của nhiều cũng làm bận thêm tâm trí: lo làm thêm ra mãi, lo thu cất giữ gìn, lo tranh đấu với những kẻ tranh thương với mình là cả một công việc vô cùng phiền phức. Đời sống như thế không thể nào gây dựng một công trình văn hóa gì được cho ra hồn. Chỉ có những đời sống mà gia tư kha khá về mực trung mới có thể có đủ điều kiện thuận tiện nhất cho công trình tự học.

Tuy nhiên, ở đây ta nên để ý đến vấn đề "phẩm" hơn là "lượng". Không phải cái số tiền bạc tài sản nhiều hay ít là điều quan trọng. Quan trọng chăng là cái quan niệm của mình đối với tiền bạc. Đời sống đơn giản tức là cái nếp sống tổ chức theo một quan niệm biết nhìn thấy cái gì là chính, cái gì là phụ trong đời, biết quý cái cần thiết mà bỏ qua những cái không cần thiết. Phần đông con người không biết phân biệt cái gì là chính, cái gì là phụ, chỉ loay hoay quan trọng hóa những cái phụ thuộc của cuộc đời mà quên lửng những gì cốt yếu.

Lấy ngay một việc hôn nhân thì đủ rõ: người ta lo nghĩ tất cả, nào là "môn đăng hộ đối", nào là chàng rể đẹp trai, nàng dâu kiều diễm, nào là tuổi tác đôi bên xứng đôi vừa lứa, cha mẹ đôi bên xứng đáng sui gia, nào là sắm lễ vật cùng trao tặng quà vật đắt giá, nào là quan khách đông toàn là những bậc quyền quý cao sang, nào là xe hoa lộng lẫy, chúc tụng lăng nhăng... Nhưng cái điều cốt yếu, cái điểm chính là tình yêu của đôi tân nhân có thành thực yêu thương nhau không, tính tình họ có hòa thuận nhau chăng và họ phải làm cách nào để yêu thương nhau mãi và tự mưu hạnh phúc cho nhau... Phần chính đó, người ta đã không bao giờ để ý đến hay nhắc đến. Vì người ta đã để ý đến cái phụ nhiều quá mà quên mất cái chính yếu.

Lầm cái phụ với cái chính, lầm hình thức với nội dung, có thể nói đó là cái thông bệnh của phần đông người đời nay vậy.

"Sự sung sướng vật chất, học vấn, tự do, tất cả nền văn minh... chỉ là cái

khung của một bức tranh. Cái khung đâu phải là bức tranh. Cũng như cái áo choàng đâu có làm thành được nhà tu, bộ quân phục đâu có biến con người thành một nhà chiến sĩ. Bức tranh ở đây tức là con người với tất cả những gì thâm sâu nhất của con người, tức là lương tâm, tính khí và ý chí của mình. Trong khi người ta chăm lo săn sóc và đánh bóng cái khung cho đẹp đẽ, người ta đã quên mất, khinh thường và làm hỏng mất bức tranh. Cũng như ta có thừa thãi về vật chất bên ngoài, nhưng lại hết sức nghèo nàn về cái đời sống bên trong; ta có thừa thãi tiền của mà ta có thể không có cũng không cần, trái lại ta rất nghèo thiếu cái điều cần thiết nhất của đời ta.

(...) Thế nào là một cây đèn tốt? Cây đèn tốt đâu phải là cây đèn có cái dáng ngoài rất đẹp, được điêu khắc cầu kỳ hay được làm bằng một thứ kim khí quý báu. Một cây đèn tốt là một cây đèn thắp sáng. Con người cũng như thế...” [2]. Người giản dị nhất là người đã bộc lộ và thực hiện được cái người thật của mình mà không bị ràng buộc trong những điều phụ thuộc như tiền của, danh vọng, sự nghiệp... của mình. Một hiền triết Hy Lạp có nói: “Nếu anh có ngựa tốt, hãy nói: Con ngựa tôi tốt, chứ không phải tôi tốt”. Người đời phần đông không phải đều có óc giản dị như thế cả. Phần đông có con ngựa tốt lại cũng tin tưởng thật rằng mình tốt: họ đã đồng hóa họ với những vật ngoại giới mà họ đã có. Bởi vậy, phần đông con người đánh giá chính mình cũng như kẻ khác bằng những ngoại vật mà mình đã chiếm đoạt. Có khi nhà lầu của họ rộng, nhưng con người của họ không rộng; địa vị của họ cao sang mà chính họ không cao sang. Họ đã lầm lẫn cái chính và cái phụ, cái thực và cái hư, cái chân và cái giả. Có khi họ có tiền của nhiều và tin tưởng rằng họ là chủ nhân của số tiền của ấy, mà trong thực tế họ chỉ là kẻ nô lệ tiền tài cùng chức vị của họ. Họ đã lấy tiền của làm cứu cánh trong khi nó chỉ là phương tiện thôi.

***

Đời sống giản dị là đời sống của phần đông các bậc vĩ nhân. Họ là người biết chống lại sự tản mát tinh thần, không chạy theo những phụ thuộc của cuộc đời.

Đời sống của nhà hiền triết Spinoza có thể xem là gương mẫu của một đời sống đơn giản. Người thì ốm yếu, bệnh hoạn và đã phải làm cái nghề mài kiếng đeo mắt để mưu cho mình một đời sống tự do. Ông quyết định cư ở La

Haye, trong một căn phòng ở tầng lầu thứ hai. Ông cho người bưng cơm lên phòng và ở miết cả hai, ba ngày không tiếp ai. Về sau, ông cảm thấy sống như thế vẫn còn tốn kém, ông bèn mướn một căn phòng khác và tự tay mình săn sóc lấy miếng ăn miếng uống của mình. Có ngày ông chỉ ăn có một món súp nấu với sữa và chút bơ, chỉ tốn ba xu và một ve rượu bia chừng một xu rưỡi.

Phải chăng là ông sống khổ hạnh? Hay vì ông chán đời? Không! Triết lý của ông là vui sống. Ông cũng không phải ghét đời hay chán đời: ông vẫn cho sự giao thiệp với đời là cần thiết cho sự rộng thấy, xa nghe. Ông cũng đâu có khinh thường những tiện nghi của đời. Ông nói: "Người khôn ngoan biết hưởng thụ những khoái lạc của cuộc đời, phải biết ăn mặc đẹp, thưởng thức các mùi hương hoa, âm nhạc". Nhưng ông lại tự đặt cho mình một quy luật là không bao giờ vì một vài tiện nghi và sung sướng nhục thân đến phải hy sinh cái tự do của tâm hồn mình. Người ta đề cử ông một chân giáo sư triết học ở Heidelberg. Ông từ chối: "Không khi nào tôi nghĩ đến việc làm cái nghề ấy. Dạy dỗ thanh niên sẽ làm trở ngại sự nghiên cứu học hỏi của tôi". Nhiều bạn lại muốn tặng cho ông một số bạc thật to, ông cũng từ chối: "Chính cái hình ảnh của bạc tiền nó ám ảnh những tâm hồn tầm thường. Nhưng đối với những kẻ biết dùng tiền và biết ăn xài theo túi tiền của mình thì họ phải biết sống an phận và sống không cần gì đến nhiều tiền cả".

Đó là người biết sống một cách đơn giản, biết phân biệt cái gì là chính, cái gì là phụ, cái gì là cứu cánh, cái gì là phương tiện.

❋❋❋

Học, cần phải làm như con ong nút nhụy, đừng học đòi theo con bướm giỡn hoa. Có người tưởng rằng mình sẽ có được số vốn học hỏi vừa căn bản, vừa rộng rãi bằng cách hàng ngày đọc năm ba quyển sách, chín mười tờ báo, đi xem ba bốn phòng triển lãm, đi nghe hai ba cuộc diễn thuyết văn học, chính trị, triết lý, v.v... Là vì theo họ, nhờ thế họ sẽ được sự "nhìn xa thấy rộng", tất cả mọi năng khiếu đều sẽ được khải phát đủ mọi khía cạnh. Họ lầm! Tôi thấy nhiều người đọc sách, đọc báo như điên. Bất cứ gặp gì dưới tay là họ đọc ngốn đọc nghiến, họ đọc cả tủ sách này đến tủ sách kia, bất cần là sách hay sách dở. Nếu họ là bậc thông minh triệt để thì tôi chẳng dám nói, vì đó là những ngoại lệ. Thực sự, với hạng tầm thường như chúng ta, tôi quả

quyết những người học như thế ấy không làm gì đào tạo cho mình một cơ sở văn hóa vững vàng được cả. Với cách học như thế, chắc chắn họ chỉ được một cái học ngoài da, một cái bọc hào nhoáng không sao "tiêu hóa" được. Cái học ấy có hại hơn là có lợi cho óc phán đoán đúng đắn và mực thước. Chồng chất không thứ lớp những sự học hỏi hiểu biết của ta, đâu phải là mục tiêu của văn hóa. Riêng ra, mỗi sự kiện tự nó không có ý nghĩa gì cả: nó chỉ có giá trị khi nào nó được sắp đặt ngay vào vị trí của nó, liên lạc mật thiết với nhau như một tổ chức tự nhiên của một vật sống. Một ý tưởng rời rạc không thể dắt dẫn gì ta được trên con đường hành động. Là vì trong thực tế, sự việc trên đời là một cái gì phức tạp muôn màu và một khi muốn đem nó ra thích ứng với sự đời, ta phải đem ý tưởng này sửa chữa lại bằng những ý tưởng khác, chứ không thể theo một chiều nào được. Vì vậy, sự tổ chức lại các điều học hỏi của ta còn quan trọng hơn là những điều mà ta đã học hỏi. Và chính sự tổ chức cho có hệ thống đàng hoàng là quan trọng nhất, nên sự tản mạn đó đây của óc tò mò của ta như trước đây đã không lợi gì cho ta cả, trái lại là một trở ngại to lớn cho cái học về bề sâu của ta vậy.

❋❋❋

Cái học mà vụ về bề rộng và bề cạn, nghĩa là cái gì cũng biết nhưng không có cái gì là thật biết, là "kẻ thù" số một của văn hóa. Có người lật sách đọc mà không quan tâm gì đến cái tên của tác giả, cái tựa của quyển sách. Họ đọc rồi là quên rồi. Có người, mỗi tuần lễ, đọc có trên mười quyển tiểu thuyết, hoặc mười quyển sách nghiên cứu phổ thông hạng rẻ tiền về triết học hay khoa học dành riêng cho những kẻ không thích cố gắng và suy nghĩ. Đó không phải là lối đọc sách để mà học.

Đọc sách để giải buồn trong những lúc ngồi không ở trên toa xe thì lại là một việc khác. Đọc sách để giải trí thì nên đọc những tác phẩm để cầu vui. Trái lại, đọc sách để đào tạo cho mình một cái vốn hiểu biết đứng đắn, phải đọc một cách chọn lọc, những tác phẩm hàm súc tư tưởng và ý nghĩa, những tác phẩm không thể nào đọc qua một bận mà lĩnh hội hết được ý nghĩa, những tác phẩm mà ta càng đọc đi đọc lại càng thấy thâm trầm. Vấn đề này, chúng ta sẽ xem xét lại một cách rạch ròi hơn sau đây.

Đọc sách để mà học, cần phải chọn lọc thật kỹ. Sự gần gũi thân mật với những loại sách quá tầm thường sẽ càng ngày càng làm hạ thấp tinh thần trí

não của ta. Gần mực đen, gần đèn sáng.

❋❋❋

D. Sự tập trung tinh thần

Muốn có được một nền tảng văn hóa vững vàng phải biết thống nhất tất cả sự hiểu biết cùng học hỏi của ta vào một chiều sâu nào.

Một nhà văn Pháp có nói: "Tất cả những trước tác danh tiếng của những bậc tài hoa viết ra, toàn là những giải thích về chiều rộng của một ý tưởng duy nhất nào, một tình cảm về cuộc sinh tồn đang tìm đường sống. Đào mãi một cái lỗ là phương thế duy nhất để đi sâu vào lòng đất và khám phá được những bí ẩn của nó". [3]

Nhờ sự tập trung tinh thần, ta lần lần tìm ra mối dây liên lạc duy nhất nối liền những ý tưởng cùng những sự kiện tạp nhạp mà mới xem qua ta không thấy ăn chịu với nhau chút gì cả. Nhưng chính cái chỗ *"nhất dĩ quán chi"* ấy là cái bí quyết của tất cả những danh tác bất hủ của nhân loại.

Khổng Tử có nói: *"Ngô đạo nhất dĩ quán chi"* (đạo của ta trước sau chỉ có một lý mà thông suốt cả mọi việc).

Cái *"một"* ấy cũng là cốt tử của tất cả nghệ thuật và tư tưởng. Một học thuyết, một quyển sách, một bài văn hay một bức họa... đều phải có điểm chính dùng làm trụ cột.

❋❋❋

Một danh họa bao giờ cũng gợi cho ta một cảm giác gì. Cảm giác ấy mạnh hay yếu cũng nhờ nơi khéo lựa chọn một cách cẩn thận cân nhắc những chi tiết vừa đủ để gây cho ta cái cảm giác ấy. Nếu trái lại, họa sĩ phung phí những chi tiết vụn vặt không ăn, hoặc không mấy ăn vào đề thì đó là một bức họa thiếu tính cách nhất quán, một bức họa hỏng. Người ta xem nó, không hiểu rõ nó muốn miêu tả cái gì. Đứng trước nó, ta cảm thấy hoang mang.

Sự *thuần nhất* trong một tác phẩm hội họa hay văn chương là điều khó thi hành nhất. Có gì dễ bằng chồng chất một cách hỗn độn những chi tiết rất hay rất ngộ, nhưng không liên lạc gì với ý chính của tác phẩm mình. Trong mỗi ý tưởng hay cảm giác hỗn tạp do sự kích thích của ngoại giới đưa đến cho ta, ta phải biết lựa chọn những gì trọng yếu nhất ăn sát vào đề để sắp đặt lại và trình bày một cách khéo léo hầu gây cho kẻ khác một cảm tưởng thuần nhất

mạnh mẽ. Không khác nào người trồng nho: họ tỉa những nhánh lá không cần thiết hoặc đèo đẹt để tăng sinh lực cho những nhánh lá khác có thể trổ sinh được nhiều trái hơn; họa sĩ hay nhà văn cần phải biết hy sinh những chi tiết không cần thiết hoặc còn bạc nhược để cho tác phẩm của mình thêm nhiều sinh lực. Có nhiều nhà văn tư tưởng họ dồi dào quá, họ phung phí tư tưởng họ trên mặt giấy không khác nào những cành lá rườm rà của đám nho rừng.

Vì thế, viết một bài văn hay hoặc vẽ một bức họa khéo đâu có dễ. Người viết nó phải, trong khi giãi bày những ý phụ, đừng cho sa đà ra ngoài đề. Giá trị của một nghệ sĩ là chỗ biết giản lược những gì phiền phức rườm rà để tăng gia sinh lực cho cái cảm giác chung, nghĩa là phải biết *hy sinh*. Mặc dầu là những chi tiết hay, hoặc là những tài liệu quý đến bực nào, nếu thấy không liên lạc một cách chặt chẽ với đầu đề, hãy có gan hy sinh nó đi. Nó là những thứ "chùm gởi" không nên dung dưỡng trong tác phẩm của mình. Viết văn mà biết thi hành nguyên tắc *"nhất dĩ quán chi"* ấy, đó là mình đã tập cho tinh thần mình bao giờ cũng được tập trung sáng suốt.

Taine có nói: "Điều khó khăn nhất trong khi nghiên cứu là tìm cho ra cái điểm đặc biệt và chủ yếu. Do đó, tất cả đều có thể quy về một mối..." [4]. Ông lại bày giải phép làm văn của mình: "Trong khi viết lại một tác phẩm nào, tôi luôn luôn làm một cái bản mục lục phân tích từng vấn đề. Tôi làm bản ấy, không phải lúc mới khởi thảo, hoặc sau khi viết xong bản thảo, mà là lần lần sau khi viết xong mỗi đoạn. Tôi tóm lại mỗi đoạn bằng một câu hết sức gãy gọn và rõ ràng. Đâu phải dễ dàng gì tìm ra được liền câu đại lược ấy, nhưng hễ một khi tìm ra được nó rồi thì câu ấy chỉ cho ta thấy trong đoạn văn này có những gì dư, những gì thiếu, những gì không ăn chịu nhau, hoặc không đầu đuôi, bởi thảy đều phải quy về câu tóm tắt ấy. Hơn nữa, câu tóm tắt này cùng những câu tóm tắt khác của các đoạn sau, gộp chung lại, giúp cho ta thấy cái yếu điểm của toàn chương".

***

Đây chẳng những là phương pháp làm văn mà cũng là phương pháp đọc văn và rộng hơn nữa, nó là tất cả phương pháp học hỏi bất cứ môn học nào.

Muốn có được một đầu óc luôn luôn sáng suốt, phải biết tập cho mình cái thói quen tìm ngay ý chính, biết phân biệt liền cái gì là yếu điểm với những

gì là phụ thuộc, nhất định không bao giờ để mình bị lôi cuốn theo những đề phụ... mỗi khi đọc sách, xem tranh, làm văn, xem kịch hay nghe diễn thuyết.

Nhất là khi đọc sách. Đọc sách là phương tiện quan trọng nhất trong khi tự học. Đọc sách là muốn tìm nắm lấy cái đại ý của toàn tập, phải đọc nó suốt một hơi, đừng bận những tiểu tiết về văn từ cũng như về ý tưởng. Về sau sẽ đọc trở lại vài lần một khi đã nắm được đại ý. Bấy giờ, ta sẽ đọc kỹ lại từng thiên, từng đoạn, từng câu. Nhưng bao giờ cũng phải biết để ý đến chỗ thuần nhất của nó.

Nếu ta thi hành nguyên tắc *"nhất dĩ quán chi"* này một cách trung thành trong mỗi khi đọc sách hay làm văn, lâu ngày ta sẽ tạo cho ta một thói quen rất tốt là bất kỳ đứng trước một việc gì phiền phức thế nào cũng không bao giờ để tinh thần mình bị lôi cuốn vào những chi tiết chi li vụn vặt, không phân biệt được cái gì chính cái gì phụ. Người xưa thường dặn: *"Tri kỳ lý giả, nhất ngôn nhi chung; bất tri kỳ lý giả, lưu tán vô cùng"*.

Đây nào phải đâu chỉ là công phu trong những khi đọc sách hay làm văn mà thôi đâu, ta phải lấy nó làm công phu của suốt đời, bất kỳ là đứng trước một trường hợp nào...

❋❋❋

Cái đặc điểm của những bậc vĩ nhân là nơi sức mạnh sự tập trung tinh thần của họ. Roederer bàn về Napoléon Bonaparte có nói: "Ông sở dĩ khác người là nhờ nơi sự tập trung tinh thần của ông rất mạnh và rất bền. Ông là người có thể làm việc liên tiếp mười tám giờ đồng hồ về một công việc. Không có người nào biết để hết tâm tư mình vào công việc mình làm hơn ông".

Có kẻ hỏi Newton, nhà đại thiên văn nước Anh, cái "mật pháp" của sự phát minh về sự "dẫn lực của vũ trụ" của ông. Ông trả lời: *"Có gì lạ, chỉ vì tôi cứ nghĩ đến nó mãi mà thôi!"*.

Ông Darwin sở dĩ làm được công nghiệp vĩ đại trong khoa học là nhờ ông có cái tài "đeo đuổi mãi theo một vấn đề suốt năm này đến năm kia mà không biết nản", không bao giờ chạy theo cái phụ mà quên cái chính.

Khổng Tử cũng thường nói: *"Ta là người, hễ có việc gì nghĩ chưa ra thì nghĩ đến quên ăn, nghĩ ra được thì vui quên cả lo, không biết rằng tuổi già đã sắp tới vậy"*.

“Thiên tài chỉ là một sự kiên nhẫn lâu dài”, kiên nhẫn đeo đuổi mãi một ý nghĩ, một việc làm cho kỳ được mới thôi.

Darwin, mỗi buổi sáng, làm việc từ 8 giờ đến 9 giờ rưỡi, từ 10 giờ rưỡi đến 12 giờ trưa. Chiều, làm việc từ 3 giờ rưỡi đến 5 giờ rưỡi, nhưng không phải luôn luôn như vậy, vì đó là công việc làm thêm. Tuy làm việc rất ít, mà hễ làm thì ông làm một cách nhiệt thành, đem cả tâm trí chuyên chú vào đó và *không khi nào ông làm một việc gì mà còn phải làm lại một lần thứ hai nữa.*

Bạn ông là nhà địa chất trứ danh Lyell cũng chỉ làm việc có hai giờ liên tiếp thôi. Herbert Spencer, người bạn đồng hương của ông, có một sức khỏe rất tồi tệ, ông này không đủ sức tập trung tinh thần tư tưởng lâu được: thần kinh hệ của ông rất suy nhược. Làm việc liên tiếp ba giờ thì ông phờ cả người, không còn sức để đọc một quyển tiểu thuyết nữa, ông đã đuối sức rồi. Thế mà vì khéo biết tập trung sinh lực vào một công việc sưu tầm của ông thôi và biết hy sinh tất cả những gì phụ cho cái chính mà sau cùng ông đã để lại cho đời một công trình hết sức to lớn.

❉❉❉

Bất cứ làm việc gì, chuyên tâm chú ý, tập trung tinh thần là bí quyết của thành công.

❉❉❉

“Trọng Ni đi qua nước Sở. Vừa ra khỏi rừng, thấy một người tật bướu bắt ve bằng một cây sào dài, rất lẹ và chắc chắn cũng như nó bắt bằng tay vậy.

Trọng Ni nói: “Anh thật là tài. Xin cho ta biết cái thuật của anh”.

Tên tật bướu nói: “Thuật của tôi là đây: trong năm, sáu tháng, tôi tập để viên đạn đứng thăng bằng trên ngọn sào của tôi mà không hề rớt. Khi tôi để đứng đặng hai viên, thì ít con ve nào thoát khỏi tay tôi. Khi tôi để đứng được ba viên, thì mười con trật có một mà thôi. Khi tôi để đứng đặng năm viên, tôi không hề trật một con nào hết. Cái thuật của tôi là biết quy tất cả tinh thần của tôi vào chỗ chí hướng mà tôi mong đạt đó. Tôi trị cái tay tôi, cả thân thể tôi cho đến chừng nào thành một khúc gỗ, không còn xao lãng nữa. Tuy trời đất là lớn, vạn vật là nhiều nhưng tôi chỉ thấy có con ve mà tôi muốn bắt nó thôi. Không chi làm tôi xao lãng ngoài cái ý của tôi muốn đó, con ve làm gì thoát khỏi tay tôi” [5]. Đó cũng là bí quyết của phép tự học vậy.

***

E. Óc tổng quan

Như ta đã thấy trên đây, sự đi tìm cái lẽ *"nhất dĩ quán chi"* của mọi sự vật trên đời, là cách đào tạo cho mình *tinh thần tổng quan*.

Như thế, *óc tổng quan* thực là khuynh hướng chống lại với sự tản mạn tinh thần, chống lại với sự quá phung phí tư tưởng vào những cái chi li vụn vặn và phụ thuộc, nghĩa là biết đem những chi tiết phụ ghép vào cái chính, biết nhận thấy cái dây liên lạc mật thiết giữa các sự vật rời rạc nhau, biết tìm hiểu cái ý nghĩa thâm sâu của mọi sự mọi vật trên đời, nhưng chú ý đến không có nghĩa là đã quên mất cái đại ý của cuộc đời, cái ý nghĩa thâm sâu của sự sống để mà giản dị hóa nó, mà *"chuyên tâm bảo nhất"*.

"Tập trung tinh thần" cũng không có nghĩa là khép mình trong "chuyên môn". Đây là hai hoạt động tinh thần khác xa nhau. Chuyên môn "là hoạt động bằng tư tưởng cũng như bằng hành vi trong một khu vực hạn định nào, không khác nào một người thợ bắt bù lon, cứ bắt bù lon mãi suốt ngày, hay một người thư ký đánh máy cứ đánh máy mãi suốt ngày. Tập trung tinh thần là biết trung thành luôn luôn với lý tưởng. Tập trung tinh thần không có nghĩa là tự giam mình trong một phạm vi chật hẹp nào của nghề nghiệp, mà trái lại, tự mình lựa chọn một trung tâm hoạt động, rồi tha hồ quyền biến mà không bao giờ sai với tôn chỉ.

***

F. Óc nhân quả

Sự vật trong đời không bao giờ ngẫu nhiên mà có, cũng không bao giờ ngẫu nhiên mà không. Có hoặc không chỉ là cái quả, nguyên nhân nó hoặc gần hoặc xa, chắc chắn là phải có. Có biết đặng nguyên nhân mới biết rành kết quả. Thấy quả phải tìm đến nhân, đó là một trong nhiều khía cạnh của tinh thần khoa học. Cần phải tạo cho mình một khuynh hướng luôn luôn đứng trước một sự kiện gì đều phải biết tìm dây nhân quả thì sự học hỏi của ta mới chắc chắn vững vàng.

Thật vậy, chỉ có những đầu óc nông nổi mới hay tìm đến sự cộng đồng sinh tồn và sự tiếp tục ngẫu nhiên trong sự vật mà thôi. Đời sống phức tạp, tản mát, giáo dục hấp tấp vội vàng, thói đọc sách sơ sài ngoài mặt là những nguyên nhân làm cho tinh thần ta thiển bạc, lười biếng, thấy sao hay vậy,

không chịu khó tìm xem nguyên nhân sự vật nơi đâu.

"Có biết đặng nguyên nhân mới hiểu rành mọi sự. Tiền nhân hậu quả. Quả cùng nhân tương tiếp tương thừa.

Dây nhân quả vô cùng vô tận. Chận một khoảng nào thì khoảng ấy là quả của bao nhiêu nhân trước, mà là nhân của cả dọc quả về sau. Vậy thì quả đây, nhân nó ở đâu? Người ta cắt nghĩa lầm một sự là vì chỉ thấy một cái nhân này mà không thấy cái nhân khác của sự ấy, chỉ thấy có cái nhân gần mà không thấy được cái nhân xa của sự ấy. Muốn hiểu rõ một sự, phải biết cho tường tận cái dọc nhân ở đàng trước của nó là gì? Song le có nhiều sự không phải chỉ có một dọc nhân làm ra nó mà có nhiều dọc nhân làm ra. Không hiểu được hết cái dọc nhân ấy, người ta đổ cho sự may rủi" [6]

Biết tìm được cái dây nhân quả trong mọi sự mọi vật trên đời thì tư tưởng ta mới đầy đủ và cường kiện thêm lên. *"Không có gì ngẫu nhiên cả, thảy đều có cái lý của nó"*. Đó là cốt yếu của tinh thần khoa học.

Vậy, trước một hiện tượng nào, hãy hỏi: Tại sao? Và nếu có ai quả quyết với mình một điều gì, phải lập tức đòi hỏi lấy "bằng cứ".

Đọc báo, thấy nhà phê bình chê hoặc khen một tác phẩm nào, phải tự hỏi để tìm lấy cái nguyên nhân thầm kín của nó: "Tại sao khen? Tại sao chê?". Ta phải đòi hỏi nơi nhà phê bình những bằng cứ đúng đắn trước khi nhận những lời phê phán của họ.

Nếu muốn hiểu rành một điều nghe thấy nào, cần phải "có đủ các dọc nguyên nhân" mới được. Nhưng việc đời phức tạp mà đời người rất ngắn, con người phải tạm sống với những kết luận tạm. Thà kết luận tạm với một mớ nguyên nhân thiếu sót, có phải còn quý hơn là kết luận liều lĩnh mà không cần hiểu đến một nguyên nhân cỏn con nào cả không?

Óc nhân quả giúp cho ta nhận thấy được sự mâu thuẫn trong các hành vi tư tưởng của kẻ khác. Có nhiều nhà văn tả cảnh xuân mà lại nói đến "sen nở mai tàn", hoặc là cảnh ban đêm mùng một mà "vầng trăng vặc vặc, bóng sao ngời ngời". Delacroix, trong bức họa Barque de Don Juan, vẽ nhiều người chết đói mà cánh tay hãy còn tròn mũm no nê. Những người viết ra, vẽ ra những cái ngớ ngẩn ấy, và những kẻ xem nó lại không để ý đến, toàn là tại thiếu óc nhân quả. Có được một đầu óc nhân quả thì công phu học hỏi của ta mới mong có kết quả chắc chắn được.

***

G. Óc tế nhị

Lại cũng phải cần tạo cho mình *óc tế nhị*. Trong khi học hỏi, quan sát ngoại giới cũng như nội giới ta cần phải quan tâm đến sự giống nhau và khác nhau của mỗi sự vật. Không thế, ta chỉ có được một mớ học thức mơ hồ mà thôi.

Phần đông chúng ta hay có thói quen suy nghĩ theo loại vì đó là lối suy nghĩ thô sơ nhất. Phân biệt được những chỗ khác nhau và biết nhận thấy được những chỗ giống nhau của sự vật là một công phu không phải dễ.

Người vô học thường quan niệm sự đời bằng cách loại suy do họ không biết so sánh. *"Những đầu óc tinh nhuệ mới nhận thấy được sự khác nhau trong sự vật, những đầu óc tầm thường chỉ thấy toàn là những sự giống nhau thôi"*. [7] Anh lính thủy thiện nghệ, thoáng qua nơi chân trời có thể nhận được liền một chiếc tàu hàng hay một chiến hạm. Anh bán vải sành, thoáng qua là đã phân biệt được thứ lụa giả lụa thiệt. Nhà trinh thám đại tài, thoáng qua là phân biệt liền được kẻ gian người ngay.

Về chỗ giống nhau của sự vật, cũng đâu phải dễ nhận thấy. Thấy cho đúng chỗ giống nhau, nhận cho đúng chỗ khác nhau, phải là một đầu óc tinh nhuệ sắc sảo lắm mới được. Phải có một thiên tư xuất chúng mới thấy được chỗ giống nhau hay khác nhau của sự vật. Nhiều việc bề ngoài thấy rất phiền phức khác biệt nhau mà kỳ trung lại giống nhau như một. Cũng có nhiều việc bề ngoài giống nhau như một mà kỳ trung khác nhau như trời vực.

***

Trong khi đọc sách, đọc báo hoặc đọc các bài diễn văn của những nhân vật chính trị, ta cần phải thận trọng để ý xem xét cho thật kỹ những lối so sánh tỉ luận của họ, để ngừa sự ngụy luận.

Hằng ngày nên tập quan sát sự đồng dị giữa sự vật. Thấy chỗ khác biệt giữa hai sự vật đồng tính là khó, nhưng nhận được sự giống nhau giữa hai sự vật không đồng tính cũng không phải dễ. Người ta thường nói Phật và Lão phảng phất giống nhau. Nhưng giống nhau chỗ nào? Khác nhau chỗ nào? Trong Phật học, Phật giáo có mấy tông phái? Các tông phái giống nhau chỗ nào và khác nhau chỗ nào? Khổng và Mạnh, Lão và Trang giống nhau chỗ nào và khác nhau chỗ nào? Nếu mỗi việc ta đều để ý quan sát để xem xét

những chỗ "đồng dị" thì lý thú không biết chừng nào mà thụ dụng cũng không biết là ngần nào.

Bất kỳ gặp một cơ hội nào cũng đừng bỏ qua: hễ thấy những vật giống nhau, cần phải tìm những chỗ dị đồng của nó. Không bao lâu ta sẽ thấy sự nhận xét của ta càng ngày càng tinh mật một cách hết sức mau lẹ. Bấy giờ ta sẽ có được cái biệt tài rất quí báu này là thấy được nhiều khía cạnh của sự vật, chỗ mà kẻ khác chỉ thấy có được một khía cạnh mà thôi.

Đứng về mặt thực tế, óc nhận xét có rất nhiều lợi ích. Nó giúp ta thấy được sự thực giả một cách rất dễ dàng trong các sự vật.

Hãy tập phân biệt sự thực giả của hột xoàn, hột trai, giấy bạc, v.v... là những điều rất cần thiết trong đời sống hàng ngày. Tập cho mình có được một đầu óc tế nhị là mình đã có một cơ sở khá cứng cáp để đi vào con đường tự học.

❄❄❄

H. Óc thán thưởng

Aristote nói: "Tất cả mọi người đều ao ước được có nhiều hiểu biết. Nhưng muốn hiểu biết, điều kiện đầu tiên là phải biết nhìn đời với cặp mắt của đứa trẻ thơ: cái gì cũng mới lạ và làm cho ta ngạc nhiên được cả".

Biết ngạc nhiên, biết nhìn đời bằng một cặp mắt mới lạ, giúp cho Newton tìm ra định luật "vạn vật hấp dẫn" trong khi ông nhìn thấy quả táo rụng. Denis Papin tìm ra sức mạnh của hơi nước cũng chỉ vì biết nhìn bình nước sôi, mà ai ai cũng thường thấy hằng ngày, với cặp mắt ngạc nhiên.

Sự quen thuộc thường làm cho ta không nhận thấy được những cái hay, cái đẹp của chỗ ta ở hàng ngày. Người nước ngoài đến xứ ta, thấy biết bao nhiêu là việc lạ mà chính ta không dè. Hãy biết phản ứng ngay với những thái độ tiêu cực ấy: phải biết xem xét chung quanh ta với cặp mắt của người xứ lạ. Ta sẽ thấy đời ta đổi khác với nhiều tư tưởng bất ngờ mà xưa nay ta chưa từng nghĩ đến. Nhà văn Lamennais có nói: "Tất cả mọi người đều biết nhìn cái tôi đã nhìn, nhưng họ không thấy được cái chỗ tôi thấy" *(Tout le monde regarde ce que je regarde, mais personne ne voit ce que je vois).*

Đừng để trong trí rằng đời không còn có gì mới lạ và cái gọi là "mới lạ" chỉ là những gì người khác đã nhận thấy và đã nói ra rồi.

Ta phải tập nhìn đời với một cặp mắt mới mẻ, với giác quan tinh tế của

một kẻ đau liệt trên giường bệnh vừa mới khỏi, bắt đầu tiếp xúc với ánh sáng và không khí bên ngoài.

Nói thì có hơi như ngụy biện, nhưng sự thật cần phải quả quyết rằng cái đức đầu tiên của óc thông minh là phải có cảm giác mình *không hiểu biết gì cả*. Một bộ óc "thông minh" mà việc gì cũng cảm thấy không có gì lạ cả, là một bộ óc tê liệt, bệnh hoạn, không còn cơ phát triển gì được nữa. Đức Khổng Tử tỏ ý bất mãn về Nhan Hồi khi người nói: *"Hồi không dạy được ta gì cả. Ta nói ra điều gì nó hiểu liền và không ham cật vấn"*.

Jules Lemaitre cũng nói: *"Đứa học trò hay nhất của tôi là đứa không đồng ý kiến với tôi"*. Và đứa học trò giỏi hơn nữa, có lẽ sẽ là đứa biết rõ ràng nó không hiểu gì cả. Phần đông, ta thường có cái khuynh hướng hay tưởng tượng rằng mình đã hiểu rõ rồi, nhưng khi bị bắt buộc phải giảng giải ra thì mình mới nhận thấy mình mới chỉ nhận thức một cách rất lờ mờ. Phải chăng ta thường thấy có nhiều kẻ quá hoạt bát, quá thông minh nhưng kỳ thật chỉ là những đầu óc thiển cận và chỉ bừng sáng lên như ngọn lửa rơm; trái lại, có nhiều kẻ mới xem thì lù đù mà tư tưởng lại uyên thâm. Họ hiểu chậm, nhưng đến khi hiểu thì họ hiểu một cách sâu sắc thâm trầm. Là tại sao? Nhờ họ không xem thường một việc nhỏ nhặt nào cả. Nhân đó ta có thể phân biệt rõ ràng kẻ nào biết tư tưởng với kẻ không tư tưởng gì cả. Trước một sự kiện huyền bí, kẻ không tư tưởng quả quyết là không có gì lạ mà không hiểu. Trái lại, dù là đứng trước một sự kiện hiển nhiên, kẻ biết tư tưởng vẫn e dè và tự bảo: "Tôi cũng chưa hiểu rõ là gì cả!". Và chính đây mới là chỗ sâu sắc nhất của lời nói này: *"Điều mà tôi biết rõ hơn hết, là tôi không biết gì cả"*. [8]

Cũng chính Socrate đã nói: *"Không có sự dốt nát nào nhục nhã bằng tin tưởng rằng mình đã hiểu những gì mình không hiểu"*. [9]

Phải chăng bước đầu tiên của tư tưởng là phải dám đặt nghi vấn trước những vấn đề mà mọi người đều xem thường hay tin tưởng là mình đã hiểu rồi?

Văn hào Pháp Charles Péguy có nói: *"Trong đời ta, ít ra cũng phải có một lần đặt lại và kiểm soát lại những tư tưởng của ta"*, nhất là những tư tưởng mà ta thích nhất và tôn thờ nhất.

Chỉ có những người tự đắc và nông nổi mới dám quả quyết: "Đời đục cả, một mình ta trong. Đời say cả, một mình ta tỉnh". Tự mãn trong sự hiểu biết

của mình và tin tưởng rằng không còn có gì phải suy xét lại nữa là tự hủy hoại con đường tiến thủ tinh thần ta rồi.

Vì vậy, theo thiển ý, một trong những "mật pháp" của một nền giáo dục sâu sắc không gì bằng tập cho thanh thiếu niên sớm biết được cái nghệ thuật "thán thưởng". Platon có nói: *"Biết ngạc nhiên, đó là nguyên nhân của triết học"* [10]

Truyện Kiều của Nguyễn Du, sở dĩ có thể xem là một quyển sách hay về tư tưởng, không phải vì nó đã giải quyết sẵn cho ta một vài quan niệm về cuộc đời, mà chỉ vì nó đã đặt thêm cho ta nhiều vấn đề mà hiện thời ta chưa rõ phải giải quyết ra sao cả. Tiểu thuyết mà hay không phải những loại tiểu thuyết có luận đề, trong đó người ta cố nặn bóp thế nào cho mọi sự kiện đều đi về một chiều, một hướng như *Lục Vân Tiên* chẳng hạn. Tiểu thuyết của André Gide sở dĩ đã làm chấn động dư luận thế giới, tựu trung đã nhờ sự biết *đặt những nghi vấn và tác giả đã biết nhường cho độc giả cái phần sáng tạo thêm là* tìm hiểu lấy những nghi vấn ấy, chứ tự tác giả không bao giờ giải quyết sẵn cho. Cũng như đọc *Hồng Lâu Mộng* của Tào Tuyết Cần, đố ai biết được dụng ý của pho truyện này là để chứng minh quan niệm gì? Lối viết truyện này, tức cũng là lối viết truyện của André Gide ngày nay vậy.

Giờ đây, chúng ta thử bàn qua những phương pháp đào luyện óc thán thưởng.

Có hai cách thán thưởng: *tiêu cực* và *tích cực*.

Thán thưởng *tích cực* là biết ngạc nhiên, biết thán thưởng một cách tự nhiên không cần cố gắng gì cả. Tức là trường hợp của những người ở đồng quê vắng vẻ lần đầu tiên lên đến đô thành đồ sộ nguy nga và vô cùng náo nhiệt. Họ nghĩ ngợi, họ bị bắt phải suy nghĩ và có những cảm tưởng lạ lùng. Là nhờ nơi đâu? Nhờ nơi sự *so sánh* và sự *tương phản* giữa hai hoàn cảnh khác nhau.

Chân lý là gì? Phải chăng chân lý là sự đối chọi và so sánh những chân lý tương đối khác nhau? Phải có một sự khác nhau mới làm cho ta để ý và suy nghĩ. Chính nhờ có bóng tối mới làm nổi bật được ánh sáng. Có sống trong nô lệ, người ta mới biết nghĩ đến giá trị của tự do mà tiếc uổng.

Tóm lại, người ta mà biết suy nghĩ, phần nhiều là nhờ có sự tương phản của hoàn cảnh gây nên. Sự có mặt của một sự vật nào mãi mãi bên ta sẽ gây

thành thói quen. Thói quen sẽ làm nhụt cả cảm giác của ta đối với sự vật ấy. Bởi vậy, có một nhà văn đã nói: "Ta sống nhờ ngó đàng trước, ta hiểu nhờ ngó lại sau, ta cảm nhờ có sự vắng mặt". Hay thay! Cái gì *"đã đi qua?"* mà còn trở lại sẽ làm cho ta sung sướng không biết chừng nào!

Ngày mà ta thấy thâm cảm được mối tình sâu nặng của cha mẹ ta chính là ngày mà hình bóng ấy đã vắng bặt trên cõi đời. Khi mà ta nếm được hương vị thần tiên của tình yêu thâm trầm ấy, chính là ngày mà ta cảm thấy đã quá muộn màng không còn phương gì để đền ơn đáp nghĩa nữa.

Và vì thế mà sự *vắng mặt* giúp cho ta suy gẫm nhiều, đồng thời nó cũng là món ăn tinh thần cho những tâm hồn đa cảm. Xa nhau thường là mối dây thiêng liêng ràng buộc tình cảm càng thêm bền chặt. Sự sống chung đụng hàng ngày dễ làm cho ta nhàm chán và xem thường. Cho nên một trong những phương pháp nuôi dưỡng tình yêu là thỉnh thoảng nên xa nhau để cho tình thương càng thêm nung nấu.

Tóm lại, *phương pháp giúp cho ta có nhiều sáng kiến và suy tưởng là phương pháp đối chiếu, phép dùng mâu thuẫn*. Và những hình ảnh hay nhất trong văn chương phải chăng cũng là những hình ảnh do đối chiếu mà ra?

❋❋❋

Giờ thử bàn đến phương pháp tích cực để kích thích óc thán thưởng - tức là *biết đặt vấn đề, đặt những câu hỏi* để mà *"tiên đoán"* hay dự đoán những gì ta sắp đọc, sắp nghe.

Rất có thể mình dự đoán sai. Nhưng cái đó không mấy cần. Chính cái chỗ khác nhau giữa sự thực với việc ta dự đoán mới là điều quan trọng: nó kích thích óc tò mò và làm cho ta nhớ thật dai, đồng thời bắt ta suy nghĩ và làm giàu óc sáng kiến. Thiết tưởng những giáo viên dạy sử cũng nên dùng đến phương pháp này để dạy học trò, chắc sẽ sinh động lắm. Khi ta trình bày những sự kiện lịch sử, đến khi kết cuộc, ta nên dừng lại và "đố" học sinh phải tìm lấy. Học sinh có thể đoán lầm và phần nhiều hay đoán lầm, là vì sự đời nhiều khi rất vô lý. Sự xảy đến thường lại không xảy đến y như lòng ta sở nguyện: *"nhơn nguyện như thử, thiên lý vị nhiên"*.

Chính đây cũng là phương pháp dạy học của Socrate hay của Khổng Tử: biết *đặt câu hỏi* là cả một nghệ thuật của phép dạy dỗ, làm kích thích tư tưởng.

Có người đề nghị phép học nên gồm trong câu châm ngôn này thôi: "Nếu muốn học "thấy" hãy "bịt mắt lại mà tưởng tượng trước bằng một viễn tượng trong tâm hồn"; nếu muốn học "nghe" hãy "bịt tai lại"; nếu muốn học cách "đọc sách" hãy "xếp sách lại mà phỏng đoán trước những gì ta sắp đọc"... đó là để mà lóng nghe cái tiếng dội của tâm hồn. Platon nói rất sâu sắc: "Connaitre, au fond, c'est reconnaitre". *Hiểu biết, thực ra là một sự nhận ra những gì ta đã biết.* Nghĩa là, *cái thật biết là cái biết do mình đã tìm ra.* Ta chỉ thấy được những gì ta đã thấy. Ta chỉ thích được những gì ta đã thích. Có "đồng" mới có "ứng", không "đồng" không "ứng". Đọc sách mà biết hay chẳng qua vì nó là tiếng dội của lòng mình. Những ý tưởng mà ta đã nghĩ qua, những tình cảm mà ta đã trải qua, nhưng vì không được hàm dưỡng đúng mực nên đã giống như ngọn lửa than âm ỉ trong đáy lòng, nay bỗng gặp được ngọn gió thổi lòn nên nó bừng lên mà cháy lại. Thực ra, chỉ có "đồng thinh" mới "tương ứng", "đồng khí" mới "tương cầu".

❋❋❋

Những văn gia đại tài thường là những kẻ biết khêu gợi và làm sống lại những tư tưởng ấp ủ trong lòng người. Họ là những kẻ khéo gieo vào lòng người những câu hỏi, những thắc mắc, và cả những nghi vấn. Họ là những kẻ biết "thổi" vào lòng người ngọn gió "hoài nghi", một thứ hoài nghi triết lý mà André Gide gọi là "hoài nghi phá hoại" (doute destructeur) làm thay đổi suy nghĩ và tính lười biếng mà người ta đã âm thầm xây dựng trên những thành kiến lâu đời. Có thể nói họ là những nhà "đại cách mạng" và giải thoát tâm hồn con người ra khỏi gông xiềng của những tư tưởng hẹp hòi lâu nay đã giam hãm con người trong những giá trị sai lầm, bất động. Thích Ca, Lão Tử hay Jésus phải chăng là những nhà đại cách mạng của nhân loại vì họ đã dám phá tan những ảo vọng của con người? Họ là những người làm thức tỉnh chứ không phải là người ru ngủ nhân loại.

Vì thế, họ thường là những người bị kẻ cùng thời đối đãi có khi hằn học hay lạnh lùng, nếu họ không bị đem lên cây thập ác mà hành hình như đức Da Tô. Trái lại, một Françoise Sagan, một James Deans... lại được phần đông thanh niên sùng bái như một vị thần. Đó là chỗ phân biệt những bậc vĩ nhân, thứ chân và thứ giả.

❋❋❋

Phương pháp này chẳng những rất hiệu nghiệm trong khi đọc sách, mà nó cũng rất thực dụng trong khi đi nghe diễn thuyết, đi xem bảo tàng hay các cuộc triển lãm, hoặc đi xem xi nê hay diễn kịch. Nó cũng là phép dùng ức thuyết của các nhà bác học, bác sĩ hay các nhà mật thám đại tài. [11]

Cũng còn có nhiều cách để kích thích óc thán thưởng và sự ngạc nhiên là thường *nên lân la với những người có những quan niệm về cuộc đời khác ta, hoặc chống đối lại với ta.* Đôi khi cũng nên đọc những sách có chiều tư tưởng nghịch lại với ta. Kẻ đồng chí với ta là bạn ta, mà kẻ thù của ta thường là "thầy" của ta, nếu ta biết lợi dụng sự chống báng của họ để kiểm điểm lại những sai lầm thiếu sót và nghiên cứu lại cho thật kỹ hơn những lý thuyết hay quan niệm về nhân sinh mà ta hằng ngày vẫn sùng bái để nó càng ngày càng thêm khởi sắc. Chính đây là ý nghĩa thâm trầm của câu nói của Jules Lemaitre mà tôi đã nhắc trước đây: *"Đứa học trò hay nhất của tôi là đứa không đồng ý với tôi"* [12]

Những người còn trẻ tuổi nên tìm đến những bậc trưởng thượng, những kẻ đã từng trải cuộc đời để nghe họ nói chuyện. Họ là những người không còn dục vọng sôi nổi của tuổi trẻ, đã có nhiều kinh nghiệm và cuộc đời của họ sẽ có nhiều bình tĩnh hơn. Tóm lại, kẻ lớn tuổi cũng cần gần gũi thanh niên để khỏi bị tê liệt tinh thần; còn thanh thiếu niên cũng nên gần gũi với người già vì họ không còn quyền lợi gì để lừa dối ta nữa. Đương lứa với nhau, vì sự tranh đua với nhau mới có sự lừa dối nhau, chứ kẻ không còn tranh hơn tranh kém với mình, họ đâu có lợi gì để lừa bịp mình nữa! Sự va chạm giữa hai thế hệ là một nguồn kích thích tư tưởng rất lợi ích cho cả hai đàng.

Cũng nên cố gắng mà trả lời một cách thành thật và đúng đắn những câu hỏi đột ngột của trẻ thơ. Con trẻ thường giữ được sự thán thưởng tự nhiên: đối với chúng, tất thảy đều là những hiện trạng bất thường, chúng thường có những câu hỏi bất ngờ nhưng đầy ý vị sâu xa, mà phần đông người lớn không sao trả lời cho xuôi được. Nhưng đó thường lại là những câu hỏi đầy ý nghĩa của triết học nếu ta biết để ý đến. Đừng bỏ qua mà la rầy đàn áp chúng, như chúng ta thường có thói quen khinh thường chúng.

Có đứa trẻ nọ hỏi cha nó: "Tại sao trời không giết những loài ma quỷ hại người, thì làm sao người ta còn phải khổ nữa?" Phải chăng là một câu hỏi

thuộc về triết lý, một câu hỏi thuộc về vấn đề thiện ác”. [13]

----

[1] Charles Wagner - La Vie Simple (Armand Colin).

[2] Charles Wagner - La Vie Simple (Armand Colin).

[3] R. P. Sertillanges - La Vie Intellectuelle, p. 129.

[4] Taine - Correspondances, tome III, p.329.

[5] Trang Tử - Đạt Sanh thiên (Bản dịch của Nguyễn Duy Cần).

[6] P. văn Hùm - *Luận Tùng* trang 68 - Tân Việt xuất bản.

[7] Les esprits fins voient les différences des choses, les esprits médiocres ne voient que de ressemblances.

[8] Ce que je sais le plus, c’est que je ne sais rien. (Socrate).

[9] Il n’y a pas d’ignorance plus honteuse que de croire que l’on connait ce que l’on ne connait pas (Socrate).

[10] L’étonnement est l’origine de la philosophie.

[11] Xem lại quyển *Óc sáng suốt* cùng một tác giả.

[12] “Mon meilleur élève est celui qui n’est pas de mon avis” - Jules Lemaitre.

[13] Jean Guitton - Nouvel Art de Penser (Aubier - 1946).

CHƯƠNG THỨ TƯ

Những Phương Tiện Chính Yếu

A. Đọc sách

Giáo dục có mục đích giúp cho trẻ em, trong một thời gian hạn định, vượt qua con đường mà nhân loại đã trải qua từ thượng cổ đến giờ, từ lúc còn ăn lông ở lỗ đến ngày văn minh của hiện đại. Vậy nhà giáo dục là kẻ có phận sự giúp con người sống lại lịch sử của nhân loại.

Nhưng phải làm cách nào để thâu ngắn lại con đường kinh nghiệm của nhân loại? *Chỉ có đọc sách*, ngoài ra ít có phương pháp nào hơn nữa.

Đọc sách là phương tiện cần thiết nhất, hiệu quả nhất để đào tạo cho mình một cơ sở học vấn vững vàng.

***

Thật vậy, dầu là bậc thông minh đến đâu cũng nhờ đọc sách mà kiến thức ngày một thêm rộng.

Đọc sách có lợi cho đường học vấn và tư tưởng mình thế nào, cái đó khỏi cần minh chứng, không còn một ai là không nhận thấy.

Những bậc vĩ nhân, phần đông đều nhân đọc một quyển sách nào của người trước mà nghĩ ra được nhiều ý tưởng hay lạ khác. Một câu trong sách, hoặc một quyển sách đọc xong có khi đổi cả một đời tư tưởng của ta. Cái đó thường lắm.

Sách giúp ta suy nghĩ, chỉ cho ta khỏi phải tốn công tìm kiếm một điều gì mà kẻ khác đã tìm ra được trước ta. Đó là đã đỡ bớt cho ta một sự phí công vô ích. Ta cần dành sức để tìm kiếm thêm những cái mà kẻ khác đã tìm, và nhân đó làm cho nó thêm sáng tỏ hơn. Hoặc nó cũng chỉ ra cho ta một điều gì mà thiên hạ đang tìm, nhưng tìm chưa ra. Ít ra, nó cũng chỉ cho ta biết vấn đề đã phát sinh ra như thế nào, và người ta đã giải quyết nó như thế nào, hoặc người ta đã tìm nó tới đâu rồi.

***

Đành rằng, nhìn tận mắt, nghe tận tai quý hơn xem bằng sách nhưng các điều ta có thể quan sát đặng sao có thể sánh kịp với những điều sách vở để

lại, bởi nó tóm lược cho ta biết bao nhiêu thế kỷ suy tìm và kinh nghiệm mà nếu ta phải tự mình tìm lại, tuổi thọ của ta không làm sao cho phép. Vậy, ta phải đốt giai đoạn và chỉ có sách là "miễn" được cho ta công trình khổng lồ ấy mà thôi.

Học bằng sách - rất quan trọng ở thế kỷ này - có thể tóm trong hai điều kiện sau:

- Chỉ đọc những sách hay mà thôi.
- Và phải biết cách đọc.

❋❋❋

1. Thế nào là sách hay?

Thế nào là một *quyển sách hay*?

Làm cách nào để nhìn ra nó và tìm ra nó?

Sách hay, đây là nói về *sách học* trước hết. Tùy theo loại, mỗi loại đều có cái hay của nó và cách lựa chọn cùng việc đánh giá cũng khác nhau xa.

Bắt đầu bằng cách *loại trừ*.

Loại trừ đầu tiên những thứ sách học mà dài nhăng nhẳng, to lớn nặng nề. Một người đọc sách, nhất là đọc sách để học, ngày giờ của họ dĩ nhiên có hạn, sự chăm chú, năng lực tinh thần cũng như trí nhớ cũng có hạn. Bởi vậy, một quyển sách học mà dài lê thê bất tận không thể thích nghi được. Thật ra, người nào viết sách học mà viết lê thê bất tận là chứng tỏ sự bất tài và bất lực của mình. Sách học, càng ngắn càng tốt, càng gọn càng hay. Loại sách "Expliquez-moi..." của "Les Éditions Foucher" rất tài tình.

Hầu hết những sách dạy về sử học ở trung học thường là những sách quá dài.

Sách nào quá dài, tốt hơn đừng đọc. Hãy đợi khi mình đã có được một luồng mắt thống quan rồi, bấy giờ sẽ đọc đến những sách trường giang của những nhà nghiên cứu và chuyên môn.

Kế đó nên loại trừ những sách *buồn chán*. Sách học mà trình bày một cách buồn tẻ khô khan là sách không nên đọc: mất thì giờ, mất hứng thú, thật không kết quả gì.

Và sau cùng, hãy loại trừ những sách *khó hiểu*. Sách khó hiểu là sách của hạng tác giả không biết mình nói cái gì. Phần đông họ là những kẻ có đầu óc mù mờ, cho nên họ luộm thuộm, nói cái gì cũng chả ra cái gì. Rất có thể, tác

giả là bậc thông thái, nhưng họ đã quên họ đang dạy học, dạy học cho những đầu óc tầm thường. Họ viết cho họ hơn là cho học sinh. Đó là cái tật của phần đông các nhà viết sách học hiện thời. Có khi vì họ muốn cầu kỳ để tăng "giá trị" của họ. Những loại sách ấy không nên giao cho học sinh, vì nó sẽ dễ làm chán nản và làm cho học sinh mất cả hứng khởi của sự học.

Tóm lại, cần phải loại trừ những loại sách dài lê thê bất tận, những sách buồn chán, những sách đọc "khó tiêu". Tuy nhiên, một quyển sách ngắn, vui vẻ và dễ dàng cũng rất dễ biến thành những thứ sách đơn sơ quá, thiếu căn bản, thiếu cương yếu và là những thứ sách rỗng tuếch, rất tầm thường. Vậy cần phải làm một cuộc chọn lọc để có sách không dài, không chán mà cũng không khó đọc như đã nói trên. Phải làm cách nào để chọn lựa, trong khi mình chỉ là tay ngang, một người đang ở thời kỳ "tập sự"? Muốn phê bình cho đúng đắn "ông thầy" của mình, ít ra mình cũng phải biết rõ cái khoa của mình học.

Thì như đã nói trên, chúng ta hãy căn cứ vào ba yếu tố trên: loại trừ những sách dài lê thê, những sách buồn ngủ, những sách đọc khó hiểu. Chả lẽ mình lại không quen biết được một vài bậc học thức cao thâm nào để mà hỏi thăm và cậy họ giới thiệu sách hay mà đọc sao?

Có người kia muốn mua một món đồ dùng thật tốt, nhưng họ không phải người chuyên môn, họ cũng không có kinh nghiệm để có thể phân biệt món hàng nào thật món hàng nào giả, họ lại không có ai có thể tin cậy để hỏi thăm. Vậy họ phải làm cách nào để mua món đồ cần dùng ấy mà không bị lầm? Có gì khó. Họ lựa món đồ của "hiệu có danh tiếng" quốc gia hay quốc tế. Mua đồng hồ tay mà lựa hiệu "Oméga", "Longines" hay "Movado" của Thụy Sĩ thì ít sợ lầm thứ xấu. Cũng có thể họ mua lầm được lắm nhưng ít ra, họ đã thu hẹp được rất nhiều sự rủi ro lầm lạc.

Những ai không may mắn gặp được những bậc thức giả cao thâm giới thiệu cho những sách hay, tại sao không biết làm như người đi mua đồ trên đây mà lựa những sách do những tác giả có tên tuổi viết ra? Đành rằng trong buổi giao thời này vàng thau còn lẫn lộn, nhưng những ai đã chịu được thử thách của thời gian, ít nhiều đã chứng minh được giá trị tương đối của tác phẩm mình rồi.

***

André Maurois khuyên ta: *"Chúng ta nên tin cậy nơi sự lựa chọn của các thế kỷ đã qua. Một người có thể lầm, một thế hệ có thể lầm nhưng cả nhân loại không thể lầm. Homère, Shakespeare, Molière chắc chắn là những người xứng đáng với danh tiếng của họ. Chúng ta sẽ chuộng các tác giả này hơn là các nhà chưa chịu sự thử thách của thời gian"*.

***

Muốn đọc sách để bổ túc cho trí thức, cần nhất là phải *biết cách đọc sách* mới đặng.

Có nhiều kẻ đọc sách như điên, luôn luôn sách chẳng rời tay, nhưng kết quả không ích lợi gì cho đường học hỏi của họ cả vì họ không biết đọc sách.

Trong túi họ, ta thấy luôn luôn đầy sách báo. Hễ vừa ngồi xuống, bất luận là ở trên xe đò hay toa xe điện là ta thấy họ mở sách báo ra mà đọc. Họ đọc tiểu thuyết, đọc những tin tức hằng ngày, đọc luôn cả những cột quảng cáo không sót một chữ. Sách ở thư viện họ đọc gần hết. Nhưng họ không hiểu họ đọc những gì, cũng không rõ tên tác giả là ai. Đó là lối đọc sách nguy hiểm nhất. Jules Payot nói: *"Đọc sách là một cách lười biếng nguy hiểm nhất, bởi kẻ làm biếng mà ở không, họ sẽ cảm thấy như khó chịu với lương tâm. Trái lại, nếu họ có đọc sách, họ tin rằng họ có làm việc và nhân thế, cái bệnh lười biếng của họ không còn thế nào trị đặng nữa"*. Thật đúng như vậy. Lối đọc sách này chỉ làm phí thời giờ mà thôi. Nếu ta thành thực với ta, ta sẽ thấy sau một tuần lễ, ta sẽ không còn nhớ gì nữa cả. Có một hạng độc giả đọc sách để mà lo việc khác. Họ vẫn chăm chú đọc hàng này đến hàng kia, nhưng thực sự tâm tư họ đi vào chỗ khác. Đó là một cố tật, không nên bắt chước.

Lại cũng có một hạng độc giả, sách gì cũng đọc, nhưng họ chỉ đọc từ chặng, khúc đầu, khúc đuôi rồi xếp sách lại, tin tưởng rằng mình đã hiểu được tất cả ý tưởng của tác giả. Tôi dám quả quyết rằng kẻ đọc sách như thế, dù là bậc thông minh thế nào, cũng không làm gì hiểu được tất cả quyển sách. Nhất là một quyển sách thuộc về loại sách học, trong đó, mỗi câu có khi là một vấn đề, sự liên lạc của nó không thể bỏ qua một đoạn nào mà khỏi phải hiểu sai. Hạng độc giả này, đọc đây một đoạn, đó một đoạn, họ lật hình này xem, lật hình kia xem, đọc cầu vui, đọc không mục đích và đọc mãi suốt ngày. Có ai hỏi họ làm gì trong ngày: họ bảo họ đọc sách. Nhưng thực sự, trí họ như con bướm chập chờn lởn vởn đóa hoa này sang đóa hoa kia. Xong

rồi, đầu óc họ vẫn trống trơn, không còn lưu lại một ấn tượng gì cả. Cũng có khi họ nhớ, nhưng chỉ nhớ những vụ lặt vặt không đầu đuôi, không thành vấn đề gì cả.

Trở lên là lối đọc sách không bổ ích gì cho trí thức cả. Kẻ nào muốn lợi dụng sự đọc sách để giúp óc suy nghĩ phán đoán của mình và giúp thêm tài liệu cho sự hiểu biết của mình, đừng bao giờ đọc sách như những cách đã nói trên.

Goethe lúc về già, nói với Eckerman: *"Người ta đâu biết rằng phải tốn bao nhiêu thời giờ, bao nhiêu công khó nhọc mới học được cách đọc sách. Tôi đã bỏ công vì nó, trên 80 năm, thế mà bây giờ tôi chưa thể tự hào là đã đạt được mục đích ấy rồi vậy".*

Nghệ thuật gì mà khó khăn thế? Chỗ liên lạc giữa người đọc sách và người viết sách phải như thế nào? Người đọc sách phải giữ thái độ gì để khỏi bị sách đầu độc, và trái lại, nhờ sách mà làm giàu thêm kinh nghiệm? Phải đọc những sách gì, và nhất là phải đọc cách nào? Đối với những loại sách danh tác, ta phải đối xử như thế nào? Trái lại, đối với những sách hạng thứ, những sách phổ thông có tính cách nhập môn, những sách có tính cách đại lược hay trích lục ta phải sử dụng cách nào? Lợi ích của quyển sách phải chăng cũng chỉ có một giới hạn nào và nó phải dừng lại nơi đâu? Đó là mới kể sơ vài phương diện của vấn đề đọc sách để rèn luyện trí não mà thôi, chứ thật ra có rất nhiều cách đọc sách: có kẻ đọc sách để tìm tài liệu tin tức; cũng có kẻ đọc sách để giết thời giờ và để giải buồn. Nhưng ở đây, chúng ta chỉ nên chú trọng đến cách đọc sách để tự học nghĩa là để đào tạo cho mình một cơ sở văn hóa tinh thần mà thôi, vì đó là mục đích của quyển sách này. Như vậy, sự đọc sách để tìm an ủi trong đau khổ, đọc sách để tìm một sức mạnh tinh thần, giúp tâm hồn mình thêm nhẫn nại, can đảm mà vượt qua những thống khổ của cuộc đời, đọc sách để tìm hứng thú cho tinh thần cũng đều thuộc về loại đọc sách để tự học cả, vì phàm cái chi hoạt khởi được tâm cảm mình, đổi mới được về khuynh hướng "chân", "thiện", "mỹ" đều bổ ích cho tinh thần trí não của mình.

❋❋❋

2. Đọc sách để tìm hiểu mình

Đọc sách mà đến mức cao thâm, là đọc sách không phải để tìm hiểu cái

ngoài ta, mà là để tìm hiểu cái người thật của ta. Sách vở, đối với ta, sẽ chỉ còn là cái nguồn khêu gợi mà thôi.

André Maurois có khuyên ta một câu này mà tôi cho là sâu sắc nhất: *"Phải tự làm cho mình xứng đáng với những tác phẩm của mình đang đọc..."* [1], *"Thuật đọc sách là cái nghệ thuật tìm thấy lại cuộc đời của mình và hiểu biết nó hơn, bằng sách"*. Ông lại nói rõ ràng hơn: *"Không có gì cảm động hơn là thấy người thanh niên năm ngoái chỉ chịu đọc những truyện phiêu lưu, bỗng dưng nay lại đâm ra ham mê đọc những quyển sách như Anna Karénine* [2] *hay Dominique* [3], *bởi vì bây giờ họ đã nếm qua thế nào là cái vui sướng và đau khổ của tình yêu. Những người ưa hoạt động là những độc giả thưởng thức Kipling, những nhà chính trị đại tài là những độc giả của Tacite hay của Retz"*.

Thật có đúng như thế. *"Đoạn trường ai có qua cầu mới hay"*. Hễ *"đồng thinh tương ứng, đồng khí tương cầu"*. Những kẻ thích đọc Lão, Trang hay Phật đại thừa là những độc giả thuộc hạng hướng nội nhiều hay ít. Phải chăng đọc sách là một cái thú thâm trầm khi chúng ta tìm thấy trong một tác phẩm, giãi bày một cách chu đáo và đầy đủ những tư tưởng mà chính mình đã nghĩ qua, đã hoài bão lâu ngày và băn khoăn tha thiết. Chúng ta nhận thấy những ý nghĩ kín đáo nhất của mình được một người khác công nhận, lại nói ra một cách vỡ vạc thì còn gì thú vị bằng! Phải chăng chỉ có những ai đã từng sống gượng, xa người bạn thân yêu do hoàn cảnh bắt buộc phải tươi cười với những kẻ chung quanh mà mình không chút tình thương, mới cảm thấy cái hay và thâm trầm của câu:

"Vui là vui gượng kẻo là,
Ai tri âm đó, mặn mà với ai".
(*Truyện Kiều* - Nguyễn Du)

Một câu văn mà ta gọi là hay, phải chăng là câu văn đã làm vang động tâm hồn trí não ta, nghĩa là đã khêu gợi những gì sâu kín trong đáy lòng ta? André Gide có nói: *"Hình như nếu tôi không đọc Dostoievski, Nietzche hay Freud... có lẽ tôi cũng sẽ nghĩ thế. Tôi chỉ tìm thấy ở họ một sự khuyến khích hơn là một mầm tư tưởng mới mà họ đã tặng thêm cho tôi, thật ra chính họ là những kẻ đã dạy tôi, đừng e sợ, đừng rụt rè và ngờ vực tư tưởng của mình nữa..."*.

B. Phải đọc sách cách nào?

1. Tính cách tôn nghiêm của sự đọc sách

Nói đến sự tôn nghiêm, tức là muốn khuyên các bạn nên gây chung quanh những lúc đọc sách của ta một không khí trang nghiêm và trầm lặng thường bao bọc những cuộc hòa nhạc hay những buổi lễ cao quý. Nên tránh cái cảnh vừa đọc, vừa ăn, vừa nói chuyện, hoặc đọc thoáng qua một trang, thì ngừng lại để trả lời máy điện thoại, hoặc cầm sách mà trí nghĩ đâu đâu rồi lại bỏ dở vì có người bạn đến nói chuyện khào, rủ nhau đi ăn uống hay đi dạo mát. Người biết đọc sách phải biết dành cho mình một buổi nào để đọc sách trong yên lặng và cô tịch. Nên dành riêng cho một nhà văn nào mình rất yêu quý, một buổi chiều trong ngày chủ nhật trong tuần, hay một buổi chiều thứ bảy nào.

Riêng tôi, suốt một đoạn đời từ 21 tuổi đến nay, tôi đã dành cho mỗi buổi tối ít nhất là hai giờ đồng hồ để đọc sách khoảng từ 20 giờ đến 22 giờ không bao giờ sai chạy. Giờ ấy đối với tôi cũng như giờ cầu kinh, nhất định không để cho ai quấy rầy. Giờ đọc sách này là giờ đọc sách hoạt động. Tất cả người trong gia đình đều phải nể cái giờ phút thiêng liêng này của tôi, ngoài ra, tôi không đòi hỏi gì hơn là để cho tôi được quyền sống một mình trong cô tịch và lặng lẽ. Ngoài cái giờ ấy, tôi cũng đọc sách, cũng xem báo như mọi người, nhưng làm việc một cách tiêu cực, hoặc sưu tầm tài liệu để qua một bên, đợi lúc đọc sách chính thức đem ra mà nghiền ngẫm.

Dĩ nhiên là trong lúc đọc sách trang nghiêm ấy, tôi chỉ đọc toàn những tác phẩm hay nhất mà thôi.

❃❃❃

2. Chỉ đọc những tác phẩm hay

Jules Payot nói: "Nếu cho tôi được sống lại cuộc đời của tôi, tôi tự thệ trong lúc trẻ tuổi, chỉ đọc ròng sách hay, do những bậc vĩ nhân trong tư tưởng giới viết ra thôi. Tôi đã mua rất đắt cái kinh nghiệm đã qua của tôi khi còn nhỏ đã làm phung phí sức lực của tôi rất vô lối vì những tác phẩm vô giá trị. Nếu anh em muốn có một tương lai tốt đẹp về tinh thần, hãy nghe theo tôi, đừng bao giờ đọc sách nhảm..." [4]

Vậy làm cách nào để nhận biết một quyển sách hay? Trước đây đã nói qua về loại sách học. Nay xin bàn đến những sách có tính cách đào luyện

tinh thần trí não con người.

Sách hay nói đây chẳng những hay về văn chương tao nhã mà hay về ý tưởng thâm trầm.

Có một đặc điểm này để nhận thấy cái hay của một quyển sách, bất cứ là một quyển sách loại gì, là *càng đọc đi đọc lại chừng nào, càng thấy nó rộng rãi sâu xa chừng nấy.* Một quyển sách mà tháng này đọc thấy hay, tháng sau đọc lại thấy bớt hay hoặc hết hay là một quyển sách tầm thường. Có nhiều quyển sách mình chỉ đọc qua một bận là hết muốn giữ nó bên mình. Trái lại, quyển sách hay dù cho một năm sau, ba năm sau, hay mười năm sau nữa mà đọc lại vẫn thấy thâm trầm man mác không biết chừng nào. Trình độ mình càng ngày càng lên cao, mình lại thấy nó càng thâm sâu hơn nữa. Những sách lầm thường không sao chịu nổi thử thách của thời gian. Đó là loại sách mà người ta thường gọi là "sách bất tận". Cần lựa những sách ấy làm sách "gối đầu giường". Những sách như quyển Tư tưởng lục (Pensées) của Pascal, Éthique của Spinoza, Pensées của Épictète và Marc-Aurèle, L'Imitation de Jésus-Christ, Bible, Nam Hoa kinh, Đạo Đức kinh, Kinh Dịch v.v... là những sách rất hay, đọc đến chết vẫn còn thấy sâu sắc thâm trầm.

Tuy nhiên, sách hay cũng không phải cần luôn luôn là "sách bất tận" mới được. Những quyển sách khêu gợi được ta nhiều ý nghĩ đột ngột, lạ lùng và mới mẻ, dù không thể nhìn nhận tư tưởng của tác giả, ta cũng không sao tránh khỏi những bâng khuâng và hoài nghi, hoặc trong nhất thời đưa đến cho ta những vấn đề mà xưa nay ta chưa từng để ý đến, đều là những thứ sách làm giàu thêm cho ta về kinh nghiệm, về tư tưởng và về tài liệu. Những thứ sách ấy cũng được xem là sách hay.

❋❋❋

3. Sách "gối đầu giường"

Tiện đây, xin nói qua về những sách *"gối đầu giường"*. Những sách "gối đầu giường" phải là những bộ sách mà bất cứ ở hoàn cảnh nào đều có thể giúp cho ta một vài ý tưởng thích nghi và an ủi; những sách đưa ta lên cao bằng những tư tưởng thanh thoát hay những tấm gương của những bậc anh hùng vĩ nhân của nhân loại; những sách giúp cho ta biết hoài nghi suy nghĩ thêm, biết đặt vấn đề, biết làm cho lòng ta nhẹ nhàng và phấn khởi, khôn ngoan và trong sạch hơn. Có người nói rằng: "Quyển sách đẹp nhất có lẽ là

quyển sách viết ra không phải để mà đọc, và chỉ in ra khi nào tác giả đã qua đời, và nhờ vậy, nó có tính cách của một bản "di thư" tinh thần, không có một ẩn ý gì là chiều chuộng hay làm vui lòng độc giả" [5] Thật vậy, một quyển sách viết ra, không phải vì tiền, vì danh mà một quyển sách viết ra vì một nhu cầu cần thiết nào của tác giả. Người đọc sách phải cảm thấy có một sự kêu gọi khao khát thì sự đọc sách mới thật là hứng thú và có nhiều thụ dụng, nếu cảm thấy không có gì trong thâm tâm khát khao kêu gọi cả, thì thà đừng đọc sách còn hơn, cũng như nếu mình cảm thấy không có gì cần phải nói ra, thì đừng bao giờ miễn cưỡng mà viết sách. Những bài thơ hay và cảm động nhất phải chăng là những bài thơ mà thi sĩ đã cảm động nhất trong khi sáng tác nó?

Học cũng như ăn. "Mỗi một tâm hồn đều có một thức ăn riêng. Phải biết nhận cho ra ai là những tác giả của riêng mình. Dĩ nhiên là những tác giả ấy sẽ khác hẳn với những tác giả của bạn bè ta. Trong văn chương cũng như trong tình yêu, ta thường phải ngạc nhiên vì sự lựa chọn của người khác. Chúng ta cần phải trung thành với các tác giả đã thích hợp với mình. Về việc lựa chọn này chỉ có chính mình mới là người xét đoán đúng nhất mà thôi" [6]

❋❋❋

Có những sách "gối đầu giường" mà người ta đọc mỗi ngày như "kinh nhật tụng". Nhưng cũng có những thứ người ta không cần phải đọc, mà ảnh hưởng của nó đối với ta rất lớn: chỉ một cái tựa sách, hoặc cái tên tác giả mà thôi cũng đã là một khuyến lệ, một vị thiên thần luôn luôn ủng hộ che chở ta và nhắc nhở an ủi ta rồi.

Sau cùng, cũng cần giữ bên mình ta những sách có những tư tưởng *đối lập* với ta dùng làm sách "gối đầu giường". Pascal lại đọc Montaigne, Montaigne lại đọc Sénèque. Cái người "thù" với tư tưởng ta, thường lại là người giúp cho ta suy nghĩ nhiều hơn tất cả, vì chính họ là kẻ giúp ta thấy rõ những nhược điểm của ta và bắt buộc ta phải tìm thêm bằng cứ cho lập trường tư tưởng của ta. Họ là kẻ nhìn thấy rất tăm tối chỗ mà ta nhận thấy rất sáng sủa, và chính họ là kẻ giúp ta biết giữ vững lập trường, biết hoài nghi và thận trọng.

❋❋❋

4. Uống nước tận nguồn

Đọc sách hay cần đọc ngay nguyên văn. Nếu không đọc được nguyên văn, thì phải tạm đọc sách dịch. Như thế thì sự hiểu biết của ta cũng kể là hiểu biết tạm thời thôi. Văn dịch chỉ đưa đến cho ta một phương diện về tư tưởng của tác giả thôi, bởi người dịch cũng chỉ dịch theo sự hiểu biết tạm thời của họ. Câu nguyên văn, ta có thể ví như mặt biển rộng thênh thang, còn câu văn dịch không khác chi là mặt nước ao tù.

Văn dịch, nếu dịch đúng, chỉ đem lại cho ta một phần nào cái ý vị của nguyên văn thôi. Bởi vậy, nếu muốn đọc sách cho đứng đắn, cần phải đọc chính văn. Đọc một trăm quyển sách khảo cứu về Vương Dương Minh, Lão Tử, hay Trang Tử không bằng đọc ngay Vương Dương Minh, Lão Tử hay Trang Tử. Vì vậy, học được nhiều ngoại ngữ chừng nào càng tốt đối với người muốn tạo cho mình một cơ sở học vấn rộng rãi và sâu sắc.

Có kẻ tưởng cần kiếm những sách nghiên cứu về Lão Tử, Trang Tử hay Vương Dương Minh để dễ thấy đại lược tư tưởng của các ông ấy hơn là phải đọc ngay các ông ấy, khó khăn hơn. Tính như thế thật sai lầm. Đọc sách nghiên cứu trước khi đọc một tác giả nào, có cái lợi là khỏi cần mất nhiều thời giờ để hiểu tác giả ấy trong khi đã có người làm trước cho ta công việc đó. Nhưng ta sẽ bị cái hại này là ta chỉ hiểu biết tác giả qua sự hiểu biết và nhận xét của nhà nghiên cứu thôi, chứ khó lòng biết được cái chân diện mục của tác giả. Muốn biết Lão Tử mà đọc cuốn Lão Tử của Ngô Tất Tố thì ta chỉ biết được Lão Tử theo Ngô Tất Tố chứ chắc chắn không làm gì hiểu được Lão Tử. Nhưng thực ra, cũng không biết ta phải hiểu cách nào mới thật là hiểu đúng theo như Lão Tử đã hiểu, là vì “không có một danh từ nào mà có một nghĩa đối với hai người” (aucun mot n’a le même sens pour deux hommes). Mỗi độc giả đối với Lão Tử có một cách nhận xét và phản ứng riêng, vì vậy, như ta đã biết, không biết bao nhiêu là bản dịch *Đạo Đức kinh* hoàn toàn khác nhau và những nhà chú giải Lão Tử cũng không sao kể xiết.

Sở dĩ tôi đã nói trước khi đọc ngay chính văn của Lão Tử, đừng vội đọc sách nghiên cứu về Lão Tử, là tôi muốn cho các bạn, đối với Lão Tử (hay bất cứ đối với một tư tưởng gia nào) đừng chịu một thiên kiến nào trước, nó sẽ làm tê liệt óc phê phán của ta. Đối với những học sinh hay sinh viên không có thì giờ nghiên cứu nghiền ngẫm thì sự đọc những sách nghiên cứu trước

khi đọc chính văn là một sự cần để biết mà trả lời cho giám khảo. Việc ấy là một việc bắt buộc, không thể nào làm khác hơn được. Chỉ cần đợi họ sau khi ra trường làm lại công cuộc giáo dục của họ sẽ hay. Chứ đối với người có công tự học thì việc "đi sau đuôi" kẻ khác, tìm lấy một "con đường mòn" theo kẻ khác mà đi là một điều không nên có.

Dù sự phán đoán, phê bình của ta không được xuất sắc bằng nhiều nhà nghiên cứu khác, nhưng nó là của ta, là trình độ hiểu biết hiện tại của ta. Sau này, ta sẽ đọc lại các sách nghiên cứu khác để so sánh và chữa lại hoặc bổ túc thêm những phán đoán sai lầm hay thiếu sót của ta, thì công phu tự học thụ dụng không biết chừng nào. Sự ích lợi của sách nghiên cứu là giúp cho ta so sánh lại những nhận xét của nhà nghiên cứu với những điều ta quan sát và suy xét, chứ không nên để cho nó quy định trước lề lối tư tưởng của ta và làm mai một tinh thần sáng tác và tự chủ của ta. Đọc sách phải là một sự sáng tạo chứ không phải là một sự nô lệ. Đừng bao giờ tìm hiểu một người bằng lời giới thiệu của một kẻ thứ ba. *Sự ưa ghét, bao giờ cũng thiên lệch. Ưa thì nói tốt, ghét thì nói xấu... đều là những phê bình chủ quan cả.* Đồng với ta, cho ta là phải; không đồng với ta, cho ta là quấy. Cái phải, quấy của con người thường chỉ có thế thôi.

Phần đông một số sách nghiên cứu xưa nay là một sự lặp đi lặp lại những ý kiến của những người đi trước và chỉ có thế thôi, nhất là những sách giáo khoa. Vì vậy, một sự lầm lạc của người trước sẽ được người ta "tụng" đi "tụng" lại mãi như con két. Thật đáng buồn không biết chừng nào!

❋❋❋

5. Sách quá nhiều chú giải

Có nhiều người tin tưởng rằng đọc những sách có nhiều chú giải và phê bình sẽ giúp cho mình hiểu tác giả một cách rành mạch hơn.

Giữa ta và quyển sách cần phải có một sự tiếp xúc trực tiếp, không nên có nhiều kẻ xen vào "giành giựt" sự thông cảm của riêng ta. Có những quyển sách dịch, vừa dịch vừa chú giải quá rườm rà, kể lể ông này bà nọ đã nói gì về ý nghĩa của câu văn kia trải qua từng thời đại v.v... Kể ra công phu thì công phu thật, nhưng họ đã làm mất cả sự hứng thú từ những cảm giác hồn nhiên của ta đối với tác phẩm. Sự bác học của nhà chú giải làm "bận" ta nhiều hơn là giúp ích cho ta. Có gì bực mình bằng lúc mà nhà thơ đang đưa

ta vào cõi mộng mê ly của một câu thơ tuyệt đẹp thì nhà chú giải bác học của ta lại kéo giật ngược ta lại để giới thiệu cái nhạc điệu của câu văn và cách dùng chữ ở những vần bình thượng bình hạ, hoặc cắt nghĩa cho ta nghe chữ dùng kia của nhà thơ là một chữ có một nguyên lai cực kỳ lạ lùng bí hiểm. Có khác nào trong khi ta đang nghe một khúc nhạc thâm trầm mê mẩn, người ta lại bắt ta dừng lại để nghe diễn thuyết cả một bài học về luật điều hòa! Ta đòi hỏi họ nên để cho ta lặng lẽ mà nghe tiếng vang trong cõi lòng thầm kín của ta khi tiếp xúc với tác phẩm ấy.

❋❋❋

Đọc sách cần phải “uống nước tận nguồn” nghĩa là tìm chính văn mà đọc, đừng vội đi tìm những sách về tác giả ấy do một “bàn tay thứ hai” viết lại.

Như thế, ta lại cũng cần phải tiếp xúc trực tiếp với tác phẩm ấy *lâu chừng nào hay chừng nấy.*

Tôi xin thử lấy một thí dụ. Các bạn muốn đọc Pascal là một đại văn hào Pháp ở thế kỷ thứ mười bảy, nhưng từ trước đến giờ chưa được nghe ai nói đến để dự bị cho bạn. Những sách chú giải về Pascal là cả một cái rừng. Thảy đều có giá trị cả. Như bộ sách Port-Royal của Sainte-Beuve có thể được xem là quyển sách chú giải rộng nhất và tự nó đã là một tác phẩm rồi. Vậy, bạn có cần phải khởi đầu bằng đọc sách của Sainte-Beuve chăng? Nghĩa là bạn có bằng lòng đọc trước ba nghìn trang sách, trước khi mở ra quyển *Tư tưởng lục* (Pensées) của Pascal không? Dĩ nhiên là bạn sẽ không phải làm một việc uổng công vô ích, dù bộ Port-Royal là một bộ sách rất phong phú, nghiên cứu rất kỹ thống quan về lịch sử tư tưởng văn chương của nước Pháp hồi thế kỷ thứ mười bảy. Nhưng muốn gặp Pascal mà phải đánh một cái vòng to rộng như vậy, kể ra cũng khí quá, huống chi công phu của bạn nếu đã xong rồi, bạn cũng chỉ nghiên cứu về Sainte-Beuve chứ cũng chưa gặp đặng Pascal. Mà trong hai người ấy, bậc vĩ nhân hơn hết có lẽ cũng chỉ là Pascal. Đành rằng Sainte-Beuve là một phê bình gia sâu sắc lắm, nhưng vẫn không sao qua nổi Pascal, là một thiên tài kỳ vĩ, uyên thâm và rộng rãi đã làm nên danh dự chung cho nhân loại.

Bạn nên đi ngay vào Pascal đừng diên trì [7] gì cả, dĩ nhiên là bạn phải biết đặt ông vào hoàn cảnh xã hội của ông trước để có một ý niệm thống quan về những điều kiện khách quan đã chi phối và cấu tạo thiên tài của ông,

nghĩa là bạn cần phải biết qua về sự hoạt động của nhóm Jansénisme, cũng như sơ lược về đời tư của ông. Nhưng muốn có được một khái niệm như thế, bạn chỉ cần đọc lối ba mươi trang sách và mất chỉ vài giờ là cùng. Bạn hãy lựa một quyển văn học sử đứng đắn như của các ông Gustave Lanson, hay của Bédier và Hazard, hoặc là trong một bài tự ngôn nho nhỏ ở đầu sách các quyển Pensées của Pascal cũng là đầy đủ lắm rồi. Dự bị được bấy nhiêu đó, rồi hãy đi ngay vào tác phẩm của Pascal. Và sau khi đã đọc đi đọc lại nhiều lần và nghiền ngẫm nó, bấy giờ nếu có thời giờ, hãy đọc thêm Sainte-Beuve, hoặc những bài nghiên cứu công phu của các văn gia Brunschvig, Ravaisson, Ranh, F. Strowski, Petitot, Jacques Chevalier... Nhưng dù sao, Pascal vẫn phải được quyền ưu tiên.

❃❃❃

6. Đọc sách cần phải đọc đi đọc lại nhiều lần

Đọc sách hay thì không nên đọc sách mượn. Sách mượn phải trả, không nên giữ nó lâu ngày đến đợi người ta đòi. Cái đó thiếu liêm sỉ. Vậy đọc sách hay phải đọc sách mình đã mua, để có thể đọc đi đọc lại nhiều lần.

Đọc đi đọc lại nhiều lần, chẳng phải để cho dễ nhớ, mà là bởi có nhiều thứ sách rất hàm súc: nếu chỉ đọc qua một bận, không tài nào hiểu nó được hết. Có nhiều quyển sách đọc đến lần thứ ba, thứ tư mới hiểu được. Trước đây, tôi có bàn đến sách khó đọc. Khó đọc đây là khó đọc vì văn từ lòng vòng, cách cấu tạo hỗn độn mà ý nghĩa thì thực chẳng có gì. Còn ở đây, tôi muốn bàn đến những sách hàm súc mà văn từ điêu luyện, cần phải chú ý rất nhiều mới khám phá được những ẩn ý hoặc những tế nhị của tư tưởng. Nhất là sách xưa, văn từ rất ngắn, không thích giảng giải hay minh chứng dài dòng, nhưng hàm chứa những ý tưởng vô cùng sâu sắc.

Gặp phải những thứ sách như thế, có nhiều kẻ quá thận trọng, nhưng thiếu kinh nghiệm, họ nhất định không chịu bỏ qua một chữ nào còn nghi ngờ cả. Nếu họ gặp một câu nào khó hiểu, họ dừng lại, cố tìm cho ra nghĩa của câu đó mới chịu đọc tiếp. Với phương pháp đó, tôi dám quả quyết họ sẽ không bao giờ đọc hết mười trang sách Trang Tử, hoặc của Kant hay Hegel. Gặp trở ngại mà cứ đứng lì lại, không chịu đi tới nữa, theo tôi là một phương pháp sai lầm.

Hãy cứ đi tới mãi và đi cho tới cùng. Bấy giờ, ta mới thống quan được cái

đại ý, nắm được cái giềng mối. Biết được quan niệm của tác giả, mình mới nhân đó mà suy xét lại những chi tiết của nó. Rồi những gì mập mờ sẽ lần lần sáng tỏ ra. Đọc lần đầu, cần phải đi thật mau, để xem cái lề lối đại cương của quyển sách, chẳng khác nào xem trước cái họa đồ của một đô thị trước khi mình đi vào đó vậy. Đọc lần thứ hai, ta sẽ ngạc nhiên thấy những trở ngại trước kia tiêu tan lần lần. Tư tưởng bấy giờ liên lạc tiếp tục nhau, không bị gián đoạn nữa là vì mình đã biết được phương hướng của nó rồi.

Đừng nói là đọc lần thứ nhì, có loại sách đọc đi đọc lại ba, bốn lần mà nghĩa của nó vẫn mờ tối. Nhưng dù sao mình cũng đã biết được đại cương và phương hướng của nó rồi. Những chỗ "mờ tối" ấy thủng thẳng lâu rồi cũng sẽ có ngày hiển lộ. Ta biết rằng câu văn của nhà đại tư tưởng thường rất vắn tắt mà hàm súc. Kinh nghiệm của ta còn ít, tư tưởng của ta còn nông, muốn hiểu hết ý nghĩa của nó phải cần đến *thời gian*.

Không phải họ cố ý làm cho tư tưởng họ mờ tối làm gì. Chỉ vì họ có rất nhiều tư tưởng phải nói với ta, họ phải dùng đến một tiếng nói tầm thường, không thể nào diễn đạt hết ý nghĩ của họ đặng. Ai đã từng cầm bút mới biết rõ nỗi thống khổ của ta khi biểu diễn tất cả nỗi lòng của ta mà văn từ không sao biểu diễn nổi. Dù là bậc văn tài đến mức nào cũng cảm thấy cái chỗ thâm sâu của tấm lòng không sao truyền vào câu văn cho hết được. Thánh nhân mà còn nói: *"Thơ bất tận ngôn, ngôn bất tận ý"* là vậy.

Vậy, đọc sách mà độ tới cái chỗ "không thể nói được" đó, nhận được cái mà người ta gọi là *"ý tại ngôn ngoại"*, thời đọc sách mới thật sự uyên thâm.

Trang Tử nói: *"Có nơm vì cá. Muốn đặng cá phải quên nơm. Có dò vì thỏ, muốn đặng thỏ phải quên dò. Có lời vì ý, muốn đặng ý phải quên lời"*.

Phật tổ ngày xưa lấy ngón tay chỉ mặt trăng mà bảo các đệ tử: "Kia là mặt trăng! Các đệ tử hãy ngó theo ngón tay ta thì thấy. Nhưng, nên nhớ: ngón tay ta không phải là trăng. Những lời giảng của ta về Đạo cũng vậy. Các con cứ nghe lời ta giảng mà tìm Đạo. Nhưng nên nhớ: Lời giảng của ta không phải là Đạo".

7. Cần đọc những sách cao hơn tầm hiểu biết của mình

Một nguyên tắc trong việc tự học mà ta không nên quên là chỉ có những công phu nào có nhiều cố gắng mới có thể có lợi cho sự tiến bộ tinh thần trí não thôi. Không cố gắng không sao tiến bộ được.

Có người quá thận trọng, quá rụt rè không dám đọc những sách cao quá trình độ hiểu biết của mình. Đọc sách cùng một trình độ tư tưởng của ta cũng như đọc những sách cùng đồng một chí hướng với ta chẳng khác nào kết bạn với những bậc ngang hàng, chỉ được có người tán tụng phụ họa mà không được có người nâng đỡ hoặc giúp ta đặt lại vấn đề, cùng suy nghĩ thêm nhiều khía cạnh bất ngờ khác.

Những sách cùng một trình độ với mình sẽ ít tác dụng, vì họ chỉ mang lại cho ta có cái tiếng dội của những ý kiến của ta mà thôi. Tác giả không cao hơn ta sẽ không giúp ích gì cho ta mấy. Tuy lắm khi mình không theo kịp họ, nhưng cũng có lúc mình cũng lấn họ, và nếu cần, cũng "chống lại" với họ.

Sau khi đọc xong quyển sách, mặc dù mình không hiểu được hết tư tưởng của tác giả, mình cũng thấy chỗ thay đổi trong tinh thần của mình. *Những chỗ khó hiểu* của họ lắm khi cũng giúp cho ta suy nghĩ thêm nhiều hơn là khi họ nói ra một cách rạch ròi. Nhà tư tưởng Joubert có nói đại khái như vầy: "Những ý tưởng rõ ràng sáng sủa giúp cho ta tư tưởng, nhưng chính những ý tưởng mập mờ lại giúp ta hành động, chính những ý tưởng ấy chỉ huy sự sống của ta". Ở đây, chúng tôi muốn nói về những quyển sách cao sâu, vượt quá cái tầm hiểu biết thông thường của ta, chứ không phải nói về những loại sách tối nghĩa của những kẻ muốn lập dị cầu kỳ mà thực ra rất tầm thường và nông cạn.

Làm bạn thì nên làm bạn với những kẻ cao hơn mình về tài đức, đọc sách nên đọc những quyển sách cao hơn trình độ tư tưởng của mình thì mới mong tiến bộ mau trên con đường trí thức.

❋❋❋

8. Đối với bất cứ sách nào, phải dành cho nó một tấm lòng thiện cảm

Trước khi phê bình một quyển sách nào, phải để chút hy vọng và tin tưởng nơi nó. Một người viết sách, dù có dở đến bậc nào, cũng đã lao khổ nhiều với tác phẩm của mình. Họ cũng đã bỏ nhiều thời gian suy nghĩ nghiền ngẫm mới viết ra. Thật cũng đã lao tâm khổ tứ với nó không ít. Nếu trước khi đọc nó, mình lại thiên ý, hoặc có ý kình địch, ác ý, đó là tự mình làm mất một cơ hội tốt. Biết đâu trong khi cùng "âm thầm đàm luận" với quyển sách, nó không khêu gợi cho mình nhiều ý nghĩ hay hay.

Có nhiều người viết văn rất khúc mắc, khó đọc. Có khi vì họ kém cái tài

ăn nói, không biểu đạt ý tưởng của mình được một cách giản dị rõ ràng, hoặc là tác giả có ý cầu kỳ, lập dị. Nhưng mình cũng không vì đó mà không ráng công với họ một chút để tìm hiểu họ. Có khi họ sẽ đền đáp với mình rất hậu. Cần nhất là mình phải có chút ít thiện cảm, để cùng nhận xét và thông cảm với họ.

Thường ta có thói quen "hễ đồng với ta là phải, không đồng với ta là quấy" mà mang theo mình đầy thành kiến trong khi đọc sách. Như thế, đọc sách không lợi ích gì cho ta cả. Huống chi đọc sách mà có nhiều thiên kiến, nhất là ác cảm, thì chắc chắn không làm gì hiểu được thâm ý của tác giả.

❈❈❈

9. Cần ôn lại những gì ta đã hiểu biết hoặc đã suy nghĩ về vấn đề quyển sách đã nêu ra

Lại nữa, mình cần phải có hiểu biết hoặc suy nghĩ trước chút ít mới được. Đến khi đọc sách là mình tìm coi tác giả sẽ giải quyết hoặc đặt vấn đề ấy như thế nào, có đồng hoặc không đồng với ý kiến của ta chăng mà nếu có đồng thì đồng chỗ nào, "đại đồng" mà "tiểu dị", hay "đại dị" mà "tiểu đồng"? Còn ngược với ta, thì tác giả ngược chỗ nào? Đừng vội đọc liền quyển sách. Nên chờ cho mình nhận định vấn đề trước đã. Muốn vậy, nên đọc trước bản mục lục hay bài tựa để có một khái niệm chung về đề tài của quyển sách.

Không phải riêng gì việc đọc sách, đi nghe diễn thuyết cũng vậy, cần phải ôn lại những gì mà ta đã hiểu biết hoặc đã suy nghĩ về đề tài sắp đem ra trình bày để mình có thể theo dõi cuộc nói chuyện một cách hào hứng. Bằng không mình chỉ nghe đến đâu hay đến đó, chứ không sao nhận thấy liền được những ý tưởng đặc biệt tân kỳ của diễn giả.

❈❈❈

10. Đọc sách cần phải đồng hóa với nó và phản đối lại nó

Đọc sách là để nuôi dưỡng tinh thần trí não.

Đồ ăn vào bao tử mà tiêu hóa được là nhờ các chất dịch tiêu hóa. Những điều hiểu biết mà mình mới thu thập đặng nơi sách vở sở dĩ bổ ích được tinh thần mình là nhờ mình biết so sánh, đối chiếu với sự hiểu biết của mình đã có trước. Hễ mình đã hiểu biết được nhiều chừng nào, đọc sách sẽ được bổ ích thêm chừng nấy. Một quyển sách mà mình thích đọc là vì nó với mình có nhiều chỗ cảm ứng mật thiết với nhau.

Khi cho in quyển sách, bản tâm soạn giả bao giờ cũng muốn cùng độc giả san sẻ tư tưởng về một vấn đề nào. Vậy muốn cùng tác giả suy nghĩ thì độc giả cũng phải để một phần ý kiến mình vào trong đó, nghĩa là nếu muốn hưởng ứng cùng tác giả một cách thân mật, người đọc cần phải đem tư tưởng của tác giả đối chiếu với kinh nghiệm của mình.

Chỉ có cách so sánh và đối chiếu ấy mới giúp cho mình *tìm thấy được mình*, nghĩa là giúp cho chính mình nhận thấy được khuynh hướng thầm kín và sâu xa của "con người tinh thần" của mình mà thôi. Trong cảnh tịch mịch âm thầm, một tư tưởng của tác giả đã làm rung động cả tâm hồn trí não ta, làm thành một tiếng gọi xa xăm mà rõ rệt. Bấy giờ, ta mới sực tỉnh, nhìn lại mới hay là tư tưởng của thâm tâm mình mà bấy lâu nay mình không dè, hoặc vì mình đã nghĩ đến mà chưa tìm ra được câu nói cho vỡ lẽ. Cả tâm hồn ta bấy giờ rung động sung sướng như mừng gặp đặng người tri kỷ đã lâu ngày cách biệt. Cũng như, đối với nhiều nhà viết sách, ta không thể hưởng ứng được, vì con người tinh thần của họ không thể nào hòa hợp được với con người tinh thần của ta. Tuy vậy, đối với họ, mình nên giữ thái độ một người bạn hơn một kẻ thù.

❋❋❋

Đọc sách mà tin cả sách, cũng như đọc sách mà bất cứ câu nào cũng phản đối là hai thái độ không nên có của một người đứng đắn.

Đọc sách mà phản ứng lại với sách là cái quyền, hơn nữa, là phận sự của mỗi người. Nhưng, ta chỉ có cái quyền đó, cái phận sự đó khi nào ta đã làm hết sức ta để đứng theo quan niệm của tác giả.

Nên nhớ kỹ: Phản đối, chống lại tác giả không phải là bảo tác giả phải bỏ quan niệm của họ để nhìn nhận quan niệm của mình, mà trái lại, chỉ cho tác giả biết, đứng trong trường hợp của tác giả, tác giả phải nên có quan niệm như thế nào để khỏi phải có sự mâu thuẫn, phải lẽ hơn hoặc hay hơn mà thôi.

Những kẻ có tính ưa phản đối công kích để phản đối công kích mà thôi, thì thật là khả ố. Họ lầm lẫn óc phê bình với óc phản bác. Hai thái độ ấy khác nhau rất xa. Nhưng kẻ đụng đâu phê bình đó, không kể gì đến liêm sỉ, thường lại được bọn người vô học ưa thích, vì họ tưởng lầm hạng người ấy là hạng đại tài, bởi có tài mới phê bình kẻ khác một cách dễ dàng được. Đứng về phương diện tâm lý mà xét thì phần đông kẻ có óc phản bác (hay ưa

nói nghịch), đều có lẽ vì bị cái "tâm cảm tự ti": họ dìm kẻ khác để nâng cao mình lên. Ngoài ra, họ không còn có phương tiện gì khác để nâng cao giá trị của họ cả. Tôi thường thấy họ đọc sách một cách cẩu thả đến thế này: gặp bất cứ một quyển sách nào trên bàn, họ lấy lên, lật càn ra một trang nào cũng được, "túm" lấy một câu nào ở đâu cũng được, rồi lấy riêng nó ra mà đọc lên và nhạo báng mỉa mai. Mà làm gì không chế nhạo đặng? Trong một bài có nhiều câu, câu này ăn với câu kia mới có nghĩa. Nếu lấy rời ra một câu thì có khi nghe nó vô lý và ngây ngô là thế nào? Bảo đọc riêng nó lên, và dụng ác tâm mà tha hồ giải thích nó thì không làm trò cười cho kẻ khác sao được! Họ cắt xén đoạn mạch của bài văn, trong một đoạn họ rút ra một câu, thay đổi ý chính, bắt tác giả phải nói những điều họ không có nói, để chỉ trích phê bình có khi mỉa mai chế nhạo là khác. Đó là một việc làm thiếu liêm sỉ mà bất cứ một nhà văn nào có lương tâm không thể làm được. Một nhà phê bình trứ danh có nói: "Hãy đưa cho tôi một vài hàng chữ của một người nào, tôi sẽ làm cho hắn bị xử giảo cho xem". [8]

❋❋❋

11. Đọc sách cần đặt cho mình trước một vấn đề hay một câu hỏi để tìm kiếm, săn đuổi

Gặp những sách hay, đừng bao giờ đọc nó như ta đọc tiểu thuyết giải trí, tới đâu hay đó.

Ta nên biết rằng sách hay về tư tưởng, bao giờ cũng đề cập rất nhiều vấn đề. Ta không cần phải biết tất cả các vấn đề trong đó làm gì. Cứ lấy riêng ra một vấn đề nào để đặt lấy cho ta một câu hỏi, rồi tự mình tìm lấy một hướng giải quyết tàm tạm trước khi đi vào quyển sách.

Ta sẽ tìm coi cách giải quyết của tác giả sẽ như thế nào? Cách giải quyết của tác giả có hợp với quan niệm của mình không? Nếu không hợp, vậy quan niệm của tác giả có đứng vững chăng, trước thực tế? Đọc sách như thế mới thật là thụ dụng.

Nếu trước khi đọc một tác phẩm nào mà ta lại đọc được một bài phê bình nào về nó, thì phải biết lợi dụng ngay bài phê bình đó, tìm coi bài phê bình ấy đối với quyển sách đã nêu thêm được vấn đề nào. Lấy vấn đề ấy làm câu hỏi cho mình, rồi đi ngay vào quyển sách mà quan sát tìm tòi theo phương hướng đó.

Tỉ như muốn đọc *Luận Ngữ*, ta thử đặt trước một trong những vấn đề hay những câu hỏi sau đây:

- Đối với Khổng Tử quan niệm về giáo dục như thế nào?
- Sao gọi là người quân tử, theo Khổng Tử?
- Người quân tử theo Khổng Tử có sống được trong xã hội ngày nay không?
- Nhân sinh quan của Khổng Tử như thế nào? Quan niệm ấy có khác với Lão Tử không? Và khác chỗ nào? v.v...

Ta có thể nêu ra không biết bao nhiêu là câu hỏi hay vấn đề khác tùy thích. Nhưng cần phải nêu ra từng vấn đề một và tìm giải quyết riêng từng vấn đề, chứ nếu xem tất cả một lượt thì sẽ không thấy gì cả.

Tìm ra một vấn đề hay một câu hỏi rồi, bấy giờ lật sách ra mà đọc và cứ theo phương hướng đó mà đi, ta sẽ thấy lý thú vô cùng.

Hoặc nhân câu này của một nhà phê bình: *"Đạo trung dung bất thiên bất ỷ, không xu hướng về cực đoan, không thái quá, không bất cập tức là chiết trung chủ nghĩa vậy".* Nhân đó ta nêu lên một vấn đề: Đạo trung dung của Khổng Tử có phải là chủ nghĩa chiết trung không?

Hoặc nhân câu này của một nhà phê bình khác: *"Xã hội nào chịu ảnh hưởng của thuyết trung dung thì là một cái xã hội dở dở ương ương trắng không ra trắng, đen chẳng ra đen. Trung dung chỉ là cái thai đẻ ra khiếp nhược và là cái ổ chứa gian tà thôi".*

Nhân đó ta sẽ nêu ra vấn đề này: Đạo trung dung có phải "cái thai" đẻ ra khiếp nhược và là "cái ổ" chứa gian tà không? Thuyết trung dung nghĩa nó có thật như thế không?

Đó là cách lợi dụng những lời phê bình của kẻ khác để tạo cho mình một câu hỏi, dùng làm phương hướng trong khi đọc sách.

❋❋❋

Tóm lại, tôi thường dùng phương pháp này: đầu tiên, đối với quyển sách, tôi lấy hết sức *thiện cảm* để đọc nó. Có thiện cảm mới có thể tìm hiểu được tác giả. Kế đó, tôi lấy tư cách *đối phương* để đọc nó. Tôi tìm đủ cách để tìm ra chỗ dở của nó, phê bình nó một cách hết sức nghiêm khắc như một kẻ thù. Rồi sau cùng, lấy tư cách của một trạng sư, tìm đủ lý lẽ để bênh vực nó, cho kỳ được lý lẽ mới chịu thôi. Như thế, bề mặt bề trái của nó, tôi thấy rõ ràng

hết sức. Sự phê phán của tôi bấy giờ mới có thể đứng vững. Phương pháp ấy đã giúp tôi từ lâu nay tránh khỏi mọi phê phán cẩu thả và bất công.

❋❋❋

12. Làm cách nào để nghiên cứu một hệ thống tư tưởng?

Nếu muốn tự mình có được một ý niệm về một luồng tư tưởng nào, bất cứ thuộc về xưa hay nay, thì chỉ có một phương pháp duy nhất này: *Đi ngay vào những tác phẩm chính.*

Lấy một thí dụ: Nếu ta muốn có được một ý niệm về chủ nghĩa khắc kỷ [9] ta phải làm sao? Tạm thời hãy tạm gác một bên những bài tóm tắt chủ nghĩa ấy trong các quyển triết học sử. Đừng bắt chước lối học của học sinh ở nhà trường. Phải dám đi ngay vào những tác phẩm chính của phái học ấy. Nghĩa là phải đọc ngay quyển *Entretiens d'Épictète* do Adrien sưu tập và Courdaveaux phiên dịch (Paris, Perrin, 1908). Đừng nghe theo phần đông mà chọn quyển *Manuel d'Épictète* vì quyển Manuel chỉ là một trích yếu tư tưởng của nhà hiền triết này, một bản trích yếu rất khô khan và không còn gì là hương vị của quyển trên. Ta cũng có thể đọc thêm quyển *Pensées de Marc-Aurèle*. Quyển này có nhiều bản dịch rất hay. Hoặc là ta hãy đọc quyển *Lettres à Lucilius* của Sénèque. Một trong ba quyển trên đây cũng vừa đủ để cho ta có một tài liệu rõ ràng về chủ nghĩa trên đây mà không một nhà phê bình, chú giải nào giúp ta hơn được.

Phải biết và dám tin tưởng nơi sự phê phán của mình trước hết: tiếng dội ấy sẽ là tiếng dội thành thật nhất và hồn nhiên nhất.

❋❋❋

13. Làm thế nào để hiểu biết được học thuyết mới?

Dù là đối với những lý thuyết mới, phương pháp cũng như trên. Ví dụ đối với học thuyết "phân tâm học" của Freud. Bất cứ nhà trí thức nào cũng muốn biết qua nó là thế nào? Sách báo bàn tán đến nó không ngớt, nhưng thực sự người ta cũng chỉ thực biết nó rất là thiển cận.

Mặc dù biết đến học thuyết Freud mà chỉ đọc mấy quyển *Introduction à la Psychanalyse* hoặc quyển *Science des rêves* thì cũng chỉ biết "nhá nhem" thôi, nhưng mà cần nhất là phải khởi đầu bằng những quyển ấy.

Có nhiều người có học thức, thế mà họ chỉ đọc ròng những sách báo kích bác học thuyết Freud mà chưa từng bao giờ đọc ngay tác phẩm của Freud.

Làm thế là tự mình đã chịu khuất phục rồi, không làm gì có đủ tư cách và tài liệu để nhận xét những lời phê bình kia có đúng đắn hay không?

Tóm lại, bao giờ cũng phải kêu cứu ngay những tác phẩm do tay tác giả trước tác, hoặc nếu không có thì chỉ nên đọc những tác phẩm có giá trị. Đọc những sách, dù là đọc một phần thôi, chứ không đọc được hết tất cả tác phẩm của danh gia ấy, ta cũng có được một ý niệm giá trị hơn là đọc những sách toát yếu của nó.

❋❋❋

14. Cái hại của những sách toát yếu

Dùng đến những "sách toát yếu" rất nguy hại cho những người mới học. Đọc một bài tóm tắt một lý thuyết nào hay một quyển sách toát yếu kiểu Reader's Digest của Mỹ, đâu phải là lối học tất. Nó chỉ có ích để giúp trí nhớ cho những người đã biết rõ rồi, nay chỉ cần một vài câu để nhắc lại những gì mình đã học. Chứ khởi đầu học mà lại dùng đến những sách toát yếu thì là cả một sự sai lầm dại dột. Ngay khi mình đã hiểu rồi mà dùng đến sách toát yếu cũng vẫn còn nguy hại: những ý tưởng dồi dào phong phú kia đã mất cả sự linh hoạt của nó vì đã bị "nhốt" vào một vài câu văn cằn cỗi khô khan, không còn chút gì là sinh khí, mạch lạc tư tưởng bị đứt đoạn, trí nhớ chỉ còn ghi lại những danh từ và chỉ là những danh từ mà thôi. Sách toát yếu chỉ còn là sự "táo kết", sự "khô gầy" của trí thức, nó chỉ nhằm vào mục đích "nấu cao" lại sự hiểu biết của con người, đã biến thành một chứng bệnh thiên về nghề nghiệp của một số người chuyên môn dạy học. Thời gian rất ngắn, mà sự hiểu biết của một chương trình khổng lồ và tham lam bắt buộc người ta phải thu ngắn lại tất cả sự hiểu biết của con người vào một vài trang sách để thắng thời gian. Người ta đã quên rằng văn hóa là một vấn đề "phẩm" chứ không phải "lượng", và cũng là một vấn đề thời gian. Cái lợi của những sách toát yếu đại lược chỉ giúp cho ta một quan niệm tổng quát, dĩ nhiên thiếu sót về phần tinh vi sâu sắc, tức là phần cần thiết để đào luyện tâm trí con người.

❋❋❋

15. Viết lại những gì mình đã đọc

Đọc sách để học, cần phải đọc thật kỹ, sau khi đọc xong phải biết nhận thấy đại ý như thế nào. Đọc sách cần phải suy nghĩ, và muốn cho sự suy nghĩ được thâm sâu, tưởng không có phương pháp nào hiệu quả bằng viết lại và

tóm tắt những gì ta đã đọc.

Nhưng chép lại và tóm tắt cũng vẫn còn là một việc làm thụ động. Ta còn phải biết biên lại cảm tưởng của ta, hoặc những ý kiến riêng của ta phản bác lại với tác giả, chắt lọc những gì nên giữ, những gì nên bỏ. Tuy vậy, trước hết đừng có thái độ chống đối mà cần phải có sự thông cảm vì đó là điều kiện đầu tiên để tìm hiểu tác giả. Phải biết để "cái người" của mình qua một bên, nghĩa là phải biết quên tất cả những thành kiến của mình, đem mình đặt vào hoàn cảnh của tác giả, xem theo cặp mắt của tác giả để đi sâu vào tình cảm và tư tưởng của tác giả.

Nhưng khi đã đọc xong và nếu có thể được, sau khi đọc xong lần thứ hai hay thứ ba, phải biết trở về với sự phản ứng của con người thật của mình. Ta không cần phải viết lại một bài luận năm hàng mười trang giấy làm gì mà chỉ nên cố gắng trong mươi hàng để tóm tắt cảm tưởng của mình là đủ, nếu thật tình muốn thấy rõ lòng mình.

Đấy là thí dụ cách đọc sách của Félix Pécaut, một nhà đại giáo dục nước Pháp. Ông có viết một quyển sách trứ danh nhan đề là *Quinze ans d'éducation*[10]. Quyển sách này là kết tinh của công trình đọc sách hằng ngày của ông. Mỗi buổi sáng, ngồi lại bàn viết, ông thảo sơ những đề tài thảo luận cho sinh viên trường sư phạm Fontenayaux-Roses trong ngày; đề tài thảo luận thường là đề tài của một quyển sách mà ông vừa đọc được. Mặc dù là một kẻ rất sành sỏi kinh nghiệm, ông vẫn không chịu chiều theo cái hứng của ông, ông tự đặt cho mình một kỷ luật gắt gao là nghiền ngẫm trong sự tĩnh tâm tịch mịch những yếu điểm sẽ làm đề tài cho cuộc thảo luận. Mỗi ngày, ông biên chép thêm một vài trang, lần lần tập ký ức biến thành tập sách danh tiếng ấy; trong đó, ông chỉ viết ra những cảm tưởng dành riêng cho ông với mục đích là kiểm soát lại tư tưởng của ông và sắp đặt nó lại cho có hệ thống. Thiết nghĩ không còn có cách nào hay hơn nữa để đọc sách cho có hiệu quả.

***

Tóm lại: Ta cần phải đọc những sách "vĩ đại", những sách thật hay; đọc ngay nó mà đừng đi vòng vo chung quanh nó; đọc nó ít lắm cũng hai lần, lần thứ nhất để nhận thấy tổng quan và đại ý, lần thứ hai, đọc lại thật kỹ từng chi tiết. Phải có can đảm đọc ngay những sách hay mà khó để bắt ta cố gắng và

suy nghĩ, và phải đọc nó với một vấn đề tự mình đặt lấy và giải đáp trước để rồi sau kiểm soát lại. Phải đọc sách thật có giá trị, dù chỉ đọc vài đoạn một mà đọc ngay chính văn còn hơn là đọc lại những bản toát yếu khô khan của nó. Đọc xong nên ghi chép lại cảm tưởng của mình một cách đơn giản và chân thành.

Đọc sách mà thiếu lòng hâm mộ, nhiệt hứng, đọc một cách thụ động, là tật làm biếng nên tránh xa. Nhiều kẻ đọc sách để tự mình khỏi phải suy nghĩ: đọc sách mà tin cả sách, mà không dám phản ứng lại với sách thì thà đừng đọc sách còn hơn. Đọc sách như thế tức là tự hủy hoại tư tưởng cùng nhân cách của mình. Đọc sách là để khải phát cõi lòng thâm sâu của mình, tìm thấy con người chân thật và sâu sắc của mình, để tăng cường đời sống tinh thần của mình thì mới nên đọc sách mà thôi. Nhược bằng đọc sách để mà nô lệ sách vở, đọc sách để mà bắt chước suy nghĩ theo kẻ khác thì đọc sách rất có hại.

***

16. Đọc sách cần xem bản mục lục

Tựa quyển sách chỉ cho ta tổng quan của nó, còn bản mục lục giúp cho ta thấy trước đường lối để đi vào tư tưởng của tác giả. Nhờ có nó ta mới nhận thấy được mau lẹ mạch lạc của quyển sách, biết trước cách giải quyết của tác giả như thế nào. Đọc xong bản mục lục rõ ràng tinh tế, ta biết trước quyển sách sẽ giúp ích ta về phương diện nào.

Nghiên cứu học hỏi mà gặp phải những sách không có bản mục lục thật là chán không biết chừng nào. Nhiều nhà viết sách làm bản mục lục cho có. Thật là một điều hết sức sơ sót. Sách vở thì nhiều, nếu mỗi quyển mình đều phải làm lại một bản mục lục riêng cho mình để thấy rõ cách cấu tạo của nó thì thật là nhọc cho mình hết sức. Đó là tôi muốn nói đến những sách nghiên cứu tư tưởng cùng những sách thuộc về loại sách học. Ta cứ xem những sách nghiên cứu của các văn sĩ Âu Tây sẽ thấy bản mục lục của họ mà ham. Họ đã chẳng những làm bản mục lục rất tỉ mỉ, lại còn làm thêm bản mục lục theo thứ tự từng vấn đề là khác.

Người đọc sách có sẵn một "bản đồ" không sót một chi tiết gì cả mà bỏ qua, không dùng được. Đọc xong quyển sách, bản mục lục ấy lại giúp ta ôn lại những đại cương trong quyển sách và bất kỳ vào buổi nào, cần dùng đến

nó, bản mục lục sẽ giúp ta tìm lại những điều ta đã đọc qua như tìm tự điển vậy. Bản mục lục giúp cho tư tưởng ta tổ chức lại đàng hoàng. Thiếu nó, sau khi đọc xong quyển sách, trí óc mình hoang mang, không hệ thống gì cả.

----

[1] André Maurois - Un art de vivre (Plon, 1939).

[2] Tiểu thuyết của Tolstoi.

[3] Tiểu thuyết của E.Fromentin.

[4] Jules Payot - La Faillite de l'Enseignement (F. Alcan, 1930).

[5] Jean Guitton - Le Travail Intellectuel (Aubier - Paris, 1951).

[6] André Maurois - Un art de vivre (Plon, 1939).

[7] Do dự (BT)

[8] Gustave Rudler - Les Techniques de la Critique et de l'Histoire Littéraire (Oxford, 1923).

[9] Stoïcisme.

[10] Mười lăm năm giáo dục.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Đọc Những Gì?

A. Đọc tiểu thuyết tâm lý

Đọc tiểu thuyết, nhất là tiểu thuyết tâm lý hoặc kịch, là để xem người ta giãi bày tâm trạng con người qua nhiều khía cạnh trong khi tiếp xúc với đời để giúp cho ta suy nghĩ việc đời một cách sâu sắc hơn. Tiểu thuyết và kịch cũng giúp cho ta đặt lại vấn đề giá trị của cuộc đời, và đi sâu vào tâm lý của con người.

Nhưng làm cách nào, do tiêu chuẩn nào để nhận thấy một tiểu thuyết gia hay một kịch gia sành sỏi về tâm lý?

Tiểu thuyết gia hoặc kịch gia tầm thường bao giờ cũng miêu tả nhân vật của họ có một chiều thôi, nghĩa là nhân vật họ rất thuần nhất, "trung" hay "nịnh". Sự thật trong đời, con người - dù là bậc hiền hay ngu, quân tử hay tiểu nhân - không có một tâm hồn nào thuần nhất cả. Người cao nghĩa không phải luôn luôn là người cao nghĩa, người quân tử hay người anh hùng; có những lúc, tâm hồn họ bị nhiều thử thách và có những cái tầm thường quá mức tầm thường. Bề mặt nào cũng có bề trái của nó. Những nhân vật thuần thanh cao hay đê tiện là những nhân vật ngụy tạo. André Gide có bảo: *"Chính nhờ nơi những mâu thuẫn của họ mà một nhân vật làm cho ta lưu ý và chứng tỏ sự thành thật của y"* (C'est par ses contradiction qu'un être nous intéresse et témoigne de sa sincérité). Pascal cũng có nói: *"Con người không phải là một vị tiên thánh, mà cũng không phải là một con vật. Và kẻ nào chỉ muốn làm bậc thánh lại trở làm con vật"*.

Tâm hồn con người bao giờ cũng có hai mặt: một mặt "phàm", một mặt "thánh". Không có một bậc anh hùng vĩ nhân nào mà không có những lúc tầm thường và ti tiện. Không có một bậc thánh nào mà chẳng có những lúc sa ngã cùng tội lỗi. Có điều là bậc thánh hay bậc hiền là những kẻ trong cuộc tranh đấu với cõi lòng, họ đã đem ông thánh trong con người của họ thắng được cái con vật trong lòng họ.

Đời người thật là hết sức phức tạp. Trên thế nữa, chưa từng có một người

nào mà con đường đi được luôn luôn phẳng phiu không trở ngại. Ai ai cũng phải hằng ngày đụng chạm với người và vật chung quanh. Cách phản ứng phải có khi mềm dẻo, bao giờ cũng biết chiều theo hoàn cảnh, theo biết bao nhiêu sự bó buộc của xã hội, không thể nào tránh được.

Khi tạo một nhân vật điển hình yếm thế ghét đời, một nhà văn vụng về thiếu tâm lý sẽ làm thế nào? Họ sẽ đặt nhân vật của họ ở trong những trường hợp và hoàn cảnh luôn luôn thuận tiện để cho nhân vật ấy tha hồ thi thố tấm lòng hiếu tố của mình, không gặp gì trở ngại cả; họ tha hồ mỉa mai chỉ trích thiên hạ, không sợ thù oán, không chút thắc mắc gì cả. Tính tình ấy vẫn luôn luôn không thay đổi bất cứ ở vào trường hợp nào.

Cách miêu tả ấy rất sai với sự thực. Thực ra, không bao giờ có hạng người như thế trong đời này. Dù là một người chuyên quyền độc tài bậc nào cũng phải có lúc lo nghĩ và biết nể người chung quanh mình. Cũng phải có lúc biết sợ đến dư luận chung quanh, biết sợ đến trời đất thánh thần, và cũng muốn được lòng người chung quanh mình. Cho nên họ cũng phải biết chiều chuộng và nhún nhường. Chính những lúc ấy, giữa sự xung đột của bản tính và hoàn cảnh là những lúc gay cấn và linh hoạt nhất, làm cho câu chuyện trở nên thú vị.

Thật vậy, một nhà tâm lý sành sỏi như Molière sẽ trình bày nhân vật ấy như thế nào? Đọc vở *Misanthrope* của Molière, các bạn hẳn đã thấy kịch gia đại tài ấy dùng những lối nào? Molière để cho chàng "ghét đời" Alceste trong những trường hợp khó khăn khiến cho chàng ta không làm sao tha hồ kích bác chê bai như ý muốn. Alceste rất ghét những kẻ luôn luôn tươi cười và chiều đời, xu thời nịnh thế. Anh ta rất bất bình đối với chàng Philinte, vì anh này mới vừa gặp người lạ mặt là đã niềm nở ngon ngọt không tiếc lời. Cái đó cũng có lý do: anh vừa bị kiện tụng với một gã lưu manh mà tất cả mọi người đều biết mặt, nhưng trước mặt lại được người người tươi cười niềm nở. Vì vậy, anh ta tức giận muốn điên. Qua màn nhì, Alceste lại gặp một anh "nịnh thần" đến đọc cho anh ta nghe những bài thơ "ngửi" không vô. Alceste cũng muốn nói tạt trong mặt ông ta sự thật chua cay, nhưng làm sao mà nói thẳng cho được, nhất là địa vị của anh này kể ra cũng đáng sợ. Dù sao một người có giáo dục chả lẽ lại nói thẳng một sự thật trắng trợn và không đẹp đẽ ngay trước mặt một nhà thơ đã có mỹ ý đến đọc thơ người ta

cho mình nghe, cũng như ai nỡ nào nói trắng trợn sự thật trước mặt một cô gái làm dáng rằng cô ấy không đẹp chút nào cả và lại vô duyên là khác? Alceste biết rõ rằng ở trường hợp này, anh ta phải bắt buộc không được nói sự thật.

Và anh ta đã phải đôi ba lần thối thác không dám nói thẳng một sự thật mà anh biết sẽ làm nặng lòng, dù là đối với một người xấc xược hỗn láo. Lòng nhân của Alceste cũng như lễ độ đã bắt buộc anh ta không được quyền nói những sự thật đau lòng và làm nhục người ta một cách vô ích. Cái hay của tác phẩm là chỗ tác giả khéo đặt nhân vật chính của mình trong những nghịch cảnh như ta đã thường thấy trong đời sống hằng ngày. Càng gặp nhiều nghịch cảnh càng làm cho nhân vật ấy càng tăng lòng cương quyết tranh đấu, càng làm cho vở kịch thêm nhiều hứng thú.

Nhưng đối với những kẻ có một tâm hồn như Alceste, ghét đời, ghét những thói đời siểm nịnh, Molière lại bắt chàng ta đáng buồn cười hơn là phải bị si tình, mà si tình phải một cô nhí nhảnh. Rõ là một sự phi lý, nhưng trong thực tế lại luôn luôn có những sự tình oái ăm và ngang trái, nếu không nói là phi lý như thế. Người ta là một cái gì mâu thuẫn không thể giải được. Những nhà đạo đức, những bậc vĩ nhân thường lại có rất nhiều tiểu tật, những cái yếu đuối, những cái ngu dại tầm thường và bất ngờ [1]. Nhà bác học Newton là một bậc thông minh xuất thế, nhưng lắm lúc tỏ ra đần độn buồn cười: ông có nuôi hai con chó, một con chó lớn và một con chó nhỏ. Muốn cho hai con chó ra vào nhà khỏi phải mở cửa, ông bèn khoét cho mỗi con một cái lỗ trống nơi chân vách. Thánh Benoît nói: “Người trí sở dĩ khác thường nhân là trong ngày chỉ “sống ngu” có vài khắc đồng hồ thôi”. “Khôn ba năm, dại một giờ” là sự thường mà cũng là may mắn lắm mới được thế.

***

Đem những hoàn cảnh trái ngược với bản tính của nhân vật chính trong truyện để làm nổi lên rõ ràng hơn tính đặc sắc ấy, là phương pháp chung của những nhà văn đại tài và tâm lý sâu sắc.

Jean Valjean, trong truyện *Les Misérables* của Victor Hugo, là một nhân vật cũng linh động lắm. Ông là một người có tấm lòng hào hiệp, cứng cỏi, anh hùng nhưng gặp toàn là nghịch cảnh. Càng gặp nghịch cảnh bao nhiêu, ông lại càng tỏ ra hào hiệp, anh hùng bấy nhiêu. Tuy vậy, phần đông các

nhân vật của Victor Hugo không được thực tế lắm.

Hamlet, trong vở kịch bất hủ của Shakespeare, là một thanh niên đa cảm, có tính do dự và thờ ơ, đang sống một đời sinh viên lười biếng êm đềm ở Đức. Bỗng được tin cha chết và hồn cha về mách cho biết là ông bị ám sát mà người ám sát ấy lại là chú của Hamlet. Hamlet hứa với hồn người chết sẽ trả thù. Nhưng anh ta là một tâm hồn ủy mỵ, nay gặp việc cần phải cương quyết, anh ta tìm đủ mọi cách để diên trì và thối thác. Tất cả truyện toàn dệt bằng những do dự, rụt rè của chàng Hamlet. Khi cơ hội đã đến, chàng thấy rõ bằng cứ chắc chắn để trả thù, lúc ấy kẻ sát nhân kia đang quỳ đọc kinh. Hamlet rút gươm, nhưng rồi, ngừng lại do dự và tìm lý lẽ để tự nhủ: "Nó đang cầu nguyện, giết nó, thế là nó đang sám hối và hồn nó sẽ lên trời. Ta sẽ đợi lúc nó đang tội lỗi mà giết đi thì mới đưa hồn nó vào địa ngục". Thế là bản tính Hamlet vẫn càng ngày càng hiển lộ ra rõ ràng trong nhiều trường hợp gay cấn bắt buộc anh ta phải làm trái lại với bản tính của anh ta.

Đem đối chọi hoàn cảnh và bản tính của những nhân vật chính để bắt buộc nó phải bộc lộc ra một cách tinh tế và muôn mặt, đó là mật pháp chung của phần đông các nhà tiểu thuyết, các kịch gia tài giỏi.

❋❋❋

Tóm lại, đọc tiểu thuyết có ích cho sự học là để giúp ta hiểu rõ hơn ý nghĩa đời sống của ta và đời sống của những người chung quanh ta thường bị thói quen hằng ngày che giấu. Cần phải đọc tiểu thuyết để đi sâu vào nhiều hoàn cảnh xã hội khác ta để tìm thấy chỗ "đại đồng" của bản tính con người sống dưới hình thức của những phong tục khác nhau, và để nghiên cứu mọi vấn đề quan trọng của nhân sinh như *tội lỗi*, *ái tình* và *số mạng* một cách cụ thể hơn, ngoài sự giải thích xuyên tạc của luân lý, đạo đức. Những tiểu thuyết hay bao giờ cũng đặt cho ta nhiều nghi vấn về cuộc đời và bắt ta suy nghĩ. Ngoài ra, những tiểu thuyết có mục đích khêu gợi những dục vọng tầm thường của ta để thỏa mãn óc tò mò bệnh hoạn đều là những sách cần phải vứt vào lò lửa.

❋❋❋

Về phương diện này, nên đọc tiểu sử các bậc danh nhân thế giới. Nó sẽ giúp ta thấy rõ tâm lý phức tạp của con người và những bậc phi phàm cũng chỉ phi phàm ở những mức độ nào thôi. Có nhiều lúc, họ cũng tầm thường và

lại tầm thường hơn chúng ta nhiều.

***

Đọc tiểu thuyết cần phải thận trọng. Kẻ nào đọc những loại tiểu thuyết nhảm sẽ làm mất thời giờ quý báu của họ và đáng ân hận hơn là rồi họ sẽ mất dần óc phán đoán và quân bình của tâm tình họ nữa. Thì giờ cần phải dành cho những sách chuyên môn, những sách tu luyện thân tâm cùng trí não. Những loại tiểu thuyết diễm tình xa sự thực dắt dẫn những kẻ đầu óc non nớt, nhất là phụ nữ đa cảm đa tình đi vào con đường phiêu lưu lãng mạn ngoài thực tế đến đỗi quên rằng đời là một trường tranh đấu các dục vọng, quyền lợi của con người, và chỉ có những kẻ nào thật có bản lĩnh mới sống nổi. Tính lãng mạn của những tiểu thuyết kiểu như Tố Tâm, Werther đã làm hư hỏng đầu óc thanh thiếu niên nam nữ không ít.

Những tiểu thuyết nên đọc là những tiểu thuyết có tính cách soi đường chỉ nẻo, cắt nghĩa đời sống con người trải qua những giai đoạn đi tìm con đường lập chí. Loại tiểu thuyết ấy trong nền văn học chung rất ít. Những quyển *Les Années d'Apprentissage de Wilhelm Meister* của Goethe; *Jean-Christophe* của Rolland Romain là những bộ sách không thể bỏ qua được đối với những người tự học.

Nhất Linh, trong quyển *"Viết và đọc tiểu thuyết"* có nói: *"Thế nào là những cuốn tiểu thuyết hay, có giá trị trong không gian và thời gian và giúp ích nhiều nhất cho nhân loại? Những cuốn tiểu thuyết hay là những cuốn tả đúng sự thực cả bề trong lẫn bề ngoài, diễn đạt được một cách linh động các trạng thái phức tạp của cuộc đời, đi thật sâu vào sự sống với tất cả những chuyển biến mong manh tế nhị của tâm hồn, bằng cách dùng những chi tiết về người và việc trong hoạt động hành vi, cảm giác và ý nghĩ của họ. Những cuốn đó cần phải do sự thành thực của tác giả cấu tạo nên, viết bằng một lối văn giản dị, không giảng giải nhiều và không phải hay chỉ vì cốt truyện"*.

Biết đọc tiểu thuyết là biết thưởng thức cái hay của tiểu thuyết. Muốn thưởng thức cái hay của tiểu thuyết cần phải biết qua những quy tắc cần thiết để viết một quyển tiểu thuyết hay. Về sách giúp cho ta có một quan niệm tổng quát về tiểu thuyết, các bạn nên đọc những quyển sau đây: *Khảo về tiểu thuyết* của Phạm Quỳnh (1929), *Khảo về tiểu thuyết* của Vũ Bằng (1951) và nhất là *Viết và đọc tiểu thuyết* của Nhất Linh (1961).

Sách Pháp thì nên đọc *Défense des Lettres* của Georges Duhamel, *Comment un Romancier fait ses Romans* của Claude Farrère (Conférencia số 12, 5-6-1927), *Pourquoi et Comment on écrit un Roman* của André Maurois (Conférencia số 3, 20-1-1932), *Réflexions sur le Roman* của Albert Thibaudet (Gallimard).

Theo Georges Duhamel, trong *Défense des Lettres*, thì thể văn tiểu thuyết tuy khác nhau nhiều, nhưng kể về loại thì chỉ có hai loại: một loại cốt *làm cho ta quên cuộc đời đang sống của ta đây*, và một loại khác cố gắng soi sáng và *làm cho đời sống trong thực tế của ta trở nên có ý thức hơn*. Hay nói một cách khác: Có hai loại tiểu thuyết, một loại giúp ta trốn cuộc đời hiện tại và một loại giúp ta sống cuộc đời hiện tại bằng cách nhìn thẳng vào thực trạng của nó.

Nhưng dù sao, dù tiểu thuyết thuộc về loại tả chân, tả thực cũng là "đặt ra một truyện khác với việc thường của mỗi người, khiến cho người ta trong cái khoảng dài hay ngắn, cầm đến quyển truyện trên tay, thoát ly được ra ngoài cái đời mình mà cùng với người trong truyện hoặc vui hoặc buồn, hoặc sướng hoặc khổ, hoặc đi viễn du những nơi xa lạ, hoặc ngồi hồi tưởng những việc xa xưa. Tiểu thuyết hay, người đọc trong lúc đọc tưởng như mình không phải là mình nữa mà là người trong truyện...". [2] Người ta, sở dĩ khác muôn vật là có tính không chịu an phận, không chịu mãn nguyện với hiện tại của mình, bao giờ cũng đứng núi này trông núi nọ, tìm cách thoát ly cuộc đời bình thường của ta đây để mà tưởng tượng một cuộc đời khác thú vị hơn, ly kỳ hơn, sung sướng hơn. Vì vậy, đối với phần đông, tiểu thuyết là nguồn an ủi duy nhất để ta có thể vượt qua những đau khổ của cuộc đời đầy ngang trái. Đó cũng là sứ mạng cao cả nhất của tiểu thuyết, một sứ mạng văn hóa nếu nó đừng huyễn hoặc người đời đến lôi kéo họ vào cõi mộng và không còn biết phân biệt đâu là thực, đâu là mộng nữa. Tiểu thuyết là con dao hai lưỡi, nếu sử dụng sai lầm, nó là một tai họa cho người đời không nhỏ.

***

B. Đọc sử

Đọc sử có ích gì cho sự đào luyện óc phán đoán của ta chăng? Phần đông cho rằng *sử* là việc đã qua, *sử* là để học những bài học của quá khứ.

Nói thế có đúng mà cũng có sai.

Muốn để sử học giúp ta những tài liệu đã qua, để hiểu hiện tại và dự bị cho tương lai thì trước hết sử phải được viết ra và thuật lại một cách đúng với sự thực đã xảy ra, nghĩa là phải được thuật lại một cách khách quan. Nhưng làm gì viết sử được một cách khách quan? Nhiều người còn rất hoài nghi chỗ đó. Tôi nhớ có đọc được một câu chuyện mang máng sau đây do nhà văn Anatole France thuật: *Có một nhà bác học quyết đem hết đời mình để viết lại một bộ sử tổng quát về nhân loại. Ông đã tham khảo hầu hết sách vở từ cổ chí kim để soạn bộ sử ấy. Công việc gần xong thì ông đã già gần xuống lỗ. Ngày kia, vào một buổi sáng, ông đứng trên lầu cao, trước cửa sổ, chứng kiến được một cuộc cãi lộn và ấu đả ở phố trước từ đầu đến cuối. Một hồi lâu, chị nấu bếp dọn ăn cho ông, vui miệng thuật lại câu chuyện cãi lộn và ấu đả ấy cho ông nghe. Nhưng ông lấy làm lạ, tại sao những chi tiết đều sai cả với những điều chính ông đã nghe đã thấy? Ông suy nghĩ và không bao giờ ngờ đến lòng thành thực của chị nấu bếp vì ông biết chị ấy thực thà lắm. Ông bèn cầm gậy đi xuống đường phố. Khi ông vừa gặp bà giữ cửa, bà ấy thuật lại cho ông nghe câu chuyện trên, hoàn toàn không giống với những điều ông nghe thấy, lại cũng không giống với những điều nghe thấy của chị bếp nữa. Ông tò mò đi từ đầu phố đến cuối phố thì ông lại được nghe biết bao chi tiết ly kỳ hơn nữa, không đúng với những sự nghe thấy của ông mà lại còn trái ngược nhau lung tung. Ông trở về, cảm thấy sự mỏng manh của chứng cứ con người. Các chứng cứ do các sử gia từ thế kỷ này đến thế kỷ kia để lại, ông cảm thấy cũng chỉ là những chứng cứ không sao tin cậy được nữa. Buồn chán, ông vứt chồng sử của ông đã viết vào lò lửa.*

❋❋❋

Hẳn các bạn cũng đã có xem qua vở tuồng Rashomon của Nhật và các bạn cũng đã có dịp nghĩ qua sự mong manh của những chứng cứ của con người.

Huống chi những cái mà người ta gọi là những “bài học lịch sử” lại càng bắt ta nên thận trọng. Người ta thường có thói dùng lịch sử để làm những bài học luân lý, chính trị. Thực ra, những sự kiện lịch sử thường chỉ có giá trị của những tài liệu lịch sử mà thôi, chứ tự nó ít có ý nghĩa để dùng làm bài học.

Tôi xin đơn cử một tài liệu lịch sử này về trận giặc Péloponnèse giữa hai

cường quốc Athènes và Sparte. Vào năm 404 (trước Tây lịch), Sparte thắng Athènes và bắt Athènes phải chịu nhận một chính phủ do ba mươi vị tòa cai trị thường gọi là "ba mươi vị độc tài" (Les Trente Tyrans), phần đông là người Sparte.

Tại sao có kết cuộc như thế, đem Sparte làm bá quyền Athènes? Là vì người xứ Athènes nghệ sĩ, thông minh nhưng không có kỷ luật, rất ghét giai cấp và sống dưới chế độ dân chủ tự do. Trái lại, địch thủ của họ tuy không quan thiết gì đến văn minh, nhưng biết lấy tính khí làm căn bản, sống dưới chế độ giai cấp, khắt khe theo truyền thống theo kỷ luật, biết đem uy quyền đặt trên những nền tảng vững chắc và độc tài.

Dĩ nhiên, Sparte phải thắng Athènes.

Đó là *bài học của lịch sử. Và người ta đã lặp đi lặp lại mãi "bài học" ấy từ đời này qua đời kia, và còn cho học sinh ngâm nga tụng đọc.*

Nhưng người ta lại không để ý, cũng chính lịch sử cho ta biết, chính Thrasybule lại lật đổ ba mươi vị độc tài kia trong mấy tháng sau khi Athènes thất thủ, và hai mươi bốn năm sau, Pélopidas, người Thèbes đuổi quân Sparte ra khỏi thành này. Épaminondas, tám năm qua, cũng là dân Thèbes, thắng dân Sparte trong trận Leuctres, và Mantinée làm cho Sparte mất cả tên tuổi trên bản đồ lịch sử ngày xưa. Ta nên nhớ rằng Thèbes lại là bạn đồng minh của Athènes.

Những anh học sinh ngoan ngoãn đều biết rõ những sự kiện lịch sử ấy và đã học thuộc lòng nó để trả bài cho giám khảo nhưng họ cũng luôn luôn không quên nhắc đến cái bài học lịch sử trên đây về việc Sparte bá quyền Athènes. Ta thấy rằng ở đây lịch sử lại bị lịch sử cải chính, nhưng rồi cũng không ai quan tâm đến, người ta chỉ lo nhớ cả cái bài học lịch sử và luôn sự cải chính lại nó nữa, mới là mỉa mai!

Các bài học lịch sử khác thì cũng phần nhiều đều có một tính cách chung là dạy cho người ta những gì người ta đã biết, nghĩa là ít dạy thêm được những cái mới.

Khi người ta đọc sử với cái mộng tìm nơi đó một bài học, thì có khác nào người ta gặp phải tâm trạng của một luật sư đang soạn bài biện trạng của ông ta. Ông luật sư ấy không làm việc như một nhà khoa học đi tìm chân lý mà chỉ làm cái việc tìm những chứng minh cho một định kiến sẵn có của anh ta.

Những sự kiện lịch sử chỉ là những bằng cứ để anh ta dùng chứng minh những ức đoán của anh ta: anh đã biết trước phải dùng những sự kiện gì rồi. Thực ra, sự kiện không chứng minh gì nhiều (les faits ne prouvent rien). Phần đông người ta quá mê tín, quá tin tưởng nơi nó và cho rằng tự nó có đủ uy quyền để bảo đảm sự thật. Người ta không để ý rằng: cũng thời những sự kiện ấy, người ta lại có thể dùng mà giải thích rất hợp lý những triết thuyết trái ngược nhau như nhiều nhóm duy vật và duy tâm đã làm. Như vậy, những sự kiện lịch sử tự nó không thể bảo đảm rằng nó là một chân lý bất di bất dịch, giá trị của nó còn do sự giải thích của nhà viết sử nữa.

Muốn viết sử được liêm khiết, nhà viết sử chỉ nên trình bày sự kiện lịch sử đủ mọi phương diện nhưng chưa nên cố gắng rút ra một bài học lịch sử quá vội vàng.

"Lịch sử vị lịch sử" cũng như "nghệ thuật vị nghệ thuật" là quan niệm rất cận thời. Ngày xưa, lịch sử trước tiên là do chính trị mà ra, thường là công việc của những kẻ chuyên môn ca tụng chính thể, những kẻ nịnh thần, những nhà lập pháp, nghĩa là của những kẻ phụng sự một chủ quyền nào. Đọc sử cần phải biết tránh sự sai lạc của nhà viết sử, dù vô tình hay cố ý.

❋❋❋

Tóm lại, viết sử cho thật đúng rất khó. Huống chi, nhân quá khứ để tìm một bài học cho tương lai, thiết tưởng ta cũng cần phải hết sức thận trọng mới được.

Ta nên tự hỏi: những bài học của cuộc đời trong quá khứ có thể nào giúp ta giải quyết được những vấn đề rất phức tạp của thời buổi hiện tại này chăng? Thời cung tên đao kiếm, đánh giặc thì đánh theo lối đối phương có thể nào giúp ta hiểu được những biến cố hiện tại của thời nguyên tử chăng? Nhiều người lại nghi ngờ rất có lý những kết luận ngây thơ của một số nhà viết sử đã vượt qua sứ mạng khoa học của người kể chuyện để sang qua cái nghề triết luận và lý sự. Có kẻ chủ trương rằng bỏ qua những bài học của lịch sử thì có khác gì trong khi du lịch, từ chối không chịu nghe lời khuyên của người dẫn đường: kẻ ấy sành đường hơn ta. Họ làm như người ta luôn luôn có thể biết trước được những tai nạn sẽ xảy ra, họ làm như không biết đến những bất ngờ của lịch sử, và hễ biết được việc trước tất sẽ đoán được tương lai, dòng đời sẽ luôn luôn chảy xuôi mà không bao giờ chảy ngược.

Họ tin tưởng một cách quá thật thà rằng "những nguyên nhân giống nhau sẽ tạo ra những hậu quả giống nhau" (les mêmes causes produisent les mêmes effets). *Tương lai đâu phải là quá khứ tái diễn lại.*

Phải thận trọng, trong cuộc cờ người ta đâu phải chỉ chơi mãi một nước cờ mà thôi đâu. Chính vì quá tin nơi những bài học của trận chiến mà phần đông nhà tham mưu phải chịu thất bại nặng nề trước những chiến thuật tối tân của quân địch.

André Gide cho rằng: "Bài học của lịch sử nếu có thể nói là một bài học, là nó dạy cho ta biết rằng *quá khứ không thể dùng để soi sáng tương lai*, và muốn đối phó với những biến cố hiện tại và mới mẻ, thà có một đầu óc không quan thiết đến quá khứ còn hơn là một đầu óc quá bị mù lòa vì những ánh hào quang của quá khứ".

Thật là câu nói đáng cho ta suy nghĩ mà dè dặt và hoài nghi, một thứ "hoài nghi triết học" theo Descartes.

Với những "dè dặt" trên đây thì đọc sử mới bổ ích mà không sợ bị di hại.

Nhưng học sử cần nhất là *học phương pháp viết sử và phương pháp đọc sử*. Hai phương pháp ấy đều quy về một mối: *Phương pháp phê bình sử học.* Muốn đọc sử mà không sành phương pháp phê bình sử học, rất nguy hiểm. Thật vậy, muốn cho hành động ta khỏi phải có sự sai lầm hay thất bại, cần phải thấy đặng sự thật trong những việc xảy ra chung quanh ta hằng ngày.

Vậy phải làm thế nào để nhận thấy được sự thật? Có hai cách: tự mình tai nghe mắt thấy, hoặc nghe hay đọc lại những gì kẻ khác đã nghe đã thấy.

Nhưng đối với mắt thấy tai nghe, chắc gì ta đã nghe thấy đúng y như sự thật đã xảy ra, hay ta chỉ thấy, nghe những gì ta muốn thấy muốn nghe và mong ước nó phải xảy ra như thế nào? Vì quyền lợi, vì tư dục, vì thành kiến ta đã nghe thấy sai cả với sự thật. Ta hãy để ý nghe câu chuyện cãi vã của hai người, ta sẽ nhận thấy rõ điều ấy: Mỗi người một nghe theo ý riêng của mình, chứ không ai chịu nghe những gì họ không muốn nghe.

Huống chi sự thấy, nghe ấy lại do kẻ khác thuật lại hay biên chép lại, thì quả thật ta cần phải hết sức thận trọng và hoài nghi trước khi tin nó.

Những nguyên nhân xúi giục người ta mang đến cho mình những tin tức sai lầm thì rất nhiều. Vả, cũng như ta, ai lại là người không đeo theo mình một quyền lợi, một thành kiến hay một dục vọng. Lẽ cố nhiên sự nghe, thấy

của họ khó thể khách quan được và không nên tin họ bằng lời mà phải biết xem xét và phê bình cẩn thận lại. Muốn có được một bộ óc phê bình cho đúng đắn, theo tôi, không còn phương pháp nào hay bằng dùng đến phương pháp phê bình sử học.

❄❄❄

Phương pháp phê bình sử học không phải chỉ dùng vào việc sưu tầm tài liệu để viết lịch sử mà thôi, nó lại còn giúp cho ta phê bình tất cả những điều ta nghe hay đọc, do báo chí, sách vở hoặc những lời đồn đãi của dư luận đem lại cho ta hằng ngày.

Vậy, trước một câu chuyện nào bất luận, ta phải tự hỏi:

- Ai thuật lại chuyện đó?
- Người thuật lại chuyện đó có thuật lại rõ ràng câu chuyện chăng?
- Người đó có thể tin cậy được không?
- Người đó có phải là người hay quả quyết suông những chuyện vu vơ, và họ làm thế là để thích ra mặt, sành chuyện hơn người không?
- Người ấy có quyền lợi gì để dối mình hay dối người chăng?

❄❄❄

Tính tự nhiên của con người là hay tin những điều kẻ khác thuật lại. Vậy chớ ta không thấy, hằng ngày, bất kỳ là chuyện gì của ai thuật lại, ta sẵn sàng tin theo một cách dễ dàng, không đòi hỏi một bằng cứ nào cả hay sao? Trừ ra khi nào tin tức ấy quan hệ đến quyền lợi ta nhiều, ta mới chịu để ý đến mà phê bình, mà gạn lọc... Bằng không, nếu câu chuyện ấy không ngớ ngẩn hay phi thường thì ta nhận nó ngay, lại còn đem nó mà thuật lại cho kẻ khác nghe và có khi lại còn tô điểm thêm cho nó có duyên hơn là khác nữa. Bất cứ ai thành thật với mình đều phải công nhận rằng mình thường có tính hay lười biếng cẩu thả như thế. Bởi vậy, óc phê bình không phải là tính tự nhiên của con người, mà cần phải tập luyện nó lâu ngày mới thành thói quen được.

❄❄❄

Những sự vật trên đời mà chính tai ta nghe, mắt ta thấy rất ít. Hầu hết những điều ta hay biết đều do kẻ khác đem lại cho ta: hoặc nhân nói chuyện mà biết, hoặc do đọc sách, đọc báo hay nghe đài phát thanh mà biết. Những điều mà kẻ khác mang lại cho ta, sử gia gọi chung là *chứng cứ*. *Chứng cứ* thật rất quan trọng trong đời sống của ta không phải nhỏ, vì không có nó, ta

không thể biết được những điều gì đã qua. Vị lai thời chưa có thể biết được, người ta cần phải căn cứ nơi hiện tại mới có thể độ mà hiểu trước được. Nhưng hiện tại làm sao hiểu được, nếu không đem so sánh với những gì đã qua. Người ta bảo: Quá khứ là nguồn gốc sự hiểu biết của con người.

Nhưng, những chứng cứ ấy có nên tin cả không? Và phải làm sao biết nó có thể tin đặng? Đó là vấn đề quan trọng mà phương pháp phê bình sử học giải quyết cho ta vậy.

Phần đông ai ai cũng tin rằng: Một người kia, nếu không có lợi riêng gì để gạt gẫm ta, ắt không bao giờ họ nói dối với ta làm chi cả. Nghĩ thế là không đúng. Thường thường, những điều họ nói với ta nếu đúng cả trăm phần trăm thì có lẽ đó là một điều may mắn bất ngờ. Như ta đã thường thấy, xảy ra hằng ngày có lắm chứng cứ không đúng với sự thật đã gây ra không biết bao tai họa. Một chứng cứ sai đủ làm cho người lương thiện hàm oan trong ngục thất. Nếu phải kể ra những vụ "sai lầm của công lý" thì không biết phải bao nhiêu quyển sách mới nói ra hết được.

Ngay trong đời sống hằng ngày của ta đây, cả danh dự và hạnh phúc ta, có thể chỉ do một chứng cứ sai lầm mà tiêu tan hết. Nguy hiểm là có những lời vu báng tồi tệ nhất lại do những kẻ thành thực nhất đưa ra. Họ không phải vì ác tâm mà hại ta, nhưng vì họ thấy sai hoặc nghe kẻ khác thuật sai mà vội tin và lặp lại với kẻ khác. Chúng ta cần phải để ý đến sự mỏng manh của chứng cứ mà không bao giờ vội tin liều. Hãy biết thận trọng phê bình trước khi tạm thời chấp nhận nó.

❋❋❋

Ta nên biết rằng, trí não ta bị luật tư lợi chi phối, chỉ thấy và nghe cùng nhớ được những gì quan thiết ích lợi đến ta mà thôi. Ngoài ra đều bị để qua một bên cả, nghĩa là ta sẽ không thấy gì khác hơn những gì ta cần muốn thấy. Giữa một sự vật ở ngoài với cái tâm nhận thức của ta ở trong, có một khoảng cách xa hoặc nhiều hoặc ít, không thể nào không có được. Ta thử thí nghiệm như vầy thì rõ: để trên bàn một mớ đồ thường dùng như cây viết mực, cây viết chì, một cái khóa, một cái ly v.v... và trong mớ đồ đó ta có thể thêm vào một cái ghế nhỏ (đồ chơi con trẻ) mà thiếu một chân. Ta bảo một người nào quan sát kỹ các vật ấy. Ta cho họ một thời gian vừa ngó qua đủ món. Rồi bắt họ tả lại các vật họ thấy, ta sẽ thấy họ tả lộn xộn cả. Cây viết

chì có khía, họ cho là tròn; cái ly tròn, họ cho là có khía. Nhiều món họ lại kể thiếu, có khi có cái thiếu họ lại kể thêm. Nếu hỏi cái ghế nhỏ có mấy chân, họ sẽ nói có bốn, trong khi sự thật chỉ có ba. Họ không quen quan sát, nhất là họ không biết cách quan sát. Mà phần đông con người là thế. Ta không nên quá tin cậy nơi trí nhớ của ta.

Lại nữa, ta cũng cần để ý đến điều quan trọng này: Ta chỉ có thể thấy được những gì ta đã biết thôi. Những y sĩ quen với cách xem sắc diện bệnh nhân, hễ nhìn thấy ai là họ đã nhận thấy kẻ ấy đau bệnh gì rồi mà chính người ấy soi mặt hằng ngày không thấy biết gì cả.

Do đó, ta nên để ý hai điều này:

-- Trước một sự vật, chỗ nghe thấy của ta không bao giờ đầy đủ được. Có nhiều việc và chi tiết ta không thể nghe thấy mặc dù ta đã để cả hai mắt mà nhìn, hai tai mà nghe.

-- Sự ngụy tạo của trí nhớ rất là tai hại. Thường ta hay thêm vào những gì ta không nhớ để cho sự nhớ được đầy đủ. Chính đó là cách nhận lầm cái bóng đen là kẻ trộm, sợi dây thừng là con rắn. Thấy trong bóng tối mập mờ một sợi dây thừng, và bởi thấy không rõ, ta bèn dùng trí tưởng tượng mà thêm vào và cho đó là "con rắn".

Chứng cứ sai không phải luôn luôn do sự thiếu trí nhớ. Thường lại do nơi sự nhận thức sai lầm. Chính ngay vào lúc ta nhận thức, sự vật đã bắt đầu có sự thay hình đổi dạng rồi. Ở đây, ta lại đi vào thế giới bao la của "tình cảm". Ta thấy sự vật, thường ít khi nào y như nó có thật mà thường thường là theo cái chiều ý muốn của ta ao ước nó phải xảy ra như thế nào. Dục vọng, yêu ghét, óc phe phái, tư lợi... làm cho ta giải thích sai lầm tất cả những điều ta nghe thấy. Không cần phải nói ra, cái kết quả tai hại của những chuyện hiểu lầm đáng tiếc thường xảy ra giữa người và người, hoặc giữa dân tộc khác nhau, không ai không thấy.

Tai hại hơn hết là những kẻ đem lại cho ta những chứng cứ sai ngoa ấy lại là những kẻ hết sức thành thật. Họ không có chút lòng dối trá gì cả, vì chính họ tin thật những điều họ đã thuật lại cho mình kia là đúng cả trăm phần trăm. Họ tin như thế, nên họ mới quả quyết như vậy. Đó mới thật là nguy hiểm. Bởi vậy, đối với những kẻ tố cáo, thuật lại hay biên ra, ta phải hết sức thận trọng dè dặt lắm mới được. Bất luận là chứng cứ nào, hãy phê bình nó

rồi sẽ tin sau. Phải coi chừng sự dối trá, nhất là những nguyên nhân sai lầm về tâm lý mà người thường vô tâm sa vào như ta đã thấy ở trên.

Ta nên để ý điều này: Những kẻ có ý gạt gẫm mình thì ít, mà những kẻ vô tâm gạt mình thì rất nhiều. Vì vậy, những chứng cứ thành thực (sincères) dễ tìm hơn những chứng cứ xác thực (véridiques).

❋❋❋

Giờ đây, xin bàn qua phương pháp phê bình sử học:

1. Phê bình ngoại bộ

a. Trước hết, nhà làm sử hay viết sử phải để ý đến việc tìm tài liệu cho đầy đủ. Tài liệu mà thiếu sót thì không thể nào có cơ sở để phê bình được. Tìm tài liệu là để tìm ra sự thực.

Sự thực là gì? Là những sự có thực xảy ra. Đó là lấy theo nghĩa hẹp và cụ thể của nó. Còn lấy theo nghĩa rộng và trừu tượng của nó thì sự thực cũng dùng để chỉ một ý tưởng, một trạng thái tâm lý hay một ý kiến.

Nếu lấy theo cái nghĩa hẹp của nó, ta phải để ý kỹ điều này: có tài liệu, chưa ắt ta đã nắm ngay được sự thực. Như ta đã thấy, tài liệu đôi khi là những hình ảnh sai lầm của sự thực. Những chứng cứ của kẻ khác mang lại cho ta đâu phải là luôn luôn đúng với sự thực trăm phần trăm. Trái lại, có khi nó chỉ là những phán đoán hay phỏng đoán của kẻ khác, trong đó đã pha ít nhiều dục vọng, ưa ghét rồi. Thật vậy, những điều kẻ khác mang lại cho ta toàn là những điều mà họ muốn cho ta thấy như họ. Nếu họ ưa thì họ thêm thắt hoặc bớt xén câu chuyện, sắp đặt cách nào cho câu chuyện ấy được dễ ưa. Trái lại, nếu họ ghét, họ sẽ thêm bớt câu chuyện và sắp đặt cách nào cho câu chuyện trở nên dễ ghét.

Bởi vậy, ta phải phân biệt cẩn thận cái nào là "sự thực", cái nào là "phán đoán" hay "phỏng đoán" và cố nhiên là phải dùng sự thực làm tài liệu và chứng cứ mà thôi. Những cái sau nếu muốn dùng, cần phải lo tẩy sạch cái màu chủ quan của nó đi, để tìm lại cái thực diện của nó, nghĩa là phải phê bình nó một cách không thiên lệch mới được.

Ứng dụng phương pháp này, tưởng không gì hay bằng đem năm, bảy tờ báo khác chính kiến với nhau nhưng cùng thuật lại một việc mà so sánh. Ta hãy so sánh lại những điều các báo ấy thuật lại, phân tích ra từng bộ phận như sau đây:

- Những chỗ dị đồng, thuộc về "sự thực";

- Những cách thuật lại khác nhau, vì chính kiến, vì dục vọng biến thiên thể cách;

- Những phỏng đoán rặt là phỏng đoán thôi chứ không dính dấp gì đến sự thực cả.

Bên Anh, trong những trường "bình dân cao đẳng", có những lớp học gọi là "lớp học báo chí". Ở đó, giáo viên mỗi tuần gom góp lại tất cả báo chí trong nước, nghiên cứu và đem ra diễn giải cho học sinh thấy những chỗ dị đồng về sự thực, phân tích những chỗ khác nhau về cách trình bày và giải thích những tin tức của các báo và tìm cắt nghĩa lý do của những sự sai biệt ấy. Thật là bổ ích cho óc phê bình không biết chừng nào.

❋❋❋

b. Tìm được *tài liệu* rồi, hãy phê bình về *lai lịch* của nó.

Phê bình lai lịch của nó, phải hỏi coi:

- Nó ở đâu mà đến?
- Nó xảy ra hồi nào?
- Ai thuật lại nó?

Phê bình lai lịch của sử liệu là cốt kiểm soát lại sự *chính xác* của nó, bởi thường có rất nhiều tài liệu hoàn toàn giả, do bọn con buôn giả mạo để bán cho những nhà hiếu cổ. Cũng có nhiều câu chuyện người trước tạo ra, truyền tụng lại một cách quả quyết như việc có thật. Ta phải thận trọng những thứ ngụy tạo ấy.

c. Ta cũng phải biết *"phục hồi"* lại nguyên văn hay nguyên thể những tài liệu mình đang nghiên cứu nữa.

Có nhiều tài liệu truy ra, thấy tuy thật là món tài liệu chính xác rồi, nhưng trong đó có nhiều chỗ hoặc nhiều chữ, nhiều câu hoặc nhiều đoạn văn bị kẻ khác thêm vào (sách xưa thường bị sự thêm thắt ấy, vì người chép sách hay thêm ý riêng của mình vào), hoặc vì kẻ sau cho là nói không hết ý nên tự tiện viết tiếp theo mà thành ra "tam sao thất bổn". Lại nữa, cũng có khi quyển sách bị ấn công sắp lộn làm sai cả nguyên văn, vậy ta phải để ý tìm cách phục hồi lại nguyên văn mới được.

❋❋❋

2. Phê bình nội bộ

Biết được lai lịch và phục hồi lại được nguyên thể hay nguyên văn của sử liệu rồi, đó cũng mới chỉ là công việc phê bình *ở ngoại bộ* mà thôi. Muốn cho sự phê bình được đầy đủ hơn phải đi sâu vào *nội bộ* nó mà phê bình.

❉❉❉

Phê bình một chứng cứ, theo cái nghĩa *rộng* và *hẹp* của nó, cần phải phân ra làm hai giai đoạn:

- Giải thích nó;
- Tìm sự thành thực và đích xác của nó.

a. Giải thích tài liệu

Trước hết, phải coi *tác giả muốn nói gì?*

Đây là lời phê bình, để tìm lại cái *nghĩa chính* của một bản văn, từ cái toàn thể đến từng chi tiết của nó. Nếu tư tưởng của tác giả trong sáng, văn chương của tác giả rõ ràng thì có gì là khó khăn. Nhưng sự thực thì đâu phải luôn luôn gặp được như thế. Phải coi chừng, nhiều khi tác giả (thuộc về thế hệ trước) dùng một thứ tiếng như ta, nhưng thực ra để chỉ một nghĩa khác hơn ta đang hiểu và đang dùng bây giờ. Đọc cổ văn thường gặp những khó khăn này. Bởi vậy, có nhiều nhà nghiên cứu gán cho cổ nhân nhiều tư tưởng tân thời mà tự cổ nhân không bao giờ nghĩ đến.

Có khi tác giả lại viết một lối văn tự riêng của họ, nhất là những nhà tư tưởng triết học. Vậy ta phải biết cho thật rõ cái định nghĩa riêng của văn tự ấy. Tỉ như đọc sách của Montaigne mà thiếu bản tự vị về những danh từ dùng riêng của ông, và ở thế hệ ông thì không tài nào hiểu nổi ông.

Đọc sách Lão, Trang mà cứ hiểu theo cái nghĩa văn tự bây giờ thì hiểu sai đến vạn dặm.

Chẳng những văn tự khác, mà cả đến văn pháp cũng khác nữa. Tìm lại được cái nguyên nghĩa của bài văn xưa thật không phải dễ gì.

Có khi tác giả lại dùng một lối văn "ẩn dụ" hay "bóng dáng", hoặc "mỉa mai" hay "hài hước". Nếu vô tình, ta lại tưởng đó là lời nói thật, thì càng sai lầm biết mấy.

Seignobos và Langlois nói: *"Cái khuynh hướng tự nhiên, dù là những nhà viết văn làm việc theo phương pháp cũng vậy, khi đọc một bản văn nào là cốt tìm ngay tài liệu để tham khảo, chứ không chịu tìm hiểu coi ý tác giả muốn nói gì trong đó. Lối làm việc có thể được đối với những tài liệu thuộc*

về thế kỷ thứ 19, do những kẻ cùng lối tư tưởng cùng lối ngôn ngữ như ta. Trái lại, nếu gặp phải những lối văn chương tư tưởng không cùng thời với ta nữa, hoặc cái nghĩa của bài văn không được rõ ràng và không thể dị nghị được nữa thì thật là nguy hiểm. Kẻ nào đọc văn mà không lo tìm hiểu tác giả, cố nhiên là đọc nó theo cảm tưởng của mình; trong (bài văn dùng làm) tài liệu kia, họ chỉ để ý đến những câu hoặc những chữ nào thích ứng với quan niệm riêng của họ, hoặc hợp với ý kiến của họ đã có sẵn trước đối với sự vật, họ trích riêng ra những câu hoặc những chữ ấy mà họ đâu có dè, để làm thành một bản văn riêng theo trí tưởng tượng của họ và đem bản văn ấy mà thay vào bản chính của tác giả".

Nhà viết sử phải tự lập cho mình một quy luật này: "Phải tìm hiểu bài văn theo cái chân nghĩa của nó trước hết, rồi sau sẽ tự hỏi: nó có thể dùng được chỗ nào để làm tài liệu". [3]

Vậy ta có thể tóm lại trong một câu, quy tắc trọng yếu này của phép làm sử: "Một câu văn, nghĩa nó thay đổi, chẳng những tùy theo thời đại mà còn tùy theo vị trí của đoạn văn ấy trong bài; ta chớ bao giờ tách một câu ra ngoài cái văn mạch của nó, nghĩa là ngoài cái bài mà nó chỉ là một câu hay một đoạn trích ra; và nếu giải thích, phải giải thích nó theo cái ý chính và tổng quan bao trùm bài văn". [4]

Thật vậy, trong một bài văn, luôn luôn có tư tưởng này cùng với tư tưởng kia liên quan mật thiết nhau, nếu chỉ "tách" ra một đoạn hay một câu, thì tư tưởng bị "tách" ra kia ngoài bài văn có khi không còn ý nghĩa gì nữa, hoặc có những nghĩa trái nghịch với tư tưởng chung của toàn bài cũng không chừng. Thường những nhà phê bình mà có ác ý, hoặc những người bút chiến - họ thích "chặt khúc" hoặc "trích" rời một đoạn văn trong một bài, một câu văn trong một đoạn, hoặc một chữ trong một câu, để thay đổi cái chính nghĩa của nó đi và cố bắt bên kia phải nói những điều mà kẻ ấy không bao giờ nói. "Cái thủ đoạn thô bỉ và vô liêm sỉ ấy rất được phần đông công chúng vô học thức hoan nghênh và tín nhiệm, nhưng nó chỉ là một sự khiếp nhược mà thôi. Nhà phê bình thường cũng có thể vô tình sa vào cái lầm này nếu họ không chịu để ý đến văn mạch" [5].

Trích sai hay trích thiếu một nguyên văn là không nên, huống hồ lại trích những đoạn văn mà kẻ khác đã trích thì lại càng không nên nữa. Phải đọc

ngay nguyên văn, do người đầu tiên viết ra. Không nên bao giờ căn cứ nơi những sách do người thứ hai chép lại. Những đoạn văn hoặc những câu văn của họ trích ra, ta cần phải xét xem lại thận trọng, không nên lấy đó dùng làm tài liệu: biết đâu họ không trích thiếu hay trích sai? Vậy, nếu muốn dùng nó, ta hãy đọ lại với chính văn mà kiểm soát lại. Đọc sách nghiên cứu, không nên trọn tin nơi những câu chứng dẫn của họ, trái lại, phải luôn luôn dò lại chính văn. Bởi vậy, những nhà khảo cứu khi chứng dẫn cần phải thêm xuất xứ mới đúng phép.

❋❋❋

Nếu ta chỉ muốn biết tư tưởng của tác giả mà thôi thì công việc tìm hiểu bản ý của họ như thế là đủ rồi. Nhưng, nhiều khi chủ ý lại muốn tìm coi cái việc họ nói đó có thật không? Cho nên, chỉ giải thích không thôi chưa đủ, cần phải phê bình thêm một bước nữa để tìm sự thành thực của tác giả và sự đích xác của tài liệu.

❋❋❋

b. Tìm sự thành thực của tác giả

Tác giả có thành thực không? Muốn trả lời câu hỏi này, ta hãy xét qua những nguyên nhân tâm lý đã khiến tác giả nói sai với sự thật:

- Tác giả có phần vì *tư lợi* mà nói dối không? Quyền lợi họ buộc họ phải nói như thế vì nếu nói khác đi, họ sẽ bị thiệt. Hoặc vì *địa vị* họ cần phải giữ gìn. Hoặc vì *lý tưởng*, vì *tự kiêu* mà họ buộc lòng bỏ qua hay thêm bớt sự thật đi, để đừng chạm đến tín điều và danh dự riêng của họ?
- Tác giả có phải vì hoàn cảnh buộc lòng phải nói không đúng với sự thật để mưu sự an thân không? Những nhà văn ở các triều đại xưa, đâu có dám nói ngay sự thật, họ phải nói quanh co úp mở. Những nhà văn ở các nước độc tài, sống trong những chế độ văn hóa chỉ huy cũng thế.
- Tác giả có những ưa ghét riêng đối với một người nào hay một nhóm người nào?
- Tác giả có phải vì muốn mị dân, nghĩa là chiều theo thị dục của quần chúng, hoặc vì muốn tránh sự đụng chạm hay xung đột với lòng tín ngưỡng của quần chúng mà nói sai với sự thật không?
- Tác giả có phải vì thiên về một chủ nghĩa nào, thiên về một phe phái, công trình hay tôn giáo nào, thiên về xứ sở quê hương mình, thiên về giai

cấp xã hội mình... mà nói sai với sự thật không?

- Hoặc tác giả có phải vì quyền lợi chung của một hội đoàn nào mà chính mình là một phần tử quan trọng. Dĩ nhiên, vì quyền lợi chung của hội hay đoàn tác giả buộc phải làm thinh hoặc không được nói ngay sự thật nào có hại cho hội hay đoàn đó.

- Tác giả có phải vì *hiếu danh* mà xướng xuất ra những điều không đúng với sự thật không?

- Tác giả có phải vì chuộng mỹ thuật văn chương hơn sự thật, muốn cho câu chuyện được ly kỳ đẹp đẽ mà thành ra nói không đúng với sự thật không?

Phần đông con người có tính hay thuật lại một câu chuyện không phải y như nó đã xảy ra, mà là theo cái ý tưởng tượng muốn cho nó phải xảy ra như thế nào. Thực tế, có một số những "tiếng nói lịch sử" là do trí tưởng tượng của nhà viết sử tạo ra. Họ "tiểu thuyết hóa" hay "thi vị hóa" mọi sự việc mà họ nghe thấy.

❃❃❃

c. Tìm sự đích xác của chứng cứ

Chỉ tìm sự thành thực của tác giả mà thôi, không đủ. Vì người thành thực chưa đủ bảo đảm điều họ nói là đúng với sự thật: họ vẫn bị sai lầm như mọi người.

Vậy tìm sự thành thực của tác giả rồi, cần phải tìm coi điều họ nói có đúng với sự thật không? Tác giả rất có thể là người thành thực, nhưng ở vào một trường hợp không thuận tiện cho sự quan sát nên sự nghe thấy sai đi.

Bất kỳ là ai đều không bao giờ chịu tin những lời nói của người điên. Là vì những điều họ nói điều do ảo giác mà ra, không sao có thể dùng làm bằng cứ được. Nhưng nếu không nên tin nơi ảo giác của người điên thì mình cũng phải coi chừng những "thành kiến" và "ảo tưởng" vì đó cũng là những cái mà nhà triết học gọi là "bán ảo giác".

Chúng ta thường xem sự vật trong đời theo lòng sở nguyện của ta muốn cho nó phải xảy ra như thế nào, hoặc theo như ta quen thấy nó đã xảy ra. Nếu trái lại, nó xảy ra không chiều theo ý muốn của ta thì ta lại cưỡng ép nó phải chiều theo ta, nghĩa là ta sẽ giải thích nó theo thành kiến của ta. Hoặc nếu nó xảy ra không giống với những điều ta quen thấy thì ta cũng cố cưỡng,

giải thích nó theo những điều ta đã quen thấy, chứ không chịu thoát khỏi cái tâm lý eo hẹp của ta để mà độ hiểu hành vi của kẻ khác. Bởi vậy, những câu chuyện của những nhà du lịch kể lại thường không bao giờ đúng với sự thật, hoặc vì họ gặp phải tâm lý các dân tộc không giống với tâm lý họ, nên họ không thể hiểu được.

❃❃❃

Tác giả sai lầm vì thấy sai, nghe sai hoặc nhớ sai, vì quan sát không đúng, nhận thấy sự vật theo thành kiến của mình, và tưởng rằng mình nhớ trong khi mình chỉ có tưởng tượng thôi.

Tùy theo việc, nếu người thuật lại một câu chuyện mà mình biết chắc rằng người ấy là người chuyên môn và sành chuyện thì lẽ cố nhiên mình có thể tin người đó hơn. Tỉ như, nếu là một bác sĩ mà thuật lại về việc bệnh hoạn, tự nhiên mình tin họ hơn một kẻ "tay ngang". Vì chỉ có những nhà chuyên môn mới có thể thấy rành được những chi tiết trong ngành chuyên môn của mình, chứ những kẻ không biết gì cả, dù họ có mở trao tráo đôi mắt, cũng không thấy trong đó có những gì đúng cho được. Bởi vậy, sở dĩ tác giả thành thực nhưng lời họ thuật không đúng với sự thực là tại câu chuyện của họ thuật lại ở ngoài tầm hiểu biết của họ. Các bác sĩ xem bệnh có bao giờ chịu tin theo những lời khai bệnh của bệnh nhân hay của người nhà người bệnh đâu. Là vì họ biết rằng những người ấy có hiểu gì được về bệnh chứng mà thấy rõ được nó như thế nào.

❃❃❃

Những tài liệu, nếu không phải là những tài liệu "sốt dẻo" chép lại liền sau khi quan sát hay mục kích, mà chép lại sau một thời gian lâu, tất nhiên phải thận trọng. Ta nên biết rằng: Trí nhớ của ta không sao tin cậy được, dù mình nhớ dai đến mức nào. Những thiên hồi ký, trong đó, tác giả thuật lại những việc làm lúc nhỏ, không thể trọn tin được. Đó là chưa kể cái lòng tự đắc, thiên vị của tác giả thường có thói "che cái dở, đỡ cái hay" của mình.

❃❃❃

Tác giả vì phận sự của nghề nghiệp buộc phải biên chép những điều không quan hệ gì đến mình cả. Hoặc như trả lời cho một bản điều tra của nhà chức trách, hoặc làm phóng viên của nhà báo, tác giả chỉ biên lại những lời nói của kẻ khác mà tác giả đã nghe "lóm" đó đây chứ không phải tự mình

quan sát.

Nếu là một anh thuộc viên thuật lại cho ta nghe câu chuyện trong một hội nghị cơ mật thì anh ấy làm gì thuật lại đúng với sự thật? Chẳng qua anh ấy nghe "lóm" một vài mẩu của câu chuyện rồi thì chỗ nào thiếu sót, anh dùng trí tưởng tượng mà bổ khuyết vào cho câu chuyện có đầu đuôi. Đó là anh nhận lầm sự *giải thích* của anh làm *sự thực*, thành ra trong câu chuyện của anh, ta không biết chỗ nào là thực, chỗ nào là câu chuyện tưởng tượng.

Thường những việc xảy ra trước mắt ta, dễ nhận thấy hơn là những việc xảy ra trong tâm giới. Cho nên, mỗi khi có người quả quyết một việc thuộc về tâm lý, ta phải biết cho đó chỉ là một ức đoán chứ không phải là một sự thực. Ở trong trường hợp này, ta phải tự hỏi: Người ấy có đủ điều kiện cần thiết để ức đoán như thế không? Người ấy có biết cách áp dụng những điều kiện cần thiết ấy để quyết đoán đúng đắn không?

❉❉❉

Có người thuật lại cho ta nghe một việc, nhưng là một việc do một kẻ khác thuật lại cho họ: đó là thứ tài liệu của một kẻ thứ hai, hoặc của một kẻ thứ ba hay thứ tư thuật lại cũng không chừng. Từ "tài liệu do tay đầu tiên" thuật lại cho ta hôm nay đã trải qua không biết bao nhiêu lần nghe đi nói lại, sự sai lạc càng to tát là chừng nào.

Lại nữa, những câu chuyện xưa khởi đầu bằng câu: *"Xưa kia, có tích rằng..."* hay *"Có kẻ nói rằng..."* đều không thể tin là sự thực được. Những câu chuyện do thiên hạ đồn, nhưng không biết đích xác là của ai đều là những câu chuyện không nên tin vội.

❉❉❉

d. So sánh tài liệu

Như ta đã thấy, nguyên nhân sai lầm rất nhiều, nếu đối với một việc xảy ra mà chỉ có một người chứng thì chứng cứ ấy không đáng kể. Muốn biết sự thực, cần phải có chứng cứ của nhiều người để so sánh mới có thể tin được.

Nhưng các chứng cứ cần phải khác nhau, chứ nếu người này chỉ chép lại chuyện người kia thì không thể gọi đó là hai chứng cứ, mà phải kể là có một thôi. Dù có cả trăm người thuật lại, cũng chỉ nên kể là có một chứng cứ thôi.

Tóm lại, nếu hai chứng cứ mà giống hệt nhau, ta không có quyền xem đó như có hai chứng cứ. Thật vậy, dù hai người cùng đứng trước một việc, khi

thuật lại họ sẽ không bao giờ thuật lại giống nhau từng chi tiết. Trước tòa, nếu có hai người chứng thuật lại một câu chuyện giống nhau từng chi tiết, từng lời ăn tiếng nói như "trả" một bài học thuộc lòng, quan tòa dĩ nhiên sẽ không thể không nghi ngờ rằng đây là một sự a ý của các người chứng. Vậy ta có thể kết luận rằng: *Những tài liệu so sánh với nhau được nhận là đúng khi nào nó giống tương tự nhau thôi, chứ không giống như khuôn.*

Tuy nhiên, lắm khi ta cũng gặp được nhiều chứng cứ giống hệt nhau về một việc. Đó là điều may mắn lạ thường. Nhưng ta cũng phải thận trọng: con người mà chùm nhum cho thật đông thường hay bị *ảo giác chung* [6] mà đồng thấy giống nhau nhưng sai với sự thật. Ảo giác ấy có thể do ám thị của một người thấy sai đầu tiên rồi thì càng đông người, sự "truyền nhiễm" tư tưởng và cảm giác càng mạnh, người ta bị sai sử theo một "ám thị" sai lầm mà không dè.

Trái lại, nếu nhiều người không cùng một phe phái, không cùng một lý tưởng lại đồng thanh chứng nhận một việc, thì dĩ nhiên việc đó đáng tin hơn hết, vì vô lý nếu cả thiên hạ đều a ý để lừa gạt mình.

❋❋❋

Muốn biết một việc là có thật không, người ta hay lấy những sự hiểu biết hiện thời để đối chiếu. Nếu là một việc quả quyết có thật, nhưng trái với lẽ thường, trái với khoa học thì ta cũng không nên tin liều là có được.

Tuy vậy, ở đời cũng có không biết bao nhiêu chuyện có thật mà rất vô lý, lại cũng có không biết bao nhiêu chuyện rất hợp lý lại không có thật. Khoa học chưa phải đã đạt đến mục đích cuối cùng của nó: Nó còn đang dò dẫm tìm kiếm những huyền vi của tạo hóa. Cho nên biết đâu theo quan niệm hiện thời của khoa học, chuyện ấy là vô lý mà vài ba chục năm sau này, chứ đừng nói thế kỷ sau này, khoa học tiến bộ hơn sẽ lại cho đó là hợp lý. Cách vài trăm năm nay, nói đến những luồng điện giết người cách ngoài ngàn dặm người ta sẽ cho là vô lý, mà ngày nay chuyện ấy đâu còn là vô lý nữa. Ta lại cũng nên để ý câu này của Diêm Thiết Luận: *"Vì không trông thấy mà cứ không tin thì cũng như con ve sầu không biết tuyết".*

❋❋❋

Nhà làm sử cũng như nhà phê bình, thường cho những điều gì hợp với lý thuyết mình, hợp với điều mình ưa thích là có thể có đặng mà thôi; trái lại là

không thể có, vì mình không muốn cho nó có, mặc dù nó có thật.

Tóm lại, phương pháp phê bình sử học mà tôi lược thuật đại cương trên đây, không phải chỉ để dùng trong việc nghiên cứu sử mà thôi. Một vị thẩm phán muốn tìm thủ phạm cũng dùng phương pháp phê bình sử học. Thường những sai lầm của công lý là do thiếu óc phê bình mà ra. Trong đời sống hằng ngày, bất luận một tin gì kẻ khác mang lại cho ta, ta phải thận trọng phê bình gắt gao mới được, nhất là những câu chuyện thiên hạ đồn đãi, hoặc những tin tức của báo chí đưa đến cho ta.

❋❋❋

C. Đọc báo

Ở đây, tôi không nói chung đến sự ích lợi của báo chí mà chỉ bàn riêng về sự lợi ích của nó trong vấn đề học vấn.

Người không thích đọc sách cũng thường ưa đọc báo. Có kẻ mỗi ngày đọc năm bảy tờ báo, đọc từ cái tin vặt đến lời quảng cáo. Người ta đọc báo tùy nhu cầu: có kẻ đọc báo để "săn tin", có kẻ đọc báo để theo dõi những tin thể thao hay những tin tòa án và án mạng, có kẻ đọc báo để theo dõi những thiên tiểu thuyết tình tứ ly kỳ hay trinh thám nghĩa hiệp, có kẻ đọc báo để theo dõi kịch trường hay những cuộc giải trí khác. Nhưng, báo giúp ích cho ta về văn hóa chăng, đó là một vấn đề khác.

❋❋❋

Tôi chắc chắn rằng báo chí không giúp được nhiều cho người tự học, tìm cho mình một cơ sở văn hóa vững chắc. Tôi biết có nhiều tờ báo (phần nhiều là tạp chí văn hóa) rất đứng đắn, vì báo cũng có nhiều đường báo. Nhiều tờ báo đăng nhiều bài nghiên cứu về văn học, khoa học, kinh tế, chính trị rất hay, nhưng chỉ có những bậc túc học, bác học, học giả mới đọc mà thôi. Kỳ dư những kẻ học thức tầm thường không thu rút được lợi ích là bao: họ cần phải có một sự dắt dẫn từ bước ban đầu. Vì vậy, báo chí đăng những bài nghiên cứu chỉ giúp tài liệu cho những người có một cơ sở văn hóa cao và vững vàng, chứ không phải viết cho "tay ngang", vì vậy ít người đọc được và đọc có hiệu quả. Đọc một bài nghiên cứu về kinh tế, hay chính trị, người ta đinh ninh rằng người đọc bài ấy ít ra phải có một số vốn học thức kha khá về đại cương. Bởi vậy đối với hạng độc giả ít học hoặc chưa có một cơ sở học vấn khá, cần phải được người ta chỉ dẫn từ bước đầu, một cách nhẫn nại

và tuần tự, có phương pháp. Họ muốn cho ta cầm lấy tay họ mà dắt đi từng bước một, chứ đâu có muốn cho ta mỗi ngày mỗi thay đổi và theo con đường mới. Báo chí chỉ là phương tiện để cho họ giải trí tinh thần thôi, chứ thực ra không giúp gì nhiều cho việc bồi đắp cơ sở học vấn của họ. Hôm nay, báo chí bàn với họ về vấn đề Dương Tử, câu chuyện chưa ngã ngũ là ngày mai họ đã bàn về những bức thư tình của Hàn Mặc Tử. Đề tài hỗn tạp làm cho họ biến thành con bướm giỡn hoa: cái gì cũng "nếm" phớt qua mà không có một cái gì là thật biết rõ. Sự thu thập học vấn cần phải có một sự cố gắng hướng về một chiều sâu và khéo nhất trí hơn. Chứ bắt họ chứng kiến mãi những cuộc bàn cãi về sử học, về văn học, về những tác phẩm mà họ chưa từng biết đến hoặc biết một cách mơ hồ về những lý thuyết mới về khoa học mà cái này chống báng cái kia, hoặc chữa sửa cái kia, những lý thuyết mà họ "mù tịt" không rõ đầu đuôi gì cả. Các bạn hẳn cũng đã được đọc qua một vài bài phê bình sách của một vài tạp chí mà dụng tâm của nhà phê bình không phải cốt ý trình bày một cách khách quan những quyển sách mình phê bình, mà trái lại, họ phê bình với tính cách thiếu khoa học để cốt dìm kẻ khác đặng nâng cao mình lên, trong khi tự mình cũng chưa biết cách đọc sách gì cả. Họ đã lầm lẫn công kích với phê bình, có khi họ không đọc hết tác phẩm, chỉ đọc "mớ nhắm", "cắt xén văn mạch", "vơ đũa cả nắm" rồi phê bình và lên án, xuyên tạc vu khống, bắt tác giả nói những gì họ không nói. Độc giả thiếu học thức dễ bị họ gạt gẫm. Cũng có một số nhà phê bình có óc bè phái, đề cao và khen tặng quá lời những tác phẩm của bè bạn, bất chấp liêm sỉ của nhà phê bình chân chính. Tuy nhiên, có một số nhà phê bình đúng đắn giúp cho ta rất nhiều trong việc chọn lựa sách đọc. Dù sao, mình cũng không nên quá tin và để cho kẻ khác, dầu họ là nhà túc học, đa văn quảng kiến bậc nào, thay thế ta mà phán đoán suy nghĩ thế cho ta. Đọc sách mà tự mình làm giảm óc phán đoán và suy nghĩ của mình là một điều tai hại vô cùng cho tinh thần độc lập và tự do của mình. Đừng để cho ai "che cái ánh mặt trời của mình" như Diogène đã bảo với Alexandre đại đế.

Tôi có biết một vài người suốt đời không bao giờ chịu đọc một quyển sách gì cho kỹ, họ toàn đọc "mớ nhắm" một vài bài báo, tạp chí rồi cũng tự tin là đã có sẵn một học vấn "uyên thâm", cho phép họ được "mục hạ vô nhân" và xem người bằng nửa con mắt. Còn nói gì có nhiều người có chút

Tây học, chuyên môn đọc báo ngoại quốc và đọc ròng những bài báo phê bình văn học, chính trị v.v... rồi tha hồ mà "dìu dắt quần chúng", dẫn đạo dư luận. Kẻ nào muốn có một cơ sở học vấn chắc chắn không nên phiêu lưu theo sự "dìu dắt" của những nhà "dẫn đạo" ấy. Tôi có biết nhiều nhà "học thức" bàn bạc về Malraux, Jean-Paul Sartre, Camus, André Gide, Romain Rolland v.v... Hễ đụng đến họ là họ kể cho nghe những thuyết phân tâm học, siêu nhiên học, hiện thực học, hoặc Phật học v.v... mà thực ra, trong đời họ, họ chưa từng đọc kỹ một tác phẩm nào của Malraux, Jean Paul Sartre, Camus, A.Gide, R.Rolland, của Freud hay một quyển kinh Phật nào cả. Họ sở dĩ biết được tên những tác giả ấy là nhờ đọc ba bài báo phẩm bình tác phẩm, lịch sử của những nhà văn ấy trên tạp chí hay trong những quyển văn học sử.

Những bài nghiên cứu đứng đắn ở các báo chí trang nghiêm thật ra không dùng được cho những kẻ thiếu căn bản học vấn. Những bài báo ấy chỉ có ích lợi cho những nhà chuyên môn hay học giả mà thôi, để họ theo dõi tình hình hiện tại của khoa học hay văn học trên thế giới. Những báo chí có cao vọng đào luyện học vấn cho quần chúng bằng một cái học truyền bá phổ thông kể ra thật chưa nhiều, vì tự nó muốn đào tạo văn hóa mà không dùng đến sự cố gắng tinh thần, lại chỉ đi tìm những con đường tắt thì đó cũng đã là sai rất xa với nguyên tắc đầu tiên của văn hóa rồi. Cho nên phần nhiều cái vốn học vấn tìm trong báo chí không có là bao.

Tóm lại, những báo chí nghiên cứu đứng đắn thường viết ra cho những người đã có một học vấn khá cao. *Báo chí văn học và khoa học chỉ là những món ăn bổ túc, chứ không phải là những món ăn căn bản.* Muốn có được một món ăn căn bản và xây dựng, phải dùng đến những phương tiện khác, tôi muốn nói đến "sách". Nhiều tờ báo chỉ đem lại cho ta những cái có thừa, nhưng lại để cho ta thiếu những cái gì cần thiết.

Ở thời buổi này, báo chí là hình thức văn học được truyền bá rộng nhất: dù là người dốt hay người có học, người giàu cũng như người nghèo đều không sao thoát khỏi ảnh hưởng ít nhiều của nó. Những bài xã thuyết của mỗi tờ báo thường khác nhau, nhưng tựu trung đều đưa ra một tài liệu chung, cốt để hướng dư luận theo một chiều nào.

Bởi vậy, dù báo chí có cố gắng trình bày sự việc xảy ra hàng ngày một

cách hết sức khách quan, thực sự bên trong bao giờ cũng có những ý kiến chủ quan, những phê phán đại cương để tỏ ra những "thái độ" hơn là những "chân lý". Báo chí là tiêu biểu lý tưởng hoặc những nhu cầu của một hạng độc giả nào. Như thế, đọc báo mà chỉ đọc "chết" một tờ thì dù có thiện chí đến mức nào, óc sáng suốt cũng sẽ có ngày mờ tối, óc phê bình cũng sẽ có ngày lệch lạc.

Muốn thấy được sự thật, phải đọc báo như đọc sử, nghĩa là phải biết phê bình như người ta phê bình sử liệu.

❋❋❋

D. Đọc những sách về thiên văn và địa lý

1. Con người trong vũ trụ

Như ta đã biết, người có cao vọng xây đắp cho mình một cơ sở học vấn đứng đắn không thể không khởi bằng sự nghiên cứu học hỏi về mình trước hết. "Biết mình" là cái học đầu tiên của người trí thức.

Con người không phải là một sinh vật độc lập trong hoàn vũ, mà là một sinh vật sống trong hoàn vũ. Người học thức không thể sống giam mình trong "lũy tre xanh", mà phải có một sự hiểu biết về những cái gì xa xăm trong không gian và thời gian mới được. Không có được sự hiểu biết ấy thì có khác nào kẻ sống trong một thung lũng, không bao giờ vượt qua khỏi những dãy núi chung quanh, suốt đời giam mình trong một vòng chân trời eo hẹp. Họ cần phải biết vượt thời gian và không gian để mà nhìn cao và nhìn rộng, biết rõ được hoàn cảnh xã hội của mình đang sống, biết đặt hoàn cảnh xã hội ấy trong một khung cảnh rộng hơn, đem dân tộc mình sánh với dân tộc khác, biết đem nhân loại đặt trong một khung cảnh rộng hơn là vạn vật trong vũ trụ. Muốn được vậy, cần phải nhờ đến khoa thiên văn để mở rộng nhãn quan của ta ra ngoài vũ trụ.

Thiên văn học là một ngành học rất cần thiết để cho ta nhận thấy cái địa vị con người trong vũ trụ là như thế nào. Địa vị của thiên văn học phải có một chỗ xứng đáng và quan trọng trong sự học về con người.

Có bao giờ các bạn ngồi trước mặt biển bao la, nhìn thấy cái mênh mông của những lượn sóng trùng dương mịt mù trước mắt, bạn có những cảm tưởng như thế nào? Có bao giờ bạn nằm ngoài bãi cỏ hay trên núi cao, mắt nhìn bầu trời bao la với hàng triệu ức ngôi sao lấp lánh và khi bạn biết rằng

mỗi vì sao ấy có thể là mỗi một vầng thái dương to lớn gấp mấy trăm ngàn lần thái dương hệ của ta đang ở, khi mà bạn biết rằng ánh sáng của nhiều vì sao, như vì sao Bắc Đẩu, phải mất 36 năm trời mới đến hành tinh ta, mà ánh sáng thì đi nhanh tới mức 300.000 cây số một giây đồng hồ. Đó là chưa nói đến những tinh vân mà mắt ta thấy được, như tinh vân Andromède, ánh sáng từ đó đến ta phải cả triệu năm mới tới. Thế thì không gian quả là vô tận mà thời gian lại cũng vô cùng. Tấm thân nhỏ bé của con người với trăm năm là hạn ví với cái không gian vô tận, với cái thời gian vô cùng của vũ trụ thì không thể so sánh được nữa, không thể nói rằng ta đối với vũ trụ chỉ là một hạt cát trong bãi sa mạc, một giọt nước ở Thái Bình Dương. Cảm tưởng bạn như thế nào ở giữa cảnh vô biên vô tận của trời đất? Pascal đã nói: "Sự lặng thinh của những khoảng không gian vô tận này làm cho tôi kinh khủng!" Nó là mối phát sinh những tư tưởng thanh thoát, đưa con người ra khỏi những cảm tưởng nhỏ nhen ti tiện và chật vật của cuộc đời vật chất, gây cho mình có nhiều tư tưởng thâm trầm về ý nghĩa của nhân sinh.

Nói thế không phải bảo ta phải đọc sách và nghiên cứu khoa thiên văn như những nhà bác học thiên văn. Khoa học này đòi hỏi nơi ta nhiều năng khiếu đặc biệt và học vấn sâu rộng mà không phải ai ai cũng làm được. Ta chỉ cần học nơi khoa thiên văn học trước hết hai điều chủ yếu này thôi:

- Nhận chân rằng, c*ó một trật tự thiên nhiên vĩnh cửu trong trời đất vạn vật và bất di bất dịch mà người ta gọi chung là luật của tạo hóa:* Không một vật nào trong vũ trụ mà thoát khỏi quy luật tự nhiên ấy, từ một cái cực tiểu đến cái cực đại của trời đất.

- *Quả địa cầu ta ở đối với vũ trụ thì nhỏ bé vô cùng, cũng không phải là trung tâm của vũ trụ* như ngày xưa người ta đã tin. Không biết rằng vũ trụ mênh mông vô tận, cho rằng những con đường di chuyển của mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao mà ta thấy đây là những con đường di chuyển thật, đó là nhìn sai cả sự thật.

Muốn có được một ý niệm tổng quát và rõ ràng về vị trí của quả địa cầu đối với các vì tinh tú và hành tinh trên không gian vô tận, một quyển sách về thiên văn học đại cương đủ rồi. Sách tiếng Việt tôi chưa thấy có quyển nào đáng kể. Riêng về sách Pháp, nên đọc các quyển *Initiation Astronomique* của Camille Flammarion (Hachette), *Le Ciel et l'Atmosphère* của L.Houllevigne

(A.Colin), quyển *De Destin des Etoiles* của Svante Arrhénius (Alcan), hoặc quyển *De l'Espace à l'atome* của Carl Stormer (Alcan)... Quyển *Le Ciel* của Alphonse Berget (Larousse) là một quyển phổ thông rất hay, đã rất dễ đọc lại đọc một cách say sưa cho bất cứ một ai có học ngoại ngữ cỡ cử nhân ngày nay, cỡ trung học đệ nhất cấp ngày xưa, thời Pháp thuộc.

***

Trước khi chấm dứt chương này, tôi xin trích dẫn lời nói sau đây của Alphonse Berget, để gọi là tạm kết luận:

"On a dit très justement, de l'Astronomie, qu'elle était 'la plus belle des Sciences'. Elle seule, en effet, élève notre esprit, par la contemplation du Ciel, aux conceptions les plus hautes; en l'accoutumant à ces deux notions de l'Infini de l'Espace et de l'Infini du Temps, elle nous montre combien nous sommes peu de chose dans l'Univers, et, cependant, combien est grand le cerveau de l'homme pour avoir pu s'élever à l'intelligence de toutes ces merveilles" [7]. *Khi bàn đến khoa thiên văn học, người ta đã bảo rất đúng rằng đó là "khoa đẹp nhất". Thật vậy, chỉ nhờ có nó mà thôi; nhờ chiêm vọng bầu trời mà tinh thần ta được nâng cao trên những quan niệm cao cả nhất; trong khi nó giúp ta quen thuộc với những ý niệm về sự vô cùng của không gian và sự vô tận của thời gian, nó chỉ cho ta thấy rõ cái nhỏ bé không đáng kể của ta trong vũ trụ, nhưng đồng thời cũng chứng minh rằng đầu óc con người "to rộng" là bậc nào mới có thể hiểu biết được nổi những sự kỳ diệu ấy.*

Học được bấy nhiêu cũng đã là đầy đủ lắm rồi. Người học thức mà thiếu sự hiểu biết ấy là một thiếu sót rất đáng trách vậy.

***

2. Con người trong thời gian

Sau khi đặt địa vị con người trong vũ trụ, ta cũng cần đem cái đời sống ta mà đặt vào một khung cảnh eo hẹp hơn, là *nhân loại*. Vậy, ta phải tìm trở lại trong *thời gian* cái nguồn gốc nhân loại, tức là tìm mà hiểu biết sự phát sinh đầu tiên của con người trên mặt đất và sự tiến bộ của nhân loại trong từng giai đoạn của nó trong lịch sử. Đặt nhân loại vào hoàn cảnh tự nhiên của thuở ban đầu, đâu phải chỉ để thỏa mãn óc hiếu kỳ của một đầu óc biết nhìn lại quá khứ, mà là cần thiết cho sự hiểu biết thâm sâu cái đường lối tiến bộ

của con người trong thời gian và không gian.

Tôi xin giới thiệu các bạn quyển *La Terre avant l'histoire* của Edmond Perrier. Quyển này là một "cái thang" nối lại lịch sử và những khoa vật lý. Mục sách tham khảo rất đầy đủ để cho ai muốn đi sâu vào vấn đề có thể tìm kiếm được dễ dàng. Quyển *La Vie et la Mort* của Dastre (Flammarion) rất hay và rất dễ hiểu. Đọc xong nó, ta có thể có được một mớ kiến thức căn bản để đọc tiếp những quyển sâu sắc và khó khăn hơn như *La Genèse des espèces animales (Alcan), l'Adaptation (Doin)* của Lucien Cuénot, hoặc những quyển như *Le Transformisme et l'Expérience (Alcan), l'Hérédité (Colin), l'Évolution et l'Adaptation (Chiron)* của Etienne Rabaud, nhất là quyển *Éléments de biologie générale (Alcan)* cùng một tác giả.

Nhờ đọc những quyển trên đây, ta có thể đi từ tinh vân đến sự phát sinh con người trên quả địa cầu.

***

Muốn truy tìm đến nguồn gốc của nhân loại, chúng ta cần phải quay về tiền sử. Trước hết, chúng ta là người Đông phương, tiền sử các nước láng giềng như Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản không thể bỏ qua. Cổ học của Trung Hoa lại rất gần với ta, phải được quyền ưu tiên chọn lựa [8]. Một cái vốn Hán học để đọc nổi cổ văn là tối cần cho bất cứ người nào muốn có một nền học vấn vững chắc. Kế đó phải để ý đến các nước Tây phương, nhất là về lịch sử thời trung cổ Âu châu. Nhưng cái học cổ điển Tây phương, cũng như cái học cổ điển Đông phương đều là những cái học rất khó khăn và phải tốn nhiều công phu. Đọc nổi một bài văn cổ đâu phải dễ. Người học thức Việt Nam ngày nay không thể là một người chỉ biết có một thứ tiếng mẹ đẻ mà thôi. Ít ra cũng phải có một cơ sở sinh ngữ tối thiểu về Hán văn, Pháp văn hay là Anh văn. Những dân tộc hậu tiến là những dân tộc cần phải biết được nhiều ngoại ngữ chừng nào hay chừng nấy, mới mong theo kịp các nước tiên tiến, mới có thể gọi là "đa văn quảng kiến".

***

3. Con người trong không gian

Muốn rõ được vị trí con người trong *không gian*, tức là muốn biết thế giới chung quanh ta, phải cần đến những sách về địa lý, du ký.

Nên đọc quyển *Ce monde où nous vivons* của Lincoln Barnet (Hachette).

Hình ảnh rất đẹp và bài vở chọn lựa, cách trình bày hấp dẫn, thật là một quyển sách quý.

Các sách giáo khoa về địa lý, nhất là quyển *Géographie Générale Illustrée* (Quillet xuất bản) dưới quyền giám đốc của Maurice Allain với sự cộng tác của các ông Elicio Collin, Hardy, Vallaux và Weulersse cần phải có trong tủ sách. Phải có một quyển địa đồ đầy đủ. Hiện thời các nhà xuất bản Quillet, Hachette, Colin cho in ra nhiều quyển địa đồ rất đầy đủ, quyển nào cũng dùng được cả.

Cũng cần đọc những quyển du ký và những quyển sách bàn về tâm hồn của từng dân tộc. Muốn biết về dân tộc Tây Ban Nha thì nên đọc những quyển *Essence de l'Espagne* của Miguel de Unamuno (bản dịch tiếng Pháp của Marcel Bataillon, Plon, 1923), quyển *l'Espagne moderne vue par ses écrivains* của Henri Guerlin (Perrin, 1924); về dân tộc Anh thì nên đọc quyển *Histoire de la littérature anglaise* của Taine (Hachette, 5 quyển), quyển *Nouvelles Études anglaises* (1910), quyển *l'Angleterre et la guerre* (1916) của André Chevrillon (Hachette), quyển *l'Angleterre moderne, son évolution* của Louis Cazamian (Flammarion, 1911); về nước Đức thì nên đọc quyển *L'Allemagne moderne son évolution* (Flammarion) của Henri Lichtenberger, quyển *Panorama de la littérature allemagne contemporaine* của Félix Bertaux (Kra, 1928); về nước Nhật thì nên đọc *Société Japonaise* (Plon), quyển *Nouveau Japon* (Perrin) của Bellesort, quyển *Japon* của Émile Hovelaque (Flammarion). Không nên bỏ qua quyển du ký *Journal d'un Philosophe* của Hermann de Keyserling (Stock).

❃❃❃

Lại còn có một cách khác để hiểu biết tâm hồn của một dân tộc là đi sâu vào sự nghiên cứu những tác phẩm trứ danh của mỗi dân tộc, nghĩa là nghiên cứu văn học của ngoại quốc.

Muốn biết về tâm hồn dân tộc Anh thì nên đọc sách và kịch của Shakespeare, nhất là những quyển *Hamlet* (Fasquelle, bản dịch của E. Morand và Schwob, hoặc của Guy de Pourtalès (Gallimard), quyển *Antoine et Cléopâtre* (bản dịch của A. Gide), quyển *Roméo và Juliette* (bản dịch của Kosjul), *Macbeth va Othello* (bản dịch của Derocquigny), *Jules César* (bản dịch của Ch. M. Garnier), *La Tempête* (bản dịch của Aynard).

Tiểu thuyết của Dickens thì nên đọc *David Copperfield* (Hachette), *Moel Flanders* của Daniel de Foé (bản dịch của Marcel Schwob).

❉❉❉

Muốn hiểu về tâm hồn nước Đức thì nên đọc sách của Goethe như *Faust, Werther, Les Affinités électives, Les Années d'Apprentissage* và *Les Années de voyage de Wilhelm Meister, Vérité et Poésie* (bản dịch của Porchat do Hachette xuất bản), quyển *Correspondance avec Schiller* (bản dịch của Lucien Herr do Plon xuất bản), quyển *Conversations avec Eckermann* (bản dịch của Emile Délerot do Charpentier xuất bản).

Đọc sách của văn hào Heine thì nên đọc những quyển *De l'Allemagne*, *Lutèce*, (Calmann-Lévy). Đọc Hoffmann thì đọc *Contes Fantastiques*, bản dịch của X. Marmier (Fasquelle). Đọc Schopenhauer thì nên đọc *Aphorismes sur la sagesse dans la vie*, và nếu có một căn bản học vấn khá cao thì nên xem cả bộ *Le Monde comme volonté et comme représentation* (bản dịch của Burdeau). Về nhà văn Nietzche, thì tất cả sách của ông, đọc quyển nào cũng được cả.

❉❉❉

Muốn nghiên cứu hiểu biết về tâm hồn nước Ý thì nên đọc trước hết văn hào Dante, quyển *La divine comédie* (bản dịch của Lamennais [Didier] là hay nhất). Cũng nên đọc tác phẩm *Mémoires* của Benvenutto Cellini (bản dịch của Leclanché). Sách của Annunzio thì đọc những quyển *L'enfant de volupté, Le Feu, Le Triomphe de la Mort, Les Vierges aux Rochers* (Calmann-Lévy).

Về Tây Ban Nha, nên đọc *Don Quichotte* của đại văn hào Cervantès. Bản dịch hay nhất của Viardot hoặc của Xavier de Cardaillac và Jean Labarthe (Toulouse, Edouard Privat, 1927).

Về văn hào Lope de Vega thì đọc *Théâtre* (bản dịch của Damas Hinard). Đọc của Sainte Thérèse quyển *Vie écrite par elle-même* (Beauchesne, 6 quyển).

❉❉❉

Về Nga thì nên đọc sách của Tolstoi, nhất là những quyển *La Guerre et la Paix* và *Anna Karénine* (Hachette). Đọc sách của Dostoievski thì nên đọc *Crime et Châtiment* bản dịch của Derély (Calmann-Lévy), *Frères*

Karamazov bản dịch H. Mongault và Leval (Bossard), *Possédés* và *Confession de Stravroguine*, bản dịch của Chuzeville (Bossard), *L'Idiot* (Plon), *Humiliés et Offensés* (Plon). Về văn hào Kropotkine thì nên đọc *Autour d'une vie* (bản dịch của Martin và Leray, Stock).

❋❋❋

Đấy là sơ lược những sách mà ta cần phải đọc để có một ý niệm về văn tài cũng như về tâm hồn các dân tộc khác ta. Dù sao ta nên biết rằng trên đây chỉ nói về những tác phẩm được dịch ra tiếng Pháp, là tiếng ngoại ngữ mà người Việt được biết nhiều nhất. Những ai không đọc được tiếng Pháp hay tiếng Anh thì đọc qua một vài tác phẩm đã được dịch ra tiếng Việt.

❋❋❋

Ta cũng cần phải quan tâm nghiên cứu đến ảnh hưởng của địa lý đối với đời sống vật chất lẫn tinh thần của con người. Ảnh hưởng của thời tiết, của khí hậu, của thổ nghi, của địa cuộc, của cảnh vật thiên nhiên đối với sức khỏe, tính tình, tư tưởng con người rất là quan trọng.

Vấn đề này nên đọc quyển *Géopsyché* của bác sĩ Willy Hellpach (bản dịch tiếng Pháp của bác sĩ F. Gidon - Payot). Trong đó trình bày một cách tinh tường ảnh hưởng của địa lý đối với tâm hồn con người. Cũng nên đọc *La Géographie humaine* của Maurier Le Lannou (Flammarion), *L'Homme et le Sol* của Henri Prat (Gallimard), *Géographie psychologique* (Gallimard) của Georges Hardy, *L' Homme et la Côte* (Gallimard) của Marcel Hérubel, *Géographie et Religions*(Gallimard) của Pierre Deffontaines, *L'Homme et le Vent* (Gallimard) của E. Aubert de la Rue, *Géographie des frontières* (Gallimard) của Jacques Ancal và *Esquisse de Géopolitique* của Ernest H. Short (Payot).

Người xưa khuyên người trí thức phải có một cái học "thượng tri thiên văn, hạ tri địa lý, trung tri nhân sự" thật là chu đáo. Phải chăng đó cũng là cao vọng của tất cả mọi người hiếu học, mong mỏi có được một nền học vấn rộng rãi và vững vàng.

----

[1] Désiré Roustan - La Culture au cours de la vie. (Institut Pelman, 1930)

[2] Phạm Quỳnh - *Khảo về tiểu thuyết*

[3][4] Émile Borel - De la Méthode dans les Sciences (1ère et 2ème série)

[5] Gustave Rudler - Les Techniques de la Critique et de l'Histoire Littéraire (Oxford, 1923).

[6] Hallucination collective.

[7] Le Ciel Préface d'Alphonse Berget. (Larousse éditeur)

[8] Dĩ nhiên là ưu tiên trong các nước láng giềng. Còn cổ sử của nước nhà lại là phần chính. Người ta không thể quan niệm người Việt Nam lại không rõ cổ sử nước nhà.

CHƯƠNG THỨ SÁU

Học Những Gì?

Như ta đã thấy trước đây, đọc sách mà muốn có được kết quả phải là một công trình học tập, chứ không thể là một công việc giải trí của những kẻ nhàn hạ.

Học, không có nghĩa là chỉ để ứng dụng lập tức, mà trước hết phải là một công trình văn hóa, nghĩa là công việc đào luyện trí não và tinh thần.

Vấn đề học vấn và văn hóa là vấn đề mà từ lâu người ta đã suy nghĩ và đặt ra khi lập ra chương trình học chính cấp trung học. Đứng về phương diện nguyên tắc thì chương trình học vấn ở các cấp trung học phải là một chương trình văn hóa.

***

Như chúng ta đều biết: Cấp tiểu học là cấp chỉ lo dạy cho trẻ em một số kiến thức cần thiết và cấp bách trong một thời gian hạn định. Dù làm nghề gì, một người sống trong thời đại văn minh này cần phải biết đọc, biết viết, biết tính toán, biết một số kiến thức về vệ sinh, về khoa học thường thức, về văn phạm và sử ký địa dư. Đó là điều mà không ai có thể cãi gì được nữa.

Cũng như cái học của cấp đại học là lo đào tạo những chuyên viên, những luật sư, những bác sĩ, những nhà lý học, ngôn ngữ học, sử học hay triết học v.v... Còn về nhiệm vụ của cấp trung học là như thế nào?

Nếu người ta hiểu rằng cấp trung học là cấp lo dự bị cho học sinh lên đại học tức là người ta hiểu nghịch lại. Đành rằng, tùy theo mỗi nước, giữa cấp tiểu học, học sinh rời trường lối mười hai, mười ba hay mười bốn tuổi; và cấp đại học thu nhận sinh viên lối mười bảy, mười tám tuổi. Cấp trung học thường là cấp học khoảng giữa từ mười ba đến mười bảy, nghĩa là bốn năm hay năm năm. Khoảng ấy dùng để làm gì? Tiếp tục chương trình học của cấp tiểu học ư? Nếu muốn tiếp tục thì người ta đã lập thêm cấp "cao đẳng tiểu học" mà ở đây gọi sai là "trung học đệ nhất cấp". Còn bảo nó là lóp dự bị để vào đại học thì cũng sai, vì nói thế người ta lại chỉ xem đám học sinh này như những nhà chuyên viên tương lai sao, và như thế thì cứ mở ra những lớp

dự bị để học chuyên môn cũng đủ rồi, người ta sẽ tiết kiệm được một cấp trung học, rất có lợi cho ngân quỹ. Dĩ nhiên là nó phải có một nhiệm vụ riêng của nó. Sứ mạng ấy như thế nào?

Tất cả các nhà giáo dục trên thế giới đều đồng ý với nhau về điểm này: Cần phải lợi dụng thời gian cấp trung học này, giữa cấp tiểu học và đại học, để dạy cho trẻ em một cái vốn hiểu biết căn bản thuần túy, dạy cho chúng biết sử dụng óc thông minh và tình cảm tốt đẹp, tạo cho chúng một nếp sống tinh thần, một phương pháp làm việc có lề lối và học hỏi kiểu mẫu, sửa chữa cho chúng về tư tưởng và khuynh hướng sai lầm, đồng thời tu bổ và khởi phát những khả năng tốt đẹp chưa có cơ hội phát triển đúng đường lối.

Như thế, cấp trung học có sứ mạng là lo tu tạo, bồi dưỡng, nuôi nấng cái tiềm thức của con người. Vậy chứ những thói quen, nếp sống, cũng như những khuynh hướng của con người không phải là những tiềm lực đang nằm yên lặng lẽ trong đáy lòng của con người sao? Nói tắt một lời, lối dạy dỗ ở cấp trung học phải biết *làm sống lại cái sống tiềm tàng trong con người, tức là cái học về bề sâu, cái học về con người sâu thẳm của mình.*

Đành rằng cái học ở tiểu học hay ở đại học cũng đâu có hoàn toàn quên hẳn được cách đào luyện những nếp sống cùng những khuynh hướng tốt. Nhưng ở cấp tiểu học, sự truyền giáo cho học sinh một số kiến thức sơ đẳng để ra đời phải được thi hành cấp bách: Đứa trẻ sắp xa nhà trường để ra đời và sống với cái vốn học thức ấy. Còn cấp đại học thì chỉ chuyên tạo những chuyên viên, tức người biết dùng tài năng mình trong một ngành hoạt động nhất định theo nghề nghiệp mình. Dĩ nhiên là lối giáo dục ở đây, các nhà chuyên môn cũng phải đào tạo cho họ những nếp sống và khuynh hướng của một nhà chuyên môn, nghĩa là hạn định, để trở thành một luật sư, một bác sĩ hay một sử gia giỏi thôi. Thực ra, ở đây người ta đâu có nhắm vào sự đào luyện chung về tình cảm, có óc thông minh và tính khí của một con người toàn diện.

Như vậy ta thấy, chương trình và phương pháp dạy ở cấp trung học, theo nguyên tắc, phải là chương trình và cách dạy để đào luyện óc thông minh, tình cảm và tính khí con người, nghĩa là đào luyện tinh thần toàn diện của con người, hay nói một cách khác, phải là một chương trình văn hóa.

***

Hiện thời nếu muốn đào tạo cho mình một cơ sở học vấn và văn hóa trung bình, ta cần để ý đến mục đích và phương pháp giáo dục của cấp trung học ở những nước tiên tiến nhất. Ta thấy những nhà giáo dục cao thâm nhất đều dành cho cấp học này phần ưu tiên văn học và dành cho những bài tập luyện văn học thì giờ nhiều nhất, mặc dù sự đào tạo một căn bản học vấn về khoa học là cần thiết. Giáo dục về văn học không phải chỉ chuyên ở sự học hỏi kỹ lưỡng về tiếng mẹ đẻ mà lại cũng cần chuyên chú về những bài tập về dịch thuật những bài văn ngoại ngữ qua tiếng mẹ đẻ, nghĩa là tập đem những tư tưởng của người ngoại quốc mà diễn đạt bằng tiếng nước mình.

Chương trình trung học cũng dành cho những khoa về sử học một địa vị không kém quan trọng, nhưng không có tính cách nhồi sọ và bắt đầu óc của học sinh phải nhớ những sự kiện, những niên biểu, những tên tuổi các nhân vật lịch sử cùng những câu chuyện vụn vặt, mà nó chỉ là một phương thế dạy cho học sinh cái ý nghĩa của những gì đã xảy ra trong lịch sử. Người ta muốn dùng sử để tập cho ta óc tưởng tượng, lý luận cùng đức dục, đồng thời tập cho ta phép phê bình sử liệu. Bên Pháp, chương trình cuối cùng bao giờ cũng bắt buộc phải học một năm triết lý, dù là ở ban toán cũng phải dạy về triết lý khoa học và triết lý đạo đức. Ở các nước khác, triết học là môn học cao đẳng và dành riêng cho nhà chuyên môn. Bên Pháp thì triết học là khoa bổ túc cho chương trình văn hóa tổng quát.

Đó là đại cương những nét đặc biệt nhất của nền học chính trung học, trong đó ta có thể tóm tắt như thế này:

Học viết, biết đem ý tưởng của tiếng nói nước này sang qua tiếng nói của một nước khác, biết hướng mình trong thời gian và không gian, biết phân biệt được những gì có thể chứng minh được bằng lý luận và thực nghiệm với những gì không thể chứng minh được, biết đào luyện óc sáng tác, biết tổ chức lại tư tưởng của mình cho có trật tự và nhất trí bằng triết luận. Và phải chăng đó là một chương trình kể ra khá đầy đủ cho những người có cao vọng tạo cho mình một cơ sở học vấn có căn bản. Nhưng chương trình học tập này cần phải bổ túc bằng hai điều kiện này nữa là:

- Phải tìm cách nhận thức ngay sự vật bằng mắt thấy, tai nghe, bằng du lịch.

- Đào luyện cảm giác và tình cảm bằng cách sống trong cảnh thiên nhiên

và bằng nghệ thuật.

❋❋❋

A. Học viết văn

Đào luyện nhãn thức, phương pháp muôn đời là tập làm văn.

Thật vậy, *làm văn hay* tức là biết tư tưởng đúng đắn mực thước, tức là biết phân tích tinh tế tình cảm của mình, tức là biết dùng danh từ đúng với tình ý và tư tưởng của mình, nghĩa là biết so sánh, cân nhắc, biết dùng những câu văn sáng sủa mà hàm súc, gọn gàng và bóng bẩy, chứ không phải như những kẻ cầu kỳ phiền phức, dùng toàn sáo ngữ mà không nói được một ý nghĩ tân kỳ. Viết được một bài văn hay tức là mình đã đào luyện cho mình được cái khiếu biết điều hòa và mực độ, biết lợi dụng những phương tiện nghệ thuật để diễn tả tư tưởng tình cảm mình một cách nhẹ nhàng.

Người ta bảo, ngoài phép viết văn, cũng còn rất nhiều nghệ thuật khác có thể giúp ta đào luyện nhãn thức, như *họa*, *nhạc* v.v... Nhưng, nghệ thuật viết văn có tính cách thực dụng hơn. Nhạc thì ta có thể cảm được hay không cảm được, nhưng nói ra được "cái cảm" của mình thật là khó mà thực hiện cho rõ ràng được. Một bài văn hay, xem qua có thể biết liền và ta có thể nói ra được cảm tưởng của mình, người dạy cũng có thể giảng ra được cái hay của nó.

❋❋❋

Làm cách nào để tập viết văn?

Trước hết cần phải *viết cho thường*. Người ta bảo: Có thường rèn giũa mới thành anh thợ rèn giỏi. Có thường viết, người viết văn mới thành nhà văn.

Dĩ nhiên là khi làm văn, ta phải có óc phê bình tối thiểu về nghệ thuật viết văn để khỏi phải sa vào lối viết văn tầm thường của những nhà văn hạng rẻ tiền, chỉ viết bừa bãi mà không biết mình muốn nói gì. Dĩ nhiên là cũng phải có một học vấn tối thiểu về nghệ thuật viết văn, phải biết cách lựa chọn tài liệu, sắp đặt ý tứ, trình bày hấp dẫn, kết luận tân kỳ.

Về nghệ thuật viết văn, sách Việt cũng đã có nhưng nên đọc bộ *Luyện văn* của Nguyễn Hiến Lê. *Thuật viết văn* của Nguyễn văn Hầu thì quá đơn giản và chỉ dùng cho học sinh cỡ trung học thôi. Sách Pháp ngữ thì nên đọc bộ L'Art d'Écrire enseigné en 20 leçons, La Formation du Style và Le Travail du Style enseigné par les corrections manuscrites des grands écrivains của

Antoine Albalat, quyển *L'Art de la Prose, Conseils sur l'Art d'Écrire* của Gustave Lanson, quyển *L'Apprentissage de l'Art d'Écrire* của Jules Payot.

❋❋❋

Có một nhóm sinh viên trường đại học sư phạm bên Pháp dùng đến phương pháp này để tập viết văn. Mỗi tối, một người trong nhóm đọc lớn lên một bức thư của nhà đại văn hào Voltaire, mà mỗi người, qua ngày sau phải viết lại bức thư ấy. Dĩ nhiên, mỗi người sẽ viết một cách. Tuy nhiên, khi nghe đọc văn của Voltaire, một lối văn cực kỳ giản dị, sáng sủa thì không một ai là không nghĩ rằng có khó gì mà không viết được những điều dễ dàng và tầm thường như thế! Nhưng khi cầm bút viết lại, họ mới cảm thấy khó khăn vất vả. Ý tưởng mất lần sự tế nhị, giọng mỉa mai lại mất sự nhẹ nhàng. Có nhiều bài dẫy đầy chi tiết nặng nề và phải viết có trên mười hàng trong khi Voltaire chỉ viết vắn tắt có ba hàng. Bấy giờ đem đọ lại với nguyên văn, mỗi người đều thấy những lỗi vụng về của mình, bấy giờ mới hiểu thế nào là văn hay và gọn ghẽ. Chừng ấy, mỗi người mới biết rằng lối văn mà ta thường gọi là văn dễ dàng giản dị đâu phải là lối văn dễ viết.

❋❋❋

Đó là phép tập làm văn bằng cách theo gương của các đại văn hào. Cần phải tập viết lối văn tự nhiên mà hàm súc, giản dị và nhẹ nhàng, chứ đừng bắt chước lối văn luẩn quẩn, cầu kỳ, đa đoan gút mắc. Văn luận thì cần phải có "dụ" có "luận" xen nhau thì văn mới được linh hoạt.

Văn là người. Người mà tâm hồn chất phác thật thà thì văn cũng chất phác thật thà. Tư tưởng mà được hàm dưỡng thì lời văn hàm súc sâu xa. *Cho nên học làm văn, cần phải học làm người trước hết.*

Viết văn hay rất khó và không phải ai cũng làm được, nhưng viết văn đừng cho dở lắm thì ai ai cũng có thể làm được cả, miễn là mình biết tránh lối viết bằng sáo ngữ và biết nói thẳng những gì mình đã nghiền ngẫm lâu ngày.

❋❋❋

B. Học dịch văn

Muốn học viết văn cần phải học dịch văn. Đó là phương pháp hay nhất để viết văn hay, mà đó cũng là ý kiến của phần đông các thức giả từ xưa đến nay.

Là tại sao? Bất cứ ai cũng nhận thấy rằng dịch văn là khó. Thà là mình viết, thì viết sao cứ viết, chứ dịch văn phải giữ ý của tác giả, lựa chọn chữ dùng cho thích đáng, không được viết bừa. Ta bị bắt buộc phải thật hiểu ý của tác giả và những danh từ, trạng từ, tính từ cùng động từ mà tác giả đã dùng. Đó là một cách bắt buộc ta phải diễn đạt cho thật đúng một ý tưởng, không được miễn cưỡng dùng sai, dùng tạm.

❉❉❉

Muốn dịch văn cần phải nhớ hai nguyên tắc chính này:

1. Phải đi từ cái chung đến cái riêng, tức là đi từ cái ý chính của đoạn văn mà tìm hiểu ý nghĩa những chi tiết, những từ ngữ, những bút pháp của tác giả đã dùng để biểu diễn tư tưởng của mình. Vì vậy, đừng có lật đật tìm tự điển mà phải lo đọc trước cho thật kỹ bài văn, đọc đi đọc lại đôi ba lần cho đến khi nào thoáng hiểu được cái thâm ý của tác giả, đạt được cái ý chính của đoạn văn, bấy giờ sẽ tìm hiểu cái vai trò của mỗi câu trong đoạn văn, và cái ý nghĩa của từng chữ trong câu văn. Sau đó mới tìm những danh từ tương đồng để dịch ra cho sát ý. Ta nên nhớ rằng mỗi danh từ đều có nhiều nghĩa, tùy vị trí của nó trong câu, tùy ý tưởng chung của đoạn văn mà nó có một nghĩa nào đó. Nếu cứ lật tự điển mà tìm chữ tương đương dịch càn, dịch bướng, bất chấp mạch lạc của câu văn và đoạn văn, bài dịch sẽ không sao trung thành được với nguyên văn.

2. Người dịch văn mà có kinh nghiệm bao giờ cũng thể theo cái lý mà dịch chứ không căn cứ vào sự tương đồng về hình thức của câu văn. Có những từ ngữ bề ngoài giống nhau mà trong thực sự không đồng nghĩa với nhau. Dịch cổ văn lại càng khó: danh từ dùng ngày xưa với ngày nay có khi khác nhau rất xa, nếu cứ hiểu theo nghĩa ngày nay thì dịch sai đến vạn dặm. Tiếng Anh mà dịch qua tiếng Pháp cũng rất khó. Như chữ *"to be agreeable"* đâu phải luôn luôn có nghĩa là *"être agréable"* mà thường lại có nghĩa là *"consentir à"*; chữ *"evidence"* của tiếng Anh không đồng nghĩa với tiếng *"évidence"* của Pháp, mà thường có nghĩa là *"preuve"* hay là *"témoignage"*.

Muốn dịch văn Anh ra văn Pháp, nên xem quyển *Les faux amis ou les trahisons du vocabulaire anglais* của Maxime Koessler và Jules Derocquigny (Vuibert xuất bản). Những từ ngữ mà những tác giả trên đây

gọi là "bạn giả" (faux amis), tiếng nước nào cũng có. Vậy phải thận trọng. [1]

Tóm lại, dịch văn là phương pháp hữu hiệu nhất để tập cho ta biết tôn trọng lý luận và biết diễn đạt trung thành tư tưởng của mình trong khi biết diễn đạt lại một cách trung thành tư tưởng của kẻ khác.

❋❋❋

Như ta đã thấy trước đây, chương trình học vấn có thể tóm trong ba điều này: 1) Có một kiến thức rộng rãi về sử học, thiên văn và địa lý; 2) Tạo cho mình có được một đầu óc khoa học, biết cách vật trí tri; 3) Cố gắng đi lần đến một quan niệm tổng quát về cuộc đời, nghĩa là đi đến một quan niệm triết lý về vũ trụ và nhân sinh.

----

[1] Désiré Roustan - La Culture au cours de la vire (Institut Pelman, 1930).

CHƯƠNG THỨ BẢY

Ba Yếu Tố Chính Để Xây Dựng Một Nền Văn Hóa Vững Vàng

A. Óc khoa học

Tạo cho mình có được một đầu óc khoa học là phát huy được cái khiếu ham chứng minh và lý luận, đồng thời phân biệt được rõ ràng thế nào là một chứng minh luận cứ, thế nào là một thực nghiệm.

***

Chứng minh luận cứ là đem một thực nghiệm để chứng minh, để lập luận, còn thực nghiệm là một sự kiện và chỉ là một sự kiện thôi. Như trước đây đã có nói: những sự kiện không chứng minh gì cả (les faits ne prouvent rien). Chứng minh luận cứ thì có màu sắc chủ quan, trái lại, không cố cưỡng đem sự thật để chứng minh gì cả, đó là nhận xét khách quan.

Vì thế, óc khoa học có rất nhiều hình thức khác nhau, nhưng tựu trung ta nên phân biệt *óc toán học* và *óc thực nghiệm*. Người có *óc toán học* (esprit mathématique) thì ưa lý luận, ưa chứng minh, người có *óc thực nghiệm* (esprit expérimental) thì trái lại, không tin nơi lý luận mà chỉ dùng thực nghiệm làm nền tảng cho sự hiểu biết của mình. Thực ra, hai khuynh hướng ấy không phải ngược nhau mà thường bồi bổ cho nhau. Các bậc vĩ nhân trong giới khoa học như Henri Poincaré, tự mình vừa là một nhà toán học đại tài, vừa cũng là một nhà vật lý học đại tài, ông không chịu hạn chế mình trong một khu vực khoa học nào cả. Nhà toán học cần phải nhận thấy rằng đời rất là phức tạp và những vấn đề nhân sinh không thể nằm ngoan ngoãn trong hình thức của những phương trình toán học. Còn nhà sinh vật học cũng phải biết nhìn lên trên những hình thức phức tạp của các giống sinh vật, cây cỏ và thú vật, để tìm lấy một ý nghĩa chung của sự vật trên đời, tìm mà hiểu biết và chứng minh.

Bởi thế, tinh thần khoa học đòi hỏi nơi ta một học vấn khá cao về toán học và biết rành rẽ những phương pháp thực nghiệm. Nhưng, ở đây cái phẩm

quý hơn cái lượng cũng như bất cứ trong các vấn đề liên quan đến văn hóa. Sự học vấn của ta nên chú trọng về bề sâu hơn bề rộng.

Hình học sơ đẳng cũng đủ cho ta ý niệm được thế nào là một luận chứng. Không có gì giúp ta thấy rõ cách cấu tạo một khoa học khít khao bằng một quyển hình học. Hình học là một cái học giúp cho người ta tiến bằng cách "đứng dừng một chỗ". Thật vậy, *mỗi định lý mới đều bị quy về một định lý cũ*: "luận chứng" tức là lập định rằng cái định lý mới chẳng qua là mới về hình thức thôi, thực ra nó là kết quả dĩ nhiên của những định lý cũ, những công thức mà ai ai cũng phải nhìn nhận không cần chứng giải những thứ chân lý tiên thiên. Cho nên mới nói rằng hình học là cái học "đứng dừng một chỗ".

Tuy nhiên, lần lần tinh thần ta nhờ sự nghiền ngẫm mà tiến lên, tiến một cách từ từ mà ta không dè, vì "chân đứng" đã vững vàng rồi.

❋❋❋

Toán học giúp cho vật lý học phương tiện biểu diễn một cách rạch ròi những quy luật của thiên nhiên. Nhưng, ta cũng nên nhớ rằng lý thuyết suông không đủ, cần phải thông hiểu những phương pháp thực nghiệm. Có được một mớ hiểu biết thực dụng như có được vài phương thức sẵn để trở thành một anh thợ chụp ảnh hay sửa chữa máy, chưa có thể xem đó là mình đã thông hiểu được phương pháp thực nghiệm. Một cái học *đã* thành lập rồi thường lại che lấp không cho ta thấy cái học *đang* thành lập, những "phương thức sẵn có" thường làm cho ta lãng quên những kinh nghiệm mà người khác đã trải qua và dò dẫm lâu ngày để lần mò đến chân lý. Vì vậy, tự mình tìm tòi và kinh nghiệm tuy không là bao, nhưng nó giúp cho sự hiểu biết của mình linh động, sâu sắc hơn là sự thu nhận thụ động một số kiến thức sẵn có do kẻ khác phát minh sáng tạo đã trình bày trong các sách khoa học.

Bởi vậy, thay vì "nhồi nhét" một mớ học thức "sẵn" về một phát minh nào, ta cần trình bày trước những dò dẫm vất vả của nhân loại đi từ kinh nghiệm này sang kinh nghiệm kia mới đến kết quả ấy. Có khi chỉ vì một sự kiện mới vừa được phát minh mà tất cả hệ thống học thuyết đã an bày kia cần phải kiểm soát lại và đánh giá lại. Người ta sẽ thấy rõ sự cần thiết của phương pháp thực nghiệm trong việc đi tìm chân lý. Cũng phải chỉ cho học sinh biết rằng lắm khi kết quả của một cuộc tìm tòi khoa học lại đi ngược lại

với mục đích ban đầu, nghĩa là thực nghiệm thường chống đối lại với ức thuyết.

***

Học khoa học, cần phải tìm biết bằng cách nào và bởi những nguyên nhân nào các nhà bác học đã phát minh sáng tạo được, tức là biết được lề lối làm việc trong công trình suy tầm chân lý, hiểu được những phương pháp thực nghiệm của những bậc vĩ nhân trong giới khoa học. Đời sống hằng ngày của ta không cung cấp cho ta đủ phương tiện để tự mình thực hiện được phương pháp thực nghiệm, thì ta chỉ còn có một cách là theo dõi những công trình tìm kiếm của những nhà bác học đương thời đã được ghi trong những tập tiền thuyết của họ hay trong những tiểu sử do những kẻ cộng sự của họ tường thuật lại. Nhà sách Armand Colin có cho ra tập sách nhan đề là *Classiques de la Science*, trong đó, chính các nhà bác học viết ra những thực nghiệm của họ như tập trần thuyết của Augustin Fresnel về ánh sáng, của Lavoisier về không khí và nước. Công trình tìm tòi và phát minh khoa học của Pasteur được René Vallery Rodot miêu tả tỉ mỉ trong một quyển tiểu sử nói về ông [1]. Darwin đã để lại cho ta một tài liệu vô cùng quý giá về sự cấu tạo tư tưởng của ông ta trong quyển *Voyage d'un naturaliste autour du monde fait à bord du navire le Beagle de 1831 à 1836* (Bản dịch của Barbier, Paris - 1883). Tủ sách *Bibliothèque de Philosophie scientifique* in ra dưới quyền giám đốc của bác sĩ Gustave Le Bon (Flammarion) cũng như tủ sách *Nouvelle Collection scientifique* sau này xuất bản dưới quyền giám đốc của Émile Borel (Alcan), có cho in nhiều quyển sách về khoa học, trong đó miêu tả rất rõ ràng những phương pháp thực nghiệm của chính những nhà phát minh khoa học viết ra. Nhờ đọc những quyển sách ấy, người ta mới quen thuộc được với những phương pháp thực nghiệm. Đó là vai trò của những quyển lịch sử khoa học và trần thuyết khoa học đối với sự đào tạo óc khoa học của ta vậy.

B. Óc triết học

Con người mà biết suy nghĩ, dù lòng có ham thích đeo đuổi theo cái học trục vật thế nào, dù có muốn hạn định ngành hoạt động của mình trong một khu vực khoa học nào, trong đời cũng không sao có lần tránh khỏi chạm đến những vấn đề to tát của nhân sinh, liên quan đến số phận của con người. Biết

suy tưởng, biết cảm giác, biết đau khổ, biết hy vọng nghĩa là biết phập phồng lo sợ cho tương lai, biết tiếc uổng đau buồn vì quá khứ. Khi mà ta biết thắc mắc tự hỏi thế nào là ý nghĩa của cuộc đời, ở đâu ta đến, nơi đâu ta ở, và trên con đường vô định sau này ta sẽ đi về đâu, sao là phải, sao là quấy, đâu là cứu cánh giá trị của khoa học, của nghệ thuật, của tôn giáo, đâu là chỗ sơ khởi và dừng lại của kiếp người trong khoảng mênh mông vô tận, đó là ta đã bắt đầu triết luận. Triết luận tức là tìm hiểu cái ý nghĩa của mọi sự mọi vật trên đời, tìm cái chỗ ý thức và nhất trí của những gì rời rạc vô ý thức, tức là biết nhìn lại quá khứ, nhận định được hiện tại và phòng bị cho tương lai. Triết luận là tìm một phương hướng, một thái độ trước sự phiền phức của cuộc đời. Tìm hạnh phúc, tránh đau khổ và tìm những nguyên nhân đã tạo ra cái khổ, đó là mục tiêu của triết lý.

Thực ra, trong đời sống hằng ngày của ta, mỗi người đều đã, hoặc vô tâm hay hữu ý, nhìn nhận một thái độ triết lý nào rồi. Dù là kẻ không tin đến triết lý và tìm cách để chứng minh rằng sống không cần đến triết lý, sự chứng minh ấy tỏ rằng họ cũng đã triết lý nhiều rồi đấy!

❃❃❃

Một thứ triết lý, dù tầm thường và nông cạn thế nào, cũng ảnh hưởng ít nhiều đến cách ăn ở cư xử của người nhận nó, hoặc giúp cho mình có thêm nhiều can đảm, nhiều hy vọng mà chịu đựng mọi đau khổ trên đời. Tôi nhớ có một nhà văn đã nói: "Có nhiều người - mà tôi là một trong nhóm người ấy - tin rằng sự quan trọng nhất và ích lợi nhất cho ta là đứng trước bất cứ một ai, cần phải biết quan niệm của họ về vũ trụ như thế nào. Đành rằng ông chủ nhà cần phải biết trước số huê lợi của người mướn nhà, coi họ có đủ điều kiện trả tiền tháng cho mình không? Nhưng quan trọng hơn nữa, là phải biết nhân sinh quan của người ấy như thế nào? Một vị tướng trước khi giao chiến đành rằng phải biết tổng số quân của địch, nhưng quan trọng hơn hết là phải biết trước triết lý về nhân sinh của quân địch như thế nào. Câu nói này thâm thúy vô cùng! Đối với kẻ có một nhân sinh quan như Tào Tháo: "Thà ta phụ người hơn để người phụ ta" thì giao thiệp với con người ấy là điều đáng lo ngại vậy.

❃❃❃

Bất cứ một thứ học nào mà thiếu những chân trời rộng rãi của triết học

làm hậu thuẫn là những thứ học còn thiếu sót và không vững chắc.

Triết học phải là cứu cánh của tất cả mọi ngành học của ta, mỗi khoa là mỗi con đường, chung quy rồi cũng phải đổ dồn về một mối, là triết học.

Chân lý là một cái gì duy nhất, bao trùm; khoa học chỉ cắt xén nó ra từng mảnh vụn vặt để nghiên cứu riêng về một khía cạnh nào thôi. Mỗi khoa học chỉ nhìn thấy có một khía cạnh chứ không sao thấy được thật toàn diện, lại cũng thường thiên về phần vật chất hơn.

Sứ mạng của triết học là nhắm vào sự thỏa mãn óc thống quan của con người, tổng hợp lại những gì rời rạc, mâu thuẫn trong đời, nhìn cuộc đời một cách cao xa và rộng rãi hơn như người đứng trên núi cao mà nhìn khắp chân trời. Vì vậy, nhờ óc triết học người ta thấy được sự liên lạc giữa các sự vật, vì bao giờ họ cũng có cái nhìn bao trùm. Khoa học thì thiên về óc phân tích hơn, triết học thì chuyên về óc tổng quan hơn.

Tuy vậy, *"óc hệ thống"* (esprits de systève) không phải là không nguy hại: Óc tổng quan thường lại dễ biến thành óc hệ thống, vì vậy chân lý chỉ có một mà học thuyết triết học thì mọc lên như nấm, khiến cho kẻ nào đam mê triết học, đọc triết học miết cũng phải điên đầu. Tâm trí loài người không thể nào nhận được có một sự mâu thuẫn, cái này phủ nhận cái kia, cái kia phủ nhận cái nọ, vì vậy họ tìm đủ cách để hệ thống hóa tư tưởng của họ. Chung quy chỉ vì bản tính của loài người là như thế: không thể chấp nhận được luật mâu thuẫn. Và vì thế mà suốt đời vẫn triết luận mãi không thôi.

Dù sao triết học vẫn phải là việc học căn bản của con người, một cái học làm danh dự cho con người.

Phải làm cách nào để tạo cho mình có được một cơ sở tạm vững về triết học? Ở đây, nếu có được một bậc thầy chỉ dẫn cho thì rất có lợi. Nhưng nếu mình là kẻ chỉ biết cậy nơi mình mà thôi, không được cái hạnh phúc có người giỏi người hay chỉ dạy cho, thì bước đầu tiên là phải nhờ đến những sách triết học đại cương, loại sách giáo khoa đang áp dụng trong các trường học.

Nhưng nên nhớ kỹ điều này: nhờ đến những sách giáo khoa là để mà vượt qua khỏi nó. Nghĩa là chỉ có những nhà triết học mới có thể truyền cho ta cái hiểu biết về triết học mà thôi. Vậy đọc sách giáo khoa, trong đó, người ta tóm tắt, lược thuật lại tư tưởng của các nhà triết học sao bằng đọc ngay tác

phẩm của các nhà đại triết học. Dĩ nhiên là lúc đầu, phải có sự giới thiệu của một người sành sỏi trong giới triết học để ta làm quen được với tư tưởng các bậc đại triết gia ấy, bằng không, ta phải mất nhiều thời giờ vô ích.

❉❉❉

Bắt đầu các bạn nên khởi bằng *tâm lý học*, rồi tiếp đó *luận lý học* và *luân lý học*. Đó là hệ thống mà người ta đã dùng trong các lớp triết học.

Về sách giáo khoa thì phần đông các nhà giáo khuyên ta nên đọc bộ *Traité de Psychologie* của Georges Dumas. Sách này dày đến hai ngàn trang. Như vậy, người mới học triết học mà đọc nó sẽ bị lạc mất, vì sách này là một bộ sách do nhiều chuyên gia viết. Sách mà do nhiều người viết, nhất định là thiếu mạch lạc. Nó là một bộ sách nghiên cứu sâu rộng về nhiều vấn đề mà sau khi ta biết rõ đại cương rồi trở lại với nó là phải hơn. Vậy, tốt hơn là tìm đọc những sách do một người viết ra, một quyển sách vắn tắt hơn, gọn gãy hơn để cho ta dễ nhìn thấy mạch lạc về đại cương trước đã.

Theo chúng tôi, thì quyển *Précis de Psychologie* của William James, bản dịch của E. Baudin và G. Bertier (Marcel Rivière, 1909) là dễ đọc và linh động hơn hết. Gần đây, E. Baudin lại cũng có cho xuất bản một quyển *Cours de Psychologie* (Payot), và G. Dwelshauvers, quyển *Traité de Psychologie* có vẻ thông thái hơn, nhưng sách của Désiré Roustan thì gọn gẫy hơn.

❉❉❉

Khởi đầu học triết lý cần phải quan tâm đến cái ý nghĩa chính xác của những danh từ chuyên môn. Cần phải mua những bộ sách này: quyển *Vocabulaire philosophique* của Edmond Goblot (Colin, 1909) và nhất là quyển *Vocabulaire technique et critique de la Philosophie* của André Lalande với sự cộng tác nhiều hội viên của Société française de Philosophie (Alcan). Quyển của Goblot thì sơ lược lắm, nhưng rất có ích. Quyển của Lalande là quyển sách rất hay và rất đúng đắn. Trước khi học triết lý cần phải biết rõ định nghĩa của những từ ngữ triết học; bằng không chúng ta không sao tránh khỏi sự hiểu sai lầm.

❉❉❉

Học về *luận lý học* thì những bộ giáo khoa của Rabier (Hachette) và Liard (Masson) vẫn còn dùng được tuy đã cũ.

Có những quyển mới hơn như *Leçons de Logique et de Morale* của R.

Hourticq (Delagrave), *Philosophie scientifique et Philosophie morale* của Félicien Challaye (F. Nathan); *Manuel de Philosophie* của A. Cuvillier (Colin).

Nên đọc thêm quyển *Lectures sur la Philosophie des sciences* của A. Lalande (Hachette). Quyển *Logique* của Goblot hay nhất, nhưng không phải viết cho hạng độc giả mới bắt đầu học triết học.

❊❊❊

Nhân các quyển nói trên của Hourticq, Challaye, Cuvillier chúng ta nên bắt qua khoa luân lý học. Về khoa luân lý, ta không cần phải lệ thuộc các sách giáo khoa nữa vì đề tài luân lý không khó gì mấy mà phải theo dõi những sách có tính cách giáo khoa. Ta nên thoát ra ngoài vòng kiềm tỏa của các sách giáo khoa mà đọc ngay những bộ như *Justice et Liberté* của Goblot (Alcan), *Devoirs* của Jacob (Rieder). Muốn hiểu biết các triết gia hiện thời đối với vấn đề luân lý ra sao thì nên xem quyển *Le problème moral et la pensée contemporaine* (Alcan) và *Les bases psychologiques de la vie morale* (Alcan) của Parodi.

❊❊❊

Giờ đây, ta hãy đi ngay vào trung tâm triết học. Cần học qua những quan niệm chính của các bậc đại triết gia về những vấn đề tâm, vật và trời. Đi vào siêu hình học thì nên đọc bộ Triết học của Cuvillier nhưng muốn có được một ý niệm rõ ràng và sơ lược về những danh từ triết học như các lý thuyết về duy tâm, duy vật, duy linh v.v… thì phải đọc lịch sử triết học mới được.

Nên đọc *Les Systèmes philosophiques* của A. Cresson, quyển *La Philosophie comparée* của Masson-Oursel, quyển *Histoire de la Philosophie* của E. Bréhier. Những quyển *Initiation à la Philosophie* của S. de Coster và *Initiation philosophique* của A. Ponceau cần phải đọc kỹ và nghiền ngẫm, nó sẽ giúp ta có nhiều ý tưởng hay lạ. Quyển *Tour d’horizon philosophique* (Gallimard) của Matila C. Ghyka giúp ta có được một cách nhìn thống quan rất cần thiết cho những ai bắt đầu học triết học, mặc dù hơi nông cạn.

❊❊❊

Về *triết học Đông phương*, cần phải đọc trước hết những bộ lịch sử triết học để có sơ lược một ý niệm chung về các luồng tư tưởng triết học của tam giáo Nho, Lão, Phật - ba hệ thống tư tưởng căn bản của triết học Đông

phương. Bộ *Trung Quốc triết học sử* của Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc triết học sử cương yếu* của Tưởng Duy Kiều, hoặc của Hồ Thích, đều đọc được cả. Bộ triết học sử của Phùng Hữu Lan xuất bản bằng tiếng Anh đã được dịch ra tiếng Pháp, nhan đề *Précis d'histoire de la philosophie chinoise* (Payot).

Những sách về triết học Đông phương do các học giả Tây phương viết ra như của Marcel Granet, René Grousset, H. de Glasenapp, Masson-Oursel, Wiéger, Brémond, Borel, Foucher, David-Néel, Linssen, Maspéro, Jean Hébert, Docteur Benoit, René Guénon, Romain Rolland v.v... đều cần phải đọc cả. Trừ ra một vài học giả sâu sắc như René Guénon (mà tôi xin đặc biệt giới thiệu với các bạn), phần đông đều ít nhiều mang đầu óc một người Tây phương để hiểu biết Đông phương, vì vậy có nhiều chỗ chưa thể gọi là khám phá. Tác phẩm của Hermann de Keyserling nhan đề *Journal d'un philosophe* cũng xin đặc biệt giới thiệu với các bạn. Phần phê bình của ông về các học thuyết Đông phương rất là sâu sắc.

❃❃❃

Đọc triết học không nên đọc sách một chiều. Như trước đây tôi đã nói, ta nên tìm đọc những lý thuyết tương phản. Lại cũng không nên tản mát tư tưởng mình trong những học thuyết này, học thuyết kia vô cùng phiền phức. Trong các học thuyết, cần phải chọn lọc cái nào hợp với tâm hồn ta. Bấy giờ cũng như lựa bạn mà chơi, ta hãy quyết tâm đi cho thật sâu vào học thuyết ấy để tìm lấy một con đường tu tâm xử thế đúng theo nguyện vọng thâm sâu của lòng mình. Sách mà đọc nhiều quá cũng có hại, vì nó không ảnh hưởng gì ta được cả. Người xưa có nói: "Tôi sợ người chỉ đọc có một quyển sách mà thôi".

Dưới đây, xin giới thiệu các bạn một số sách của người Tây phương viết về triết học Đông phương mà tự tác giả đã đọc qua và cho là hay.

�● Sách thuộc về triết học đại quan

1. *Histoire de la Philosophie orientale* của René Grousset (Lib. Valois). Sâu sắc.

2. *La Pensée Chinoise* của Marcel Granet (Renaissance). Công phu.

3. *Histoire de la Philosophie chinoise* của E. V. Zenker (Payot).

4. *Philosophie de l'Orient* (trong bộ Histoire de la Philosophie của

Masson-Oursel (Alcan). Nhiều ý kiến tân kỳ.

5. *Les trois Religions de la Chine* của W. E. Southil (Payot).

6. *L'Orient et sa Tradition* của Alfred Le Renard (Dervy).

7. *Les Cinq Grandes Religions du monde* của H. de Glassenapp (Payot). Quyển này thâm sâu.

8. *Histoire des Croyances religieuses et des Opinions philosophiques en Chine, depuis l'origine jusqu'à nos jours* của Wiéger. Công phu.

9. *Introduction générale à l'Etude des doctrines hindoues* của René Guénon (Chacornac). Rất hay.

10. *Orient et Occident* của René Guénon. Cần đọc kỹ.

11. *La métaphysique orientale* của René Guénon (Chacornac).

12. *Trois courants de la Pensée Chinois antique* của A. Waley (Payot).

�● Sách thuộc về loại tam giáo Phật giáo:

1. *La doctrine suprême* (2 quyển) của bác sĩ H. Benoit (Cercle du Livre). Thật hay.

2. *Lâcher prise* của H. Benoit. Trong mấy quyển này tác giả bàn rất sâu về Thiền tông (Zen).

3. *Essais sur le Bouddhisme en général et sur le Zen en particulier* của R. Linssen (2 quyển). Vắn tắt và hàm súc.

4. *Le Bouddhisme* của A. David-Néel (F. Alcan). Gọn gẫy và xác đáng.

5. *Les Enseignements secrets dans les sectes bouddhisles tibétains* của A. David-Néel. Thật hay (Adyar).

6. *Le Mental Cosmique* của Hsi-Yun. Sách nghiên cứu về Thiền tông (Adyar).

7. *Essais sur le Bouddhisme Zen* của Daisetz Teitaro Suzuki. Bộ này rất quý tuy rất khó đọc. (A. Michel).

8. *La Sagesse du Bouddha* của Georges Grimm (Lib. Paul Geuthner, Paris, 1931). Có thể nói là tinh hoa của Phật học.

9. *Sectes bouddhiques japonaises* của E. Steinilber Oberlin. Quyển này thật hay, văn chương lại bay bướm.

10. *L'Essence du Bouddhisme* của Daisetz T. Suzuki (Cercle du Livre). Chương đầu là một bài nghiên cứu của C. G. Jung về *Le Zen et l'Occident*. Rất thâm.

11. *La Religion du Bouddha* của Georges Grimm (A. Maisonneuve). Hay.

12. *Le Non-Mental selon la pensée Zen* của D. T. Suzuki (Cercle de Livre).

13. *Le Bouddhisme* của Entai Tomomatsu (F. Alcan).

Sách về Phật giáo còn rất nhiều, nhưng thiết nghĩ những cuốn trên đây đều là lựa chọn, nếu đọc kỹ, sẽ giúp ta có một cái vốn hiểu biết kha khá về Phật giáo.

Sách Việt về Phật giáo cũng khá nhiều, ngoài những bộ sách phổ thông của Phan văn Hùm, Thiện Chiếu. Ta nên đọc tạp chí *Viêm Âm* (Huế), là tạp chí về Phật giáo khá nhất trong nước từ trước đến giờ. Sách *Phật giáo triết học* của Phan văn Hùm, đại khái dịch từ sách Trung Quốc. Sách Phật giáo đại quan của Phạm Quỳnh rất tầm thường, chỉ dừng nơi luân lý đạo đức thông thường của Tiểu thừa. Sách Phật học tinh hoa của Thu Giang Nguyễn Duy Cần.

❋❋❋

Lão giáo:

- Sách Pháp.

1. *Les Pères du Système taoiste* của Léon Wiéger (Cathasia).

2. *La Sagesse Chinoise selon le Tao* của René Brémond.

3. *Wu-Wei* của H. Borel (Ed. du Rocher).

4. *L'Esprit du Tao* của Grenier (Flammarion).

5. *Le Taoisme* của Henri Maspéro (Civilisations du Sud S.A.E.P - Paris).

6. *Le Livre de la Voie et de la Vertu*, bản dịch của Stanislas Julien (1812). Rất công phu.

7. *La Voie et sa Vertu*, bản dịch Đạo Đức kinh của Houang Kia Tcheng và Pierre Leyris. Bản dịch khéo giữ được phần nào khí văn của nguyên tác.

- Sách Việt.

1. *Lão Tử* (1842) của Ngô Tất Tố - Nguyễn Đức Tịnh. Bình luận sai lạc nhiều và có nhiều thiên kiến đáng tiếc.

2. *Nam Hoa kinh* của Nhượng Tống dịch. (Tân Việt - Hà Nội). Bản dịch này chỉ dịch sát văn mà không sát ý. Không công dụng gì cả. Rất khó đọc.

3. *Đạo Đức kinh* bản dịch của Nghiêm Toản. Sách có tính cách giáo khoa hơn là phổ thông.

4. *Trang Tử tinh hoa* của Thu Giang Nguyễn Duy Cần.

(Khai Trí).

5. *Trang Tử Nam Hoa kinh*, bản dịch có chú giải và phê bình của Thu Giang Nguyễn Duy Cần.

6. *Lão Tử tinh hoa* của Thu Giang Nguyễn Duy Cần.

7. *Lão Tử Đạo Đức kinh*, bản dịch có chú giải và bình luận của Thu Giang Nguyễn Duy Cần.

❉❉❉

Nho giáo:

- Sách Việt.

1. Bộ *Nho giáo* của Trần Trọng Kim. Công phu.

2. *Khổng học đăng* của Phan Sào Nam. Sâu sắc nhưng khó hiểu.

3. *Vương Dương Minh* của Phan văn Hùm (Tân Việt). Công phu nhưng nông cạn.

4. *Vương Dương Minh* của Đào Trinh Nhất (Tân Việt). Tầm thường. Chưa thấu đáo phần hình nhi thượng của học thuyết.

5. *Đại cương triết học Trung Hoa* của Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê. Công phu nhưng thiên về phần hình nhi hạ, chưa thông suốt phần hình nhi thượng của triết học Trung Hoa.

- Sách Pháp.

1. *Textes Philosophiques* của L. Wiéger.

2. *Les quatre livres* của Couvreur.

3. *La Sagesse de Confucius* của Lin Yu Tang (Victor Attinger). Hay.

4. *Le Yih King* (texte primitif rétabli, traduit et commenté) của Ch. de Harlez (Bruxelles - 1889).

Nền tảng triết học Đông phương của Trung Hoa là ở Kinh Dịch.

Cái học về Dịch Kinh đã có nhiều học giả Việt Nam đề cập đến. *Tìm hiểu Kinh Dịch* của Bửu Cầm, chỉ mới in tập 1 (Nguyễn Đỗ): tập này khổ nhỏ, quá sơ lược và sơ đẳng. *Một nhận xét về Kinh Dịch* của Uyển Diễm thì đứng trên lập trường mát xích mà phê bình.

❉❉❉

Những sách về triết học Đông phương của Ấn Độ, tôi xin giới thiệu các bạn tủ sách *Les grands Maitres spirituels dans l'Inde contemporaine*, *Les*

trois Lotus, Bouddhisme et Jainisme và *Spiritualités Vivantes* (Albin Michel). Các bạn hỏi ngay nhà sách Adrien Maisonneuve, 11 Saint Sulpice, Paris.

Jean Hébert, Romain Rolland, René Guénon là ba học giả uyên thâm đáng là nhà hướng dẫn ta trong con đường đi tìm ánh sáng của triết học Đông phương.

Triết học phải là cái học căn bản cho các thứ học khác. Triết học giúp ta nhận chân được sự tương đối của khoa học, sự hạn định của nó trong vấn đề nhân sinh và nhắc cho ta nhớ rằng còn có nhiều giá trị khác nữa cũng không kém quan trọng.

❃❃❃

Tuy nhiên, học triết lý không có nghĩa là làm con mọt sách, nhớ vanh vách những gì kẻ khác đã nói, thuộc làu làu những hệ thống tư tưởng, những học thuyết của bá gia, để mà đem ra lòe người. Dù là những kẻ có cấp bằng tiến sĩ triết học mà chỉ là những kẻ giỏi thuộc lòng tư tưởng của kẻ khác, giỏi cái thuật nhớ dai để lặp đi nói lại cho kẻ khác nghe, chứ không biết suy nghĩ tư tưởng theo mình, kẻ ấy cũng vẫn là người chưa có óc triết học. Học triết học là để đào tạo cho mình cái khiếu ham suy nghĩ, biết tư tưởng, biết phán đoán, biết nhìn xét việc đời bằng một luồng mắt thống quan, biết tìm hiểu những ý nghĩ sâu kín bên trong các sự vật.

Tôi có nhiều người bạn rất sành về triết học, họ lại là người có những mảnh bằng cao. Mỗi khi ngồi hầu chuyện với họ, tôi hết sức bực mình vì bị gán là kẻ mang đầu kẻ khác mà suy nghĩ. Bất cứ là mình nói với họ những gì thì đã bị họ cắt ngang và bảo: đó là của Hegel hay đó là của Descartes. Thật là những người đáng thương hại với cái vốn học vấn không "tiêu hóa" của họ.

Ông Phan văn Hùm, trong bài tựa quyển Phật giáo triết học có nói: "Tôi muốn sao như vị hòa thượng kia ở Trung kỳ. Ngài sung sướng đề lên vách chùa bốn câu tuyệt diệu:

Kinh điển lưu truyền tám vạn tư
Học hành không thiếu, cũng không dư.
Năm nay tính lại: chừng… quên hết,
Chỉ nhớ trên đầu một chữ "như".

Có học, có hiểu rồi có quên đi hết, mới thật là nhập diệu, mới không câu nệ như sách. Mới thoát được lên trên một học thuyết mà điều khiển những vấn đề thuộc về nó, không để bị điều khiển bởi học thuyết hay bởi vấn đề. Jules Lachelier chấm vở của Emile Boutroux ở trường Normale Paris, luận về một điểm nọ trong học thuyết Spinoza có đề một câu sâu sắc: "Pour comprendre un système, la première condition est d'y entrer, mais, la seconde d'en sortir" (Để hiểu đặng một học thuyết, điều thứ nhất là phải vào trong đó, và điều thứ hai là phải ra khỏi nó).

Người có óc triết học không phải là người chết trong các chồng sách triết học, mà là người đã biết thần hóa cái học của mình rồi. Pascal nói: *"La vraie philosophie se moque de la philosophie"*. (Chân triết học chả cần gì đến triết học).

C. Biết xúc cảm

Biết xúc cảm là điều kiện cốt yếu để tạo cho mình một cơ sở văn hóa sâu sắc hơn.

Thật vậy, ta thường gặp biết bao kẻ học giỏi, biết tư tưởng, biết phán đoán nhưng dường như cơ sở học vấn vẫn ở mực tầm thường mãi. Là tại sao?

Là vì họ thiếu "ngọn lửa" lòng, họ là những tâm hồn thiếu hăng hái, thiếu say mê vì ít thắc mắc và rất dễ dãi đối với bất kỳ việc gì. Sở dĩ họ cố công học hỏi ngày đêm là vì phải trải qua những kỳ thi khó khăn. Bởi vậy họ phải "học gạo", chỉ học và đọc những gì có trong chương trình thi mà thôi, những môn nào không bắt buộc phải thi thì họ dẹp lại một bên, vì miễn cưỡng nên họ xem sự học như một phận sự phải làm, không gì hứng thú cả. Đến khi họ trở thành một nhà giáo, họ cũng vẫn dạy cho có dạy; không phải bài dạy của họ sai lầm hay vô ý thức, nhưng họ dạy một cách buồn chán, lạnh lùng, họ chỉ dạy trong chương trình trung học hay đại học, một cách lạt lẽo, không gây được lòng hăng hái hâm mộ của học sinh, cũng không truyền được cho học sinh lòng nhiệt thành ham mê học hỏi gì cả. Họ thiếu ngọn lửa thiêng của lòng hăng hái.

❋❋❋

Người ta đã nhận xét rất đúng: "Thiếu dục vọng, khó mà làm nên đại sự". *Kẻ thiếu nhiệt thành là những kẻ tầm thường.* Học mà không biết ham mê,

không bao giờ thành công. Luận ngữ có nói: *"Biết mà học, không bằng thích mà học, thích mà học không bằng vui say mà học"*.

❋❋❋

Làm sao tạo cho mình một tâm hồn nhạy cảm? Một tình cảm dồi dào?

Phương pháp thứ nhất là sống cho kẻ khác.

Sống cho kẻ khác là biết hy sinh cho kẻ khác, lấy hạnh phúc của người làm hạnh phúc của mình, tức là biết cảm và biết yêu. Kẻ mà không biết yêu ai cả, không biết thương thân phận của những người khác ngoài cái thân phận của mình, tức là người sống một đời chỉ lo cho mình thôi, là người mà tâm hồn cằn cỗi, không thể là một con người văn hóa cao được. Người có văn hóa cao là người có tâm và có trí. Một văn hào Pháp có nói: "Những tư tưởng cao cả đều do quả tim mình mà ra cả". Chính vì lòng yêu nhân loại mà Pasteur tìm kiếm và phát minh vô số phương thức cứu nhân loại. Thích Ca, Jésus phải chăng là những bậc phi thường chỉ nhờ một tấm lòng yêu thiết tha nhân loại hơn người? Nói thế không phải muốn nói rằng chỉ có lòng yêu nhân loại mới xui người làm nên những phát minh vĩ đại. Có rất nhiều nhà bác học đại tài lại đi phụng sự bạc tiền và quyền thế thì sao? Không! Con người văn hóa cao, trước nhất phải là một người xứng đáng danh hiệu con người, nghĩa là trước hết phải là một người tài và đức, một người quân tử. Người chỉ có tài mà không có đức, không những là một người chỉ có hại cho đời mà thôi, tự mình lại cũng chưa hoàn thiện được sứ mạng làm người của mình.

❋❋❋

Phương pháp thứ nhì để tạo cho mình một mối cảm xúc dồi dào phải cậy đến *văn nghệ*. Văn nghệ làm tăng gia xúc cảm của ta bằng cách khích động nó. Thi ca, kịch, nhạc, họa... sẽ gây cho ta những xúc cảm mỹ thuật dồi dào. Thường ta gặp một cảnh hoạn nạn thương tâm, ta hay đem lòng thương cảm, rồi nhân cái đau khổ của người, ta liên cảm đến cái đau khổ của ta, nhờ vậy ta thấy mình biết cảm và ra khỏi cái tâm trạng khô khan của một tâm hồn không biết rung động.

Trên màn bạc hay sân khấu, kịch sĩ đã khéo gây thương cảm và làm cho lòng ta bồi hồi xúc động đến rơi lệ. Những vở tuồng hay là những vở tuồng bắt ta thấy lòng ta nhẹ nhàng vì đã biết cảm động và đau khổ cái đau khổ của

kẻ khác. Có điều là kẻ đi xem kịch mà khóc vẫn biết là mình khóc những cảnh thương tâm trong tưởng tượng chứ không phải những cảnh thương tâm có thực. Vì thế mà ta ưa nó hơn những cảnh thực ở ngoài đời.

Ta đòi hỏi nơi nghệ sĩ cái tài tạo ra xúc cảm. Nhân loại đều ngưỡng vọng các nghệ sĩ, là tại sao? Là vì ai ai cũng đều muốn sống trong mộng, muốn thoát ra khỏi một cõi đời tẻ nhạt, vô vị, chán nản bằng cách lao mình vào ảo vọng. Nghệ sĩ sở dĩ được coi là cao quý tùy tài nghệ tạo xúc cảm của họ đã khéo đưa ta vào cõi mộng đến bậc nào và đó cũng là một sự đắc ý tạm thời của ta đối với những đau khổ, chán chường của cõi đời thực tế.

Phải chăng câu thơ hay là câu thơ làm cho lòng ta xúc cảm. Và *Truyện Kiều*, sở dĩ được đa số ưa thích phải chăng vì cốt truyện cũng như văn chương thật là lâm ly cảm động?

Trong chương trình văn hóa của người trí thức ngày xưa có bốn hoạt động văn nghệ là *cầm, kỳ, thi, họa* kể ra cũng rất là chu đáo. Theo chỗ tôi biết, người học thức ngày xưa ít thấy có người nào là không biết làm thơ, không thích ngâm thơ.

Mà thơ là một nghệ thuật bao gồm gần hết các nghệ thuật. Théodore Bainville nói: *"Thơ là gồm cả âm nhạc, hội họa, điêu khắc, hùng biện. Và phải chăng nó là một nghệ thuật bao gồm đầy đủ nhất?"* Và theo Lamartine, một câu thơ hay phải gồm đủ bốn yếu tố sau này: phải *có cảnh, có tình, có tứ, có nhạc*. Nghĩa là nó phải thể hiện được một cái *tứ* cho trí não, một cái *tình* cho tâm cảm, một *hình ảnh* cho con mắt và một *nhạc điệu* cho lỗ tai.

Như vậy những câu thơ sau đây của Nguyễn Du:

"Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa,
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu.
Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi".

phải chăng là những câu thơ tuyệt hay vì nó gồm đủ cả bốn yếu tố đã nói trên, có sức gợi cảm mãnh liệt.

❉❉❉

Thơ hay là ở sự *khêu gợi*, chứ không phải ở chỗ nói hết được ý mình. Những cái mung lung, mờ mịt càng kích động óc tưởng tượng và làm cho câu thơ trở nên huyền ảo ly kỳ. Tiếng đờn hay là hay ở dư âm. Câu thơ hay là hay ở chỗ hàm súc, lời vắn tắt mà hậu ý thâm trầm, man mác.

Trong Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị có câu:

"Thủy tuyền lãnh sáp huyền ngưng tuyệt,
Ngưng tuyệt bất thông thanh tạm yết.
Biệt hữu u tình ám hận sinh,
Thử thời vô thanh thắng hữu thanh".

Tạm dịch:

"Doành lạnh ngắt tơ mành như đứt,
Đứt chẳng thông tạm ngớt cung tơ.
Như sầu như ngẩn như ngơ,
Tứ riêng hay gấp tiếng tơ muôn phần".

(Khuyết danh)

Thơ, thuộc về tâm cảm hơn là lý luận, vì vậy có kẻ khuyên nên đọc thơ bằng con tim hơn bằng khối óc. Lời khuyên ấy, kể ra cũng có lý.

❉❉❉

Con người đâu phải chỉ sống bằng lý, mà cũng phải sống bằng tình. Một đời sống mà người ta chỉ nghĩ đến ăn, ngủ, làm việc mà lòng mình không bao giờ biết đến những xúc cảm mãnh liệt của tâm tình, thì dễ chán làm sao!

Một nhà trí thức có văn hóa cao mà không thích thơ, hoặc không biết làm thơ, không biết thế nào là một câu thơ hay và hay ở chỗ nào thì tôi cho là một điều thiếu sót đáng tiếc. Có nhiều kẻ đã vu cho thơ là mơ mộng, là huyền ảo, là lơ lửng trên hư không. Nhà văn Ernest Bersot trả lời: *"Người ta thường tin tưởng rằng thơ là giả dối bởi nó biến thế tất cả những gì nó mó đến; người ta lầm: Thơ, không phải là giả dối, nó chính là chân lý đấy, nhưng là thứ chân lý mãnh liệt hơn cái chân lý trong đời sống tầm thường".* [2]

Theo Lamartine: "Thơ là một sự an ủi tâm hồn mình bằng những tiếng khóc nức nở của quả tim". Nó là tiếng "kêu thương, rên rỉ" của tâm hồn. Bởi vậy Anatole France mới nói: *"Khoa học không quan tâm gì đến việc làm vui*

lòng hay làm buồn lòng ai cả. Vì vậy, nó không có lòng nhân. Thơ làm cho ta say mê ngây ngất, an ủi vỗ về ta, cho nên nó còn cần thiết hơn là khoa học” [3].

Nhà bác học Darwin, lúc về già than thở vì đã mất hứng thú về mỹ cảm: *“Từ mấy năm nay tôi không thể đọc được một câu thơ nào cả. Tôi cũng không thể đọc Shakespeare, lại cũng đã không còn ưa thích họa và nhạc nữa. Than ôi, mất những hứng thú ấy là mất một nguồn hạnh phúc, có thể rất nguy hại đến sự thông minh và tính tình của mình, làm giảm mất cảm xúc của tâm hồn”* [4]

Phương pháp thứ ba là biết sống một mình trong cô tịch, giữa cảnh vật thiên nhiên.

Sống trong xã hội, người ta vì nể nhau mà phải bị bắt buộc sống trong giả dối. Cả một giàn “nghi lễ” giả tạo bắt buộc ta phải dẹp tình cảm ta qua một bên, tỏ vẻ lạnh lùng và cố giữ vẻ trầm lặng bí ẩn. Chẳng những ta không được quyền bộc lộ bản tính của ta, lại còn bị phong tục, tập quán xã hội làm lệch đi và lại phải thay vào đó bằng những cử động, những cảm tưởng mà xã hội thời thượng chấp nhận, dù là trái với tâm cảm của ta. Cái sống phiền phức, nhộn nhịp của đô thị dễ làm khô héo tình cảm thanh cao của ta. Sống trong cô tịch là dịp hay để mình sống trở lại trong sự thành thực với cõi lòng.

Trong những lúc mà văn minh trở nên phiền phức nhất có lẽ là những lúc mà lòng người cảm thấy ham thích cái thú sống trong những cảnh thiên nhiên cô tịch nhất. Là vì cái đời sống cạnh tranh nhộn nhịp khiến lòng ta càng khao khát sự sống trong yên tĩnh, thành thực và tự do. Sống được năm ba ngày trong thôn quê, nơi một làng mạc xa xôi hẻo lánh đem lại cho tâm hồn mình một liều thuốc thanh lương và giải thoát.

Lại nữa, nếu cảnh vật thiên nhiên càng gồ ghề hùng vĩ thì sự tẩm bổ tinh thần lại càng thêm sâu mạnh. Con người đứng trước những cảnh tượng bao la bát ngát, trước những lực lượng tự nhiên vô cùng vĩ đại dường như luôn luôn lăm le chìm đắm ta trong vực sâu hay nghiền nát ta như tro bụi... thì những bản giá trị sai lầm cốt đề cao bản ngã của ta mà ta đã sống hàng ngày, trong xã hội phù phiếm xa hoa, bỗng biến lần và có khi mất hẳn nơi tâm hồn ta. Trước cảnh vật vô cùng hùng vĩ, con người cảm thấy những cao vọng của mình đều là ti tiện không đâu. Một thứ tình cảm thanh cao sâu sắc xâm

chiếm tâm hồn ta và nâng nó lên cao trên những vùng cao nhất của tinh thần. Khí tượng như chim phụng hoàng trên mây xanh thì những lợi hại cỏn con không còn động được tâm nữa.

Thánh Bernard có nói: *"Anh sẽ tìm được một cái gì rộng rãi và sâu thẳm trong những cảnh rừng hoang vu vắng lặng hơn là trong sách vở".* Vì vậy, ta đã thấy, các bậc đạo học cao thâm thường là những kẻ thích sống trong những cảnh non cao rừng thẳm, chẳng phải để tránh đời mà là vì hợp với tâm hồn thiên về hướng nội của mình hơn. Kẻ nào thích sống một mình, bao giờ cũng là người thâm trầm sâu sắc hơn kẻ thích sống trong nhộn nhịp tưng bừng của bè bạn, hội hè. Ảnh hưởng của thiên nhiên đối với tâm hồn thật là rõ rệt như ta đã biết qua khi bàn đến trước đây về ảnh hưởng của địa lý đối với tâm tính con người. Người xưa tin nơi địa lý cũng có một phần nào đúng với tâm lý đã nói trên:

"Hồng lĩnh sơn cao,
Song ngư hải khoát.
Nhược ngộ minh thời
Nhân tài tú phát".

Hoan Châu

(Nguyễn Thiếp)

Văn hào André Maurois cũng có nói:

"Những người làm việc nhiều nên thỉnh thoảng sống một đời sống ẩn dật", "họ tìm về nhà quê, bên sườn núi, hay những bãi bể vắng vẻ để xa hẳn với mọi liên lạc, từ chối cả sự luyến ái tâm tình cùng bè bạn. Trong một khung cảnh rộng rãi bát ngát như thế mới thích hợp với tâm hồn của họ được. Ở giữa sự nhộn nhịp tưng bừng của các đô thị lớn, một tuồng hát, một bài báo, một câu chuyện ngồi lê đôi mách cũng sẽ thành ra điều quan trọng, lấn át cả công việc của ta, cả tình cảm đứng đắn của ta. Nhưng dưới cảnh trời sao mênh mông bát ngát, những chuyện vụn vặt ấy phải chìm lần mất hẳn trong bóng tối. Trong sự im lặng ban đêm và trong sự im lặng của tâm hồn, trên những khoảng bao la man mác thì mọi sự phù phiếm vô giá trị đều bị gạt bỏ hết, và ta có thể xây dựng được những công trình lâu dài. Sự tĩnh mịch không bao giờ làm hèn yếu con người đâu" [5].

----

[1] Nhà sách Hachette xuất bản.

[2] "On croit trop souvent que la poésie est un mensonge, qu'elle altère tout ce qu'elle touche; on se trompe: elle n'est pas un mensonge, elle est la vérité même, mais la vérité plus forte que celle de la vie vulgaire".

[3] "La science ne se soucie pas de plaire ni de déplaire. Elle est inhumaine. C'est la poésie qui charme et qui console. C'est pourquoi la poésie est plus nécessaire que la science".

[4] Vie et Correspondance de Charles Darwin - p.104 - (Trad. De Varigny)

[5] André Maurois - Un art de vivre (Plon, 1939).

CHƯƠNG THỨ TÁM

Một Vài Nguyên Tắc Làm Việc

A

Nguyên tắc thứ nhất là đi từ cái dễ đến cái khó, và phải tin ở sự thành công. Đừng đặt mục đích của mình cao quá, quá cái khả năng và phương tiện của mình. Đặt cho mình một mục đích quá cao để rồi không thể đạt được thật là một việc chẳng những vô ích lại còn nguy hiểm là khác. Là vì sự thất bại sẽ giết mất lòng tự tin và làm tê liệt sức cố gắng của mình đi. Goethe thường khuyên các nhà thơ trẻ tuổi nên làm các bài thơ ngắn trước khi viết những thiên anh hùng ca. Đối với một tác phẩm to và phiền phức, hãy bắt đầu viết những phần dễ nhất trước. Nếu con đường quá dài, không sao đi một mạch được thì tốt hơn là *chia nó ra từng đoạn và thi hành cho xong từng đoạn một*. Người đãng trí cho cái gì cũng dễ để rồi thất vọng; người ươn hèn cho cái gì cũng khó để rồi không chịu làm gì cả; chỉ có người thông minh mới biết rằng không có gì là dễ dàng cả, nhưng với sự cố gắng và biết phân phối tổ chức thì rồi việc gì cũng sẽ trở nên dễ dàng cả. Dĩ nhiên, đâu phải làm việc mười giờ một ngày mà ta có thể trở thành một đại thi sĩ. Phải có năng khiếu. Nhưng cố gắng mãi thì cũng có khi *"thiên tài chỉ là một sự kiên nhẫn lâu ngày"* mà thành.

❇❇❇

B

Nguyên tắc thứ hai để làm việc có hiệu quả là phải *làm việc đều đều, không nên để gián đoạn*. Nhà văn Émile Zola có cho khắc trên phòng ông câu này: Nulla dies sine linea, nghĩa là "không một ngày nào mà không viết một hàng". Thật sự, mỗi ngày ông viết có cả nghìn hàng chữ, nhưng câu châm ngôn trên đây là một khẩu hiệu rất hay để bắt buộc mình làm việc đúng giờ và đều đều không gián đoạn. Đừng bắt chước việc làm của những kẻ làm việc suốt ngày suốt đêm, để rồi nằm không chổng cẳng ngủ cả hai ba tuần lễ sau. Đây là một nguyên tắc làm việc rất hay cho bất cứ một sự học hỏi hay việc làm nào. Cứ ngày nào cũng học mười lăm phút đồng hồ thôi, nhưng

ngày nào như ngày nấy, không bao giờ sai chạy. Đó là một thói quen rất tốt cho những ai muốn làm nên việc lớn và đó cũng là một phương pháp để luyện tập ý chí.

Lương Khải Siêu, trong *Ẩm Băng Thất* có viết:

"... Hồ Văn Trung khi ở trong quân, mỗi ngày đều đọc Thông Giám mười tờ".

"Tăng Văn Chính khi tại quân, mỗi ngày đều viết nhật ký vài mục, đọc thơ vài bài, đánh cờ một bàn".

"Lý Văn Trung mỗi ngày dậy sớm viết theo Lan Đình một trăm chữ".

"Suốt đời họ, lấy đó làm thường thường, người thường tình thấy thế, há chẳng cho rằng những sự tiểu tiết ấy không có liên lạc gì đến việc lớn sao? Nhưng các người ấy đâu hiểu đặng rằng đặt ra các phép tắc có chừng mực và làm theo đó luôn luôn một cách không sai chạy, thật là một sự to tát đệ nhất của phẩm giá con người. Kẻ khéo quan sát đều xem xét mãnh lực tinh thần con người bằng cách ấy".

Sự làm việc, có ngày ta hăng hái, có buổi ta uể oải, bơ phờ. Nhưng kinh nghiệm cho ta biết rằng, dù có hứng hay không có hứng, phải tự mình cương quyết đặt cho mình một kỷ luật là phải ngồi lại bàn viết, cầm cây viết lên, rồi thì "cái máy" của ta bắt đầu "ấm" lại và "mở máy" chạy như thường. Đừng bao giờ tự nhủ: "Hôm nay thấy trong mình không muốn làm việc. Vậy hẹn ngày mai!" Đó là cách nuôi dưỡng cái tính lười biếng của ta mà thôi.

Bàn viết của tôi bao giờ cũng sẵn sàng giấy mực cả. Viết của tôi luôn luôn đầy mực. Thời dụng biểu cùng chương trình làm việc đã ghi rõ chiều hôm qua những gì tôi làm sáng hôm nay. Tất cả đều sẵn sàng chờ đợi tôi. Chỉ chờ có tôi đến ngồi là tất cả "guồng máy" bắt đầu làm việc theo ý muốn.

❋❋❋

C

Nguyên tắc thứ ba là bất cứ học môn nào phải *khởi đầu bằng những yếu tố đầu tiên của môn học ấy*, nghĩa là khởi học lại những căn bản sơ đẳng và *đừng bao giờ đốt giai đoạn*. Phần nhiều những thất bại về tinh thần đều do sự không biết xây đắp vững chắc cho nền tảng học thức đầu tiên của ta.

Một phần đông chúng ta ngày nay thích học nhảy giai đoạn, *"học tắt"*. Họ muốn nghiên cứu đến các khoa học phức tạp, về những vấn đề hết sức

gay go trong khi họ không hiểu gì ráo về hình học và đại số học sơ đẳng. Có nhiều cô cậu bàn luận đến Einstein mà chưa hiểu nổi Euclide!

D

Nguyên tắc thứ tư: Biết lựa chọn

Biết lựa chọn là biết lựa chọn những công việc nào hợp với khả năng của mình. Và một khi đã lựa chọn xong thì hãy can đảm thực hiện cho kỳ được môn mình đã lựa chọn.

Ta chỉ có thể là một nhà viết tiểu thuyết, hoặc một nhà đại thương gia hay một nhà chính trị, nhưng đừng cao vọng mình sẽ kiêm luôn cả ba, trừ ra những kẻ phi thường.

Tuy nhiên, nếu ta quá chăm chú vào một việc gì thì ta cũng phải thỉnh thoảng *biết giải trí bằng cách thay đổi công việc làm*. Ignace de Loyola khuyên các tu sĩ dòng Da Tô đầu tiên đừng bao giờ làm quá hai tiếng đồng hồ vào một công việc. Ở nhà trường, thời dụng biểu không bao giờ cho dạy luôn một môn suốt ba tiếng đồng hồ. Đó là một nguyên tắc làm việc rất hay. Trong đời ta phải có một trung tâm hoạt động duy nhất và ít ra cũng có vài trung tâm hoạt động phụ thuộc.

E

Nguyên tắc thứ năm là phải biết *quý thời giờ làm việc* của ta và đặt cho nó thành một kỷ luật.

Đối với người làm việc, cần phải có bổn phận là gạt bỏ những kẻ làm mất thời giờ của mình, tức là những kẻ phá quấy ta. Lễ độ, nhẫn nhục đối với họ đều là những lỗi lầm nặng. Phải hết sức gắt gao đối với hạng người này, đón rước họ tức là mình tự phá hoại đời mình đó.

Goethe khuyên ta: “Phải tuyệt đối sửa dạy những kẻ đến quấy rầy ta cho họ mất cái thói đến làm rộn mình mà không cho hay trước. Họ chỉ đến bắt ta phải nghe chuyện của họ. Ai muốn làm việc ích lợi cho đời phải coi chừng, đừng để bị kẻ ấy đến quấy rối”. Khi gặp phải trường hợp có kẻ xông vào phòng ông làm việc một cách trâng tráo, thi sĩ giữ một thái độ hết sức lạnh lạt làm cho họ phải thất vọng ngay: Goethe chỉ chấp tay sau lưng, không nói một tiếng gì cả. Nếu khách là một người danh giá thì Goethe chỉ làm bộ ho hen và thỉnh thoảng: “Hừ! Hừ!...” cho qua, thế là câu chuyện đứt ngang. Đối với thư từ, thi sĩ chia ra làm hai loại: thư xin xỏ cầu cạnh thì ông liệng vào

sọt giấy, chỉ thư nào giúp ông có được cơ hội để tiến thêm thì ông mới chịu trả lời. Ông lại thường nói: "À! Thanh niên! Các anh không biết giá trị của thời giờ". Kể ra cách cư xử ấy có thể xem là tàn nhẫn thật, vì cũng có không biết bao bậc vĩ nhân sẵn sàng trả lời cho tất cả mọi người cần đến mình, trong đó có rất nhiều kẻ đáng thương hại và đáng nâng đỡ. Nhiều người cho rằng cách cư xử của Goethe thiếu hẳn lòng nhân, nhưng sự thiếu lòng nhân ấy đã giúp ông để lại cho hậu thế những tác phẩm như *Faust* và *Wihelm Meister*. Thực sự, kẻ nào tự mình để cho kẻ khác xâm chiếm sẽ bị xâm chiếm, và rốt cuộc rồi cũng sẽ không để lại được cho đời một công trình gì đáng kể. Kẻ nào ham mê làm việc phải biết từ khước tất cả mọi việc nhảm, làm phí thời giờ quý báu của mình, như những cuộc hội họp, trò chuyện, tán hão và không đâu. Goethe lại còn khuyên ta đừng quan tâm đến thời sự, nếu tự mình không có phận sự gì để thay đổi được cuộc diện xã hội. Nếu mỗi sáng đều phí mất một vài giờ đồng hồ để theo dõi tin tức chiến tranh ở ngoài tận xa xăm mút bên kia thế giới, để suy nghĩ vẩn vơ về những hậu quả tai hại của thời cuộc có thể sẽ xảy ra trong khi chúng ta chẳng phải là một nhà chính khách, một vị tướng lãnh hay một ký giả hoặc không phải là gì gì cả thì liệu chúng ta có làm việc gì được cho xứ sở không, lại còn làm mất thời giờ quý báu một cách rất vô ích trong một cuộc đời ngắn ngủi và chỉ sống có một lần thôi.

Kỷ luật *"quý thời giờ"* này bắt ta đừng để cho tình cảm không đâu làm phí tổn thời giờ khó kiếm của ta trong khi đang làm một công việc quan trọng. Cái ý nghĩa cao cả về đời sống của một bậc nam nhi không phải ở trong những mối tình cảm cỏn con, chỉ làm tổn mất thời giờ vô ích. Người quyết tâm làm nên đại nghiệp cần phải biết hy sinh. Có nhiều bạn trai đầy nhựa sống, đầy thiện chí, đầy khả năng làm việc và học hỏi lại bỏ mất thời giờ quý báu của mình để bận đến những mối tình "đầu lưỡi" của các bạn gái lãng mạn. Người đàn bà là một "cạm bẫy", kẻ nào sa vào đều hỏng cả cuộc đời mình. Có bao kẻ học thi lại vì những tình cảm không đâu, đành phải làm hại cả một đời mình vì một vài cô nhí nhảnh! Phải dám hy sinh tình cảm mình cho những công trình quan trọng hơn.

Đọc tiểu sử các bậc vĩ nhân anh hùng, ta thấy rõ rệt điều này: họ không bao giờ để ái tình họ trên sự nghiệp. Những bậc nam nhi mà đời họ chỉ biết

nuông chiều theo tình cảm, phí thời giờ để làm vui lòng người đàn bà, suốt đời sẽ không làm nên đại nghiệp gì cả và có khi vì thế mà tan nát cả tương lai mình là khác. Bởi vậy, người đàn bà làm nên sự nghiệp cho chồng, giúp cho chồng đạt thành sở nguyện bằng sự hy sinh, không đòi hỏi nơi người đàn ông phải vì mình mà làm mất những thời giờ quý báu trong khi làm việc. Bà vợ của Edison là tấm gương người đàn bà của một bậc vĩ nhân. Bà kính cẩn tôn trọng những giờ phút làm việc của chồng như một cái gì thiêng liêng bất khả xâm phạm, và suốt đời không bao giờ đòi hỏi chồng phải chiều chuộng mình mà làm mất thời giờ quý báu của chồng.

❋❋❋

F

Nguyên tắc thứ sáu là biết dùng thời giờ làm việc và tiết kiệm từng phút một.

Thời gian đối với một kẻ lười biếng thì dài lê thê bất tận, họ tìm cách giết thời giờ mà giết không sao cho hết. Trái lại, đối với những kẻ ham làm việc và học hỏi thì ngày giờ eo hẹp vô cùng. Một đời sống như của *Pascal* hay *Spinoza* tuy rất ngắn ngủi nhưng thật là phong phú lạ; trái lại, có những cuộc đời dài lê thê mà vô vị và khô khan như bãi sa mạc.

Thời gian làm việc rất ngắn. Nếu kể 60 năm là hạn, mà phải trừ lại tuổi của lúc ấu thơ, những giấc ngủ thì chỉ còn lại bao nhiêu năm? Ba mươi năm là cùng. Thế mà nếu lại trừ bớt trong 30 năm ấy những thời giờ tắm rửa, ăn uống, tiêu hóa, đau ốm, mệt mỏi, những cuộc viếng thăm, xã giao, tán nhảm, thư từ, nghỉ hè, cùng những thời giờ bị kẻ ở không đến quấy rối thì còn lại bao nhiêu năm để làm việc bằng trí? Mươi hoặc mười hai năm là nhiều nhất! Kinh khủng chưa?

Những kẻ bị nghề nghiệp ràng buộc, đầu tắt mặt tối thì dĩ nhiên không sao còn có thời giờ nhàn rỗi. Đối với họ, đời sống trôi chảy một cách lạnh lùng, tẻ nhạt và không gì gọi là có tư tưởng cả! Nhưng giả sử bạn là một sinh viên, bạn là người có phúc hơn nhiều và được nhiều ưu đãi vì bạn được có thời giờ tự do để làm việc và học hỏi, bạn thử tính lại ngày giờ làm việc thật của bạn được là bao? Nhất là trong những giờ bạn làm việc, thời giờ lo tìm từ điển, chép bài, nói chuyện khào, đọc sách nhảm hay nhật báo, thời giờ làm việc của các bạn thực sự còn có là bao? Giỏi lắm là hai mươi phút trong

một giờ là cùng. Nhưng hai mươi phút ấy cần phải để mà suy nghĩ, nghiền ngẫm, đem tất cả nghị lực vào việc làm, không xao lãng.

Trong thời gian hai mươi phút làm việc của ta trong một giờ ấy, ta có để mất nó nữa không? Thiếu gì cơ hội bất thường đến làm cho ta bị xao lãng mà phải bị ngưng công việc. Một con ruồi rớt trong bình mực cũng là một cơ hội để ta bị xao lãng. Con mèo kêu trên mái nhà, cánh cửa bị gió đập mạnh, một chiếc xe hơi đậu lại trước nhà mà máy vẫn chạy... đều là cơ hội để ta bị xao lãng. Trong khi đi tìm một chữ nào ở tự điển lại cũng có khi bị quyến rũ mà liếc mắt xem mấy chữ kế bên, hoặc nếu là một quyển tự điển có hình nhiều làm sao tránh khỏi không xao lãng mà nhìn sang các hình bên cạnh. Rồi đến lượt có một tờ báo đến nhà, mình cũng ngưng đi một chút để xem qua các tít. Có gì đâu, chỉ vài phút thôi là xong! Đó là chưa nói đến những mơ mộng phiêu lưu theo sự khêu gợi của một vài danh từ quen quen! [1]

Littré [2] lúc ban mai, khi ông chờ người bồi phòng làm xong công việc dọn dẹp, ông viết bài tựa cho bộ *tự điển* khổng lồ của ông. Có những phút đồng hồ kể là bỏ mà người biết tiết kiệm thời giờ lại dùng nó để làm được nhiều công trình to lớn. Ông d'Aguesseau thay vì rầy rà, bất bình bà vợ có tính chậm chạp bắt ông luôn luôn chờ đợi lúc giờ ăn, ông lợi dụng những phút đợi chờ ấy mà viết một quyển sách. Ngày kia, ông đưa cho bà quyển sách ấy và nói: "Đây là những món ăn *'đầu bữa'* của tôi đây". [3]

❉❉❉

G

Nguyên tắc thứ bảy là hễ làm việc gì thì hãy làm cho hoàn tất, đừng phải trở lại một lần thứ hai. Đó là một thói quen rất tốt cho tất cả mọi công việc.

Chesterfield trong một bức thư gởi cho con có nói: "Không có gì dễ bằng, miễn là *chỉ nên làm một việc thôi và đừng bao giờ để qua ngày mai việc gì ta có thể làm ngay bây giờ*".

Việc gì cũng vậy, hãy từ từ mà làm, đừng làm hối hả, vụt chạc, làm một cách tắc trách mà phải làm một cách đàng hoàng dứt khoát với tất cả tâm hồn. Phải tập quen cái tính này: không bao giờ chịu làm một việc gì mà làm cho có, miễn cưỡng, cẩu thả và phải làm lại một lần thứ hai.

Khổng Tử có nói: *"Học cho rộng, hỏi cho kỹ, phân biện sáng rõ, làm cho hết sức. Có điều không học, nhưng đã học điều gì không hay, không thôi. Có*

điều không hỏi, nhưng đã hỏi điều gì mà không biết, không thôi. Có điều không phân biện, nhưng đã phân biện điều gì mà không minh bạch, không thôi. Có điều không nghĩ, nhưng đã nghĩ điều gì mà không nghĩ đến nơi, không thôi. Có điều không làm, nhưng đã làm điều gì mà chưa tận lực, không thôi. Người ta dụng công một, ta dụng công một mà không được thì phải dụng công gấp trăm, người ta dụng công mười, ta dụng công mười mà không thành thì phải dụng công gấp nghìn để đến kỳ được mới thôi. Nếu quả theo được đạo ấy thì tuy ngu rồi cũng thành sáng, yếu cũng thành ra mạnh" (Trung Dung). [4]

H

Nguyên tắc thứ tám là muốn làm việc cho có hiệu quả thì phải có một *sức khỏe* dồi dào.

Một thân thể tráng kiện là điều kiện cốt yếu cho một tinh thần sáng suốt. Bệnh hoạn là một trở ngại to tát cho sự làm việc bằng trí óc.

Tôi có nhiều bạn văn, ngày nay đã ra người thiên cổ vì đã làm việc không nguyên tắc, không biết giữ gìn sức khỏe. Họ làm việc ban đêm với chè tàu và cà phê, thuốc lá... Sống trong những căn phòng tồi tàn, không đủ không khí, vì vậy, bệnh tật dấy lên và cướp mạng sống họ trong lúc tuổi mới vừa ba mươi, tương lai đang đầy hứa hẹn.

Có người bảo: *"Ba điều kiện để được thành công là: tài hoa, sức khỏe và may mắn!"*. Lời nói ấy gẫm cũng chí lý. Épicure có nói: *"Một thân thể không đau, một tinh thần không loạn, đó là chân hạnh phúc của con người"*. Thật vậy, có được một tinh thần không loạn cũng nhờ một phần nào nơi một thân thể không đau. Ảnh hưởng của sức khỏe đối với tính tình và tư tưởng của ta đâu phải là thường!

Như vậy, điều kiện đầu tiên của sự thành công là có được một thân thể tráng kiện. Và muốn được như thế, dĩ nhiên là phải có đủ những điều kiện sau đây: ăn uống đầy đủ, bổ dưỡng, nhẹ nhàng, vận động thân thể vừa vừa, đừng nặng nhọc lắm, thường sống ngoài trời có gió, có nắng và nhất là có được những giấc ngủ ngon lành. Sự vui vẻ cũng là một liều thuốc bổ nhất.

Giấc ngủ là quan trọng hơn hết. Nhưng đừng ngủ thái quá, nhất là "ngủ nướng". Ngủ nhiều quá làm cho máu chạy chậm lại, làm cho cảm giác nhụt lần và óc thông minh thêm nặng nề uể oải. Nhưng, ngủ vừa đủ để lấy lại sức

khỏe là cần nhất. Về số giờ phải ngủ thì không sao định được, nó tùy mùa, tùy công việc làm nặng nhẹ, tùy sự mệt mỏi nhiều ít. Chính mỗi người, tùy nhu cầu mà tự định đoạt lấy.

Nhưng nếu mình cảm thấy mất ngủ thì phải ngưng lập tức các công việc làm bằng trí óc, và hãy đi ra ngoài chỗ thoáng khí. Sự mất ngủ, nếu không phải do dùng chất kích thích thần kinh như rượu, trà hay cà phê cùng thuốc lá hoặc vì ăn quá no, thì đó là triệu chứng của sự làm việc quá độ. Khi nào ngủ lại được thì mới nên bắt đầu làm việc lại. Những lo âu cũng là nguồn kích động làm cho ta mất ngủ.

Ngoài trời rộng, đi bách bộ, giúp cho máu chạy mạnh, rất có lợi cho sự trầm tư mặc tưởng. Nhà nhạc sĩ đại tài Beethoven thường thích vận động ngoài đồng rộng, có khi đi suốt ngày quên cả giờ ăn. Trong khi đó, ông biên chép tất cả những ý gì hay hiện ra.

Cicéron cũng thích làm việc bằng cách đi chơi ngoài trời. Spencer cũng nói: "Tôi thường làm việc bằng cách đi rong ngoài ruộng. Trong khi tôi đi thì đầu óc tôi làm việc mãnh liệt". Stuart Mill thuật rằng phần lớn quyển sách Logique của ông đã được nghiền ngẫm trong những lúc đi làm việc mà phải đi bách bộ đến sở.

Làm việc ban đêm là nguy hiểm nhất, đừng bao giờ thức khuya, *sau 10 giờ đêm là phải ngưng làm việc ngay.*

Không có gì nguy hại bằng cách tiêu pha sức khỏe mình trong các tiệm nước hay các rạp xinê. Những giờ nghỉ, cần tìm cách tiêu khiển ngoài trời tốt hơn, nhưng cũng đừng quá phung phí sức mình trong các cuộc thể thao nhọc mệt.

❋❋❋

Kết luận

Người *học thức*, tức là người thà biết ít mà thật biết những gì mình biết, còn những gì mình không biết thì cũng biết rõ là mình không biết. *"Không có sự dốt nát nào nhục nhã bằng tin tưởng rằng mình đã biết trong khi mình chưa biết".* Văn hóa là một vấn đề thuộc *phẩm* chứ không phải thuộc *lượng*.

Tuy nhiên, càng biết rộng càng hay, càng biết sâu càng quý. Một cái học về bề rộng mà kém về bề sâu, là một cái học nông nổi phù phiếm. Một cái học về bề sâu nhưng kém về bề rộng, là một cái học câu chấp hẹp hòi. Cả hai

đều là thiếu sót cả. Có được một cái học rộng rãi thì tránh được nạn thiên kiến chấp nhất; có được một cái học chuyên môn thì cái học của mình mới biến thành thực dụng. Điều hòa được cả hai lối học ấy là thực hiện được mức cao nhất của công trình văn hóa của mình.

Đọc sách và biết đọc sách rất cần, nhưng chính mắt thấy tai nghe, biết nhìn xem và quan sát, biết suy nghĩ và phê bình những sự vật chung quanh ta hằng ngày lại càng cần hơn. Cái lợi của sách là giúp cho mình suy nghĩ, chứ không phải suy nghĩ thế cho mình.

Học khoa học và triết học rất cần, nhưng đào tạo cho mình một tinh thần khoa học và triết học lại càng cần hơn.

Mỗi người, tùy khả năng, tùy phương tiện, tùy tính khí, tùy khuynh hướng... phải biết tự mình tìm thấy một phương pháp thích ứng cho riêng mình.

Thật vậy, sở dĩ *"không ai giúp ai được là vì không ai giống ai cả"* như Jules Payot đã nói. Và cũng vì tin tưởng như thế nên tôi chỉ nêu lên những nguyên tắc mà không dám đưa ra những thí nghiệm của bản thân. Tôi lại còn muốn nói thêm: *"Không ai bắt chước ai được, vì không ai giống ai cả".* Socrate nói rất chí lý: *"Tôi không dạy ai được cả, tôi chỉ khêu gợi mà thôi".*

Học cũng như ăn. Tuy là cần thiết cho tất cả mọi người, nhưng không phải món ăn nào cũng hợp cho tất cả mọi người. Có kẻ ăn mau tiêu, có người ăn lâu tiêu: sức tiêu hóa của mỗi người mỗi khác. Lớn ăn khác, nhỏ ăn khác; mạnh ăn khác, đau ăn khác; ở xứ nóng ăn khác, ở xứ lạnh ăn khác. Có phương pháp học lợi cho người này, nhưng không lợi cho người kia. Ai đã từng đi dạy học đều biết rằng phương pháp dạy *phải tùy từng cá nhân mà áp dụng*. Nhà giáo dục phải như người trồng cây. Cho nên người Tây phương đã dùng chữ "culture" [5] *để chỉ về văn hóa*. Mỗi loại cây đều có những nhu cầu khác nhau, cần sự chăm nom săn sóc khác nhau.

***

Nói thì dễ nhưng làm được bấy nhiêu thôi đâu phải là dễ. *"Tri dị, hành nan"* hay *"tri nan, hành dị?"*. Theo tôi, cả hai đều khó cả.

Học đâu phải là công việc của một thời kỳ cắp sách vào trường, "thập niên đăng hỏa" mà thực ra phải là công phu thực hiện của suốt một đời người. *"Học là một vấn đề không biết lúc nào là cùng. Còn sống giờ nào,*

còn phải học giờ nấy”.

Nhưng học mà không hóa có hại cho tinh thần, cũng như ăn mà không tiêu, có hại cho sức khỏe. Người có học thức là người đã *“thần hóa”* cái học của mình. Bởi vậy, học mà đến mức gần như quên hết cả sách vở của mình đã học, cái học ấy mới gọi được là cái học *“tinh nghĩa nhập thần”*.

Văn hóa không là quyền sở hữu của bất cứ một dân tộc nào: những quyển Bible, Koran, Bhagavad Gitâ, Đạo Đức kinh, Dịch kinh, Hoa Nghiêm kinh không phải là của riêng của một màu da, một dân tộc, một thế hệ nào cả. Nó là kho tàng chung của nhân loại. Và người văn hóa cao cũng không phải là người riêng của một màu da, của một dân tộc hay của một thế hệ nào cả, mà là một người đã hoàn thành sứ mạng con người của mình, trong nhân loại.

----

[1] Jules Payot - L’Éducation de la Volonté (F.Alean, 1925).

[2] Soạn giả bộ tự điển trứ danh: Dictionnaire de la langue française.

[3] Jules Payot - Le Travail Intellectuel et la Volonté (F. Alcan, 1925).

[4] Bản dịch của Trần Trọng Kim (Nho Giáo 1).

[5] Culture có nghĩa đen là trồng trọt.

HẾT